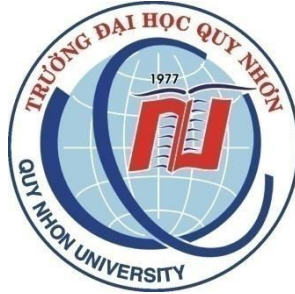


**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

---



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN**

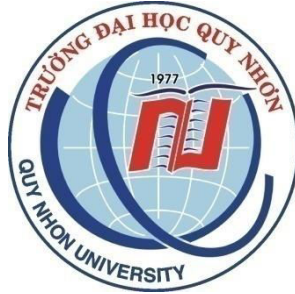
(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**Bình Định, tháng 10 - 2019**



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

---



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN**

(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**Bình Định, tháng 10 - 2019**





## DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

### TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN

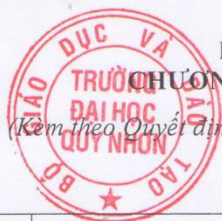
(Kèm theo Quyết định số 792/QĐ-DHQN ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng

Trường ĐHQN)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Đỗ Ngọc Mỹ	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Nguyễn Đình Hiền	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Ông Đoàn Đức Tùng	TS, Trưởng khoa Kỹ thuật & Công nghệ	Phó Chủ tịch	
4	Ông Trương Minh Tấn	TS, Phó Trưởng khoa Kỹ thuật & Công nghệ	Thư ký	
5	Ông Nguyễn Hữu Tiến	ThS, TP, Khảo thí & ĐBCL	Thành viên	
6	Ông Lê Xuân Vinh	TS, TP, Đào tạo đại học	Thành viên	
7	Ông Lê Tuấn Hộ	TS, Trưởng Bộ môn Kỹ thuật điện, khoa Kỹ thuật & Công nghệ	Thành viên	
8	Ông Nguyễn Hồng Anh	GS.TS, Giảng viên khoa Kỹ thuật & Công nghệ	Thành viên	
9	Ông Huỳnh Đức Hoàn	PGS.TS, TP, Cơ sở vật chất	Thành viên	
10	Ông Huỳnh Nguyễn Bảo Phương	TS, Phó Trưởng khoa Kỹ thuật & Công nghệ	Thành viên	
11	Ông Hồ Văn Phi	TS, TP, Công tác sinh viên	Thành viên	
12	Ông Huỳnh Công Tú	TS, PTP, Đào tạo đại học	Thành viên	
13	Ông Mai Xuân Miên	TS, TP, Hành chính - Tổng hợp	Thành viên	
14	Ông Nguyễn Khắc Khanh	ThS, GĐTT Hỗ trợ sinh viên & Quan hệ doanh nghiệp	Thành viên	
15	Ông Nguyễn Văn Lâm	Sinh viên KTD,ĐT K38, Lớp trưởng, Khoa KT&CN	Thành viên	

(Danh sách gồm có 15 người)





**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN**

(Kèm theo Quyết định số 3016/QĐ-DHQN ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Ông Đỗ Ngọc Mỹ	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Ông Nguyễn Đình Hiền	PGS. TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3.	Ông Huỳnh Đức Hoàn	PGS.TS, Trưởng khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Phó Chủ tịch
4.	Ông Nguyễn Mai Chí Trung	TS, Phó Trưởng khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thư ký
5.	Ông Nguyễn Hữu Tiến	ThS, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
6.	Ông Lê Xuân Vinh	TS, Trưởng phòng Đào tạo đại học	Thành viên
7.	Ông Đoàn Đức Tùng	TS, Trưởng phòng Cơ sở vật chất	Thành viên
8.	Ông Trương Minh Tấn	TS, Phó Trưởng phòng Đào tạo đại học	Thành viên
9.	Ông Lê Tuấn Hộ	TS, Trưởng Bộ môn Kỹ thuật điện, khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
10.	Ông Nguyễn Hồng Anh	GS.TS, Giảng viên khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
11.	Ông Huỳnh Nguyễn Bảo Phương	TS, Phó Trưởng khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
12.	Ông Hồ Văn Phi	TS, Trưởng phòng Công tác sinh viên	Thành viên
13.	Ông Huỳnh Công Tú	TS, Phó Trưởng phòng Đào tạo đại học	Thành viên
14.	Ông Mai Xuân Miên	TS, Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp	Thành viên
15.	Ông Nguyễn Khắc Khanh	ThS. Giám đốc TT. Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ DN	Thành viên
16.	Ông Nguyễn Văn Lâm	Sinh viên KTĐ, ĐT K38, Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên

(Danh sách gồm có 16 người). 000





## MỤC LỤC

### DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

<b>Phần I: KHÁI QUÁT .....</b>	<b>1</b>
<b>Phần II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ .....</b>	<b>13</b>
<b>Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....</b>	<b>13</b>
<i>Tiêu chí 1.1.....</i>	<i>13</i>
<i>Tiêu chí 1.2.....</i>	<i>16</i>
<i>Tiêu chí 1.3.....</i>	<i>19</i>
<b>Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo.....</b>	<b>22</b>
<i>Tiêu chí 2.1.....</i>	<i>22</i>
<i>Tiêu chí 2.2.....</i>	<i>25</i>
<i>Tiêu chí 2.3.....</i>	<i>27</i>
<b>Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....</b>	<b>30</b>
<i>Tiêu chí 3.1.....</i>	<i>30</i>
<i>Tiêu chí 3.2.....</i>	<i>34</i>
<i>Tiêu chí 3.3.....</i>	<i>37</i>
<b>Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học .....</b>	<b>41</b>
<i>Tiêu chí 4.1.....</i>	<i>41</i>
<i>Tiêu chí 4.2.....</i>	<i>44</i>
<i>Tiêu chí 4.3.....</i>	<i>46</i>
<b>Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học.....</b>	<b>48</b>
<i>Tiêu chí 5.1.....</i>	<i>49</i>
<i>Tiêu chí 5.2.....</i>	<i>52</i>
<i>Tiêu chí 5.3.....</i>	<i>54</i>
<i>Tiêu chí 5.4.....</i>	<i>56</i>
<i>Tiêu chí 5.5.....</i>	<i>59</i>
<b>Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên .....</b>	<b>61</b>
<i>Tiêu chí 6.1.....</i>	<i>61</i>
<i>Tiêu chí 6.2.....</i>	<i>64</i>
<i>Tiêu chí 6.3.....</i>	<i>65</i>
<i>Tiêu chí 6.4.....</i>	<i>67</i>

<i>Tiêu chí 6.5</i> .....	69
<i>Tiêu chí 6.6</i> .....	70
<i>Tiêu chí 6.7</i> .....	71
<b>Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên</b> .....	<b>73</b>
<i>Tiêu chí 7.1</i> .....	74
<i>Tiêu chí 7.2</i> .....	76
<i>Tiêu chí 7.3</i> .....	77
<i>Tiêu chí 7.4</i> .....	79
<i>Tiêu chí 7.5</i> .....	80
<b>Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học</b> .....	<b>82</b>
<i>Tiêu chí 8.1</i> .....	82
<i>Tiêu chí 8.2</i> .....	85
<i>Tiêu chí 8.3</i> .....	88
<i>Tiêu chí 8.4</i> .....	90
<i>Tiêu chí 8.5</i> .....	93
<b>Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị</b> .....	<b>96</b>
<i>Tiêu chí 9.1</i> .....	96
<i>Tiêu chí 9.2</i> .....	98
<i>Tiêu chí 9.3</i> .....	100
<i>Tiêu chí 9.4</i> .....	102
<i>Tiêu chí 9.5</i> .....	104
<b>Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng</b> .....	<b>106</b>
<i>Tiêu chí 10.1</i> .....	106
<i>Tiêu chí 10.2</i> .....	108
<i>Tiêu chí 10.3</i> .....	112
<i>Tiêu chí 10.4</i> .....	115
<i>Tiêu chí 10.5</i> .....	118
<i>Tiêu chí 10.6</i> .....	121
<b>Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra</b> .....	<b>124</b>
<i>Tiêu chí 11.1</i> .....	124
<i>Tiêu chí 11.2</i> .....	127
<i>Tiêu chí 11.3</i> .....	129

<i>Tiêu chí 11.4</i> .....	131
<i>Tiêu chí 11.5</i> .....	133
<b>Phần III: KẾT LUẬN</b> .....	<b>137</b>
<b>Phụ lục 1. Quyết định số 792/QĐ-ĐHQN về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện</b> .....	<b>1</b>
<b>Phụ lục 2. Quyết định số 3016/QĐ-ĐHQN về việc điều chỉnh, bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện</b> .....	<b>7</b>
<b>Phụ lục 3. Kế hoạch số 1401/KH-ĐHQN tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện</b> .....	<b>11</b>
<b>Phụ lục 4. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng Chương trình đào tạo</b> .....	<b>19</b>
<b>Phụ lục 5. Danh mục minh chứng</b> .....	<b>41</b>



## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BCH	:	Ban Chấp hành
CB	:	Cán bộ
CĐR	:	Chuẩn đầu ra
CLB	:	Câu lạc bộ
CLĐT	:	Chất lượng đào tạo
CNH-HĐH	:	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CNTT	:	Công nghệ thông tin
CSVC	:	Cơ sở vật chất
CTĐT	:	Chương trình đào tạo
CTDH	:	Chương trình dạy học
CVHT	:	Cố vấn học tập
ĐBCL	:	Đảm bảo chất lượng
ĐHQN	:	Đại học Quy Nhơn
ĐATN	:	Đồ án tốt nghiệp
ĐHBK	:	Đại học Bách khoa
ĐHSP	:	Đại học sư phạm
GD&ĐT	:	Giáo dục và Đào tạo
GDDH	:	Giáo dục đại học
GS	:	Giáo sư
PGS	:	Phó giáo sư
GV	:	Giảng viên
HTQT	:	Hợp tác quốc tế
KBNN	:	Kho bạc Nhà nước
KH&CN	:	Khoa học và Công nghệ
KT&ĐBCL	:	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
KT&CN	:	Kỹ thuật & Công nghệ
KTQD	:	Kinh tế Quốc dân
KTX	:	Ký túc xá
KHXH&NV	:	Khoa học Xã hội & Nhân văn
MC	:	Minh chứng

NCKH	:	Nghiên cứu khoa học
NCS	:	Nghiên cứu sinh
QLKH&HTQT	:	Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế
QTKD	:	Quản trị kinh doanh
SV	:	Sinh viên
TC	:	Tín chỉ
TCCN	:	Trung cấp chuyên nghiệp
TĐG	:	Tự đánh giá
TNCS	:	Thanh niên cộng sản
THPT	:	Trung học phổ thông
ThS	:	Thạc sĩ
TS	:	Tiến sĩ
TSKH	:	Tiến sĩ khoa học
XH	:	Xã hội
YKPH	:	Ý kiến phản hồi

## **Phần I: KHÁI QUÁT**

### **1.1. Đặt vấn đề**

Trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐHQN luôn quan tâm đến nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục và CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực có trình độ cao cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, nhất là khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên.

Năm 2017, Trường ĐHQN đã tiến hành kiểm định chất lượng trường đại học và đã được Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cho Trường ĐHQN (theo Quyết định số 120/QĐ-CEA.UD ngày 12/10/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng). Trên cơ sở đó, Nhà trường tích cực triển khai nhiều hoạt động như: cải tiến, nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục, nhất là các hoạt động đào tạo và phục vụ đào tạo; trong đó tập trung triển khai đánh giá các CTĐT. Chính vì vậy, Trường ĐHQN đã tự nguyện đăng ký tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Kỹ thuật điện theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT, Hướng dẫn số 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định CLGD, Hướng dẫn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/04/2018 của Cục Quản lý chất lượng.

Trong quá trình triển khai tự đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật điện, Hội đồng tự đánh giá căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng CTĐT; đánh giá hiệu quả các hoạt động đào tạo, NCKH, chỉ ra những mặt mạnh và mặt yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra.

**Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật điện gồm có 3 phần:**

- Phần I: Khái quát

+ Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT (mô tả cấu trúc, nội dung, cách mã hóa minh chứng...);

+ Tổng quan chung về Trường ĐHQN và Khoa KT&CN (tóm tắt sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, triết lý giáo dục, các chính sách và hoạt động ĐBCL thực hiện CTĐT...)

- Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Tự đánh giá lần lượt từng tiêu chí theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT với cấu trúc như sau:

Tiêu chuẩn.....

Mở đầu

Tiêu chí....

1. Mô tả (Mô tả và nhận định thực trạng của CTĐT theo các nội hàm của tiêu chí...)
2. Điểm mạnh (Nêu những điểm mạnh nổi bật của CTĐT)
3. Điểm tồn tại (Nêu những điểm tồn tại của CTĐT)
4. Kế hoạch hành động (Kế hoạch phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại...)
5. Tự đánh giá

Kết luận về Tiêu chuẩn...

- Phần III. Kết luận (Tóm tắt những điểm mạnh, điểm cần phát huy của CTĐT; những điểm tồn tại, những vấn đề cần cải tiến chất lượng; kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT).

Ngoài ra, phần cuối của báo cáo tự đánh giá còn có các phụ lục liên quan.

**Mục đích tự đánh giá:** Đây là quá trình để Khoa KT&CN tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC, cũng như các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn CLĐT, từng bước xây dựng Khoa trở thành đơn vị đào tạo, nghiên cứu và thực hành có uy tín trong nước, vươn tới tầm khu vực và quốc tế.

**Nội dung tự đánh giá** CTĐT ngành Kỹ thuật điện bao gồm 11 nội dung như sau: Mục tiêu và CDR của CTĐT; Bản mô tả CTĐT; Cấu trúc và nội dung CTDH; Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Đánh giá kết quả học tập của người học; Chất lượng đội ngũ GV và nghiên cứu viên; Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ; Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học; CSVC và trang thiết bị; Nâng cao chất lượng; Kết quả đầu ra.

**Hội đồng tự đánh giá:** được thành lập theo Quyết định số 792/QĐ-ĐHQN ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN. Hội đồng gồm có 15 thành viên.



Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá gồm có: Ban Thư ký gồm 7 thành viên và 5 nhóm công tác gồm 21 thành viên được thành lập theo Quyết định số 792/QĐ-ĐHQN ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN.

**Phương pháp và bộ công cụ đánh giá:** Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật điện của Khoa KT&CN được thực hiện dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH.

Đối với mỗi tiêu chí đánh giá được tiến hành xem xét theo trình tự sau:

- Mô tả, làm rõ thực trạng của CTĐT;
- Phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu để đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và những biện pháp khắc phục;
- Lập kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

Quá trình tự đánh giá CTĐT được tiến hành một cách khách quan, trung thực, công khai và minh bạch; các giải thích, nhận định, kết luận được đưa ra đều dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đủ độ tin cậy. Trong quá trình thực hiện tự đánh giá, bên cạnh các thành viên trong Hội đồng TĐG, Ban Thư ký và các nhóm công tác, Khoa đã huy động phần lớn GV, viên chức của Khoa và một số cá nhân, đơn vị liên quan trong trường tham gia phối hợp, hỗ trợ các nhóm công tác của Hội đồng để triển khai tự đánh giá CTĐT.

**Quy trình tự đánh giá:**

Quy trình TĐG chất lượng CTĐT được thực hiện theo các bước chính sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký, các nhóm công tác;

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng;

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến; rà soát, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

## **Phương pháp mã hóa minh chứng:**

Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp  $n \geq 10$  thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15)

Ví dụ: H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H10.10.05.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 5 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

## **1.2. Tổng quan chung**

### ***1.2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Quy Nhơn***

Hai năm sau ngày đất nước thống nhất, Cơ sở ĐHSP Quy Nhơn được thành lập theo Quyết định số 1842/QĐ ngày 21 tháng 12 năm 1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục (nay là Bộ GD&ĐT) “có nhiệm vụ: Đào tạo bồi dưỡng giáo viên cấp 3 theo kế hoạch, chương trình, quy chế, chế độ của Nhà nước và Bộ Giáo dục quy định”. Ngày 13 tháng 7 năm 1981, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành Quyết định số 02/HĐBT về việc thành lập Trường ĐHSP Quy Nhơn “có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên các trường phổ thông trung học”.

Ngày 30 tháng 10 năm 2003, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg về việc đổi tên Trường ĐHSP Quy Nhơn thành Trường ĐHQN “có nhiệm vụ: 1. Đào tạo giáo viên trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành nghề đào tạo phù hợp với khả năng của trường và nhu cầu nhân lực xã hội. 2. NCKH phục vụ phát triển kinh tế - xã hội”.

Hơn 40 năm xây dựng và phát triển, từ một trường đào tạo ngành sư phạm, đến nay Trường ĐHQN là một trường đa ngành, đa lĩnh vực, không ngừng phát triển cả về

quy mô, lĩnh vực đào tạo lẫn trình độ và CLĐT, cả về số lượng và chất lượng đội ngũ GV, viên chức. Tính đến tháng 12 năm 2018, Nhà trường gồm có 16 khoa, 12 phòng, 02 viện, 06 trung tâm và 01 trạm y tế với 772 viên chức, trong đó có 546 GV cơ hữu, 01 GS và 32 PGS, 142 TS, 359 ThS và hơn 140 GV đang là NCS trong nước và nước ngoài. Đây là nguồn nhân lực dồi dào, nền móng vững chắc đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện Nhà trường theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Nhà trường hiện đang đào tạo 46 ngành trình độ đại học thuộc các khối sư phạm, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế và quản trị kinh doanh, KT&CN, với quy mô hơn 13.000 SV chính quy và khoảng 4.000 SV không chính quy; 17 chuyên ngành trình độ ThS, 03 chuyên ngành trình độ TS với quy mô gần 1.000 học viên, NCS. Ngoài ra, Trường còn đào tạo đại học, sau đại học và bồi dưỡng tiếng Việt cho lưu học sinh Lào thuộc các tỉnh Attapu, Champasak, Salavan và Sekong.

Trường ĐHQN đã trở thành địa chỉ đáng tin cậy và có uy tín, thương hiệu về CLĐT trong cả nước.

Từ năm 2007, Trường ĐHQN đã thực hiện tự đánh giá cơ sở giáo dục và các CTĐT giáo viên theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Năm 2016, Nhà trường tiếp tục triển khai tự đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Năm 2017, Trường được kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và đã được Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cho Trường ĐHQN (theo Quyết định số 120/QĐ-CEA.UD ngày 12/10/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng).

Sau đây là tổng quan vài nét về kết quả kiểm định chất lượng nhà trường. Những kết quả này là điều kiện quan trọng để đảm bảo và nâng cao chất lượng các CTĐT, trong đó có CTĐT ngành Kỹ thuật điện.

### ***Sứ mệnh, tầm nhìn, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi***

Trường ĐHQN xác định sứ mệnh và tầm nhìn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực của Nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Sứ mệnh và tầm nhìn của Nhà trường được công bố theo Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13/02/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN và được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các văn bản, phương tiện truyền thông nội bộ và bên ngoài xã hội.

*Sứ mệnh:* “Trường ĐHQN là cơ sở GDĐH đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội”.

*Tầm nhìn:* “Đến năm 2030, Trường ĐHQN sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế”.

*Triết lý giáo dục:* “Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp”

*Giá trị cốt lõi:* “Trách nhiệm - Chuyên nghiệp - Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn”.

Nhà trường đã xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và mục tiêu đề ra, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của cả nước và có các biện pháp cụ thể nhằm thực hiện có hiệu quả kế hoạch, mục tiêu chiến lược đề ra.

### ***Cơ cấu tổ chức và quản lý***

Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHQN được thực hiện theo Điều 14 Luật GDĐH, bao gồm:

- Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Phòng chức năng, trung tâm, trạm;
- Khoa, bộ môn;
- Các trung tâm dịch vụ đào tạo, các viện NCKH và công nghệ; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- Hội đồng khoa học và đào tạo và các hội đồng tư vấn.

Công tác quản lý của Nhà trường được thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, các quy định của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT và theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHQN (ban hành theo Quyết định số 902/QĐ-ĐHQN ngày 24/6/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN). Hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý trong Trường được phổ biến rộng rãi và triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, viên chức quản lý,

GV, nhân viên trong Trường được quy định rõ ràng. Tổ chức Đảng và các đoàn thể trong Trường hoạt động có hiệu quả, xây dựng khối đoàn kết nhất trí trong viên chức quản lý, GV, nhân viên và SV.

### ***Chương trình và hoạt động đào tạo***

CTĐT của tất cả các bậc học và chuyên ngành đào tạo của Trường được xây dựng theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức và kỹ năng của từng trình độ đào tạo, đồng thời đáp ứng yêu cầu của người học và của thị trường lao động. Nhiều CTĐT đã có sự tham khảo CTĐT của các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước, được định kỳ cập nhật, bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở tham khảo ý kiến của GV, SV, học viên và YKPH từ nhà tuyển dụng lao động.

Hoạt động đào tạo của Nhà trường thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Từ năm 2010, Trường ĐHQN đã thực hiện chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang học chế tín chỉ, đa dạng hóa các hình thức đào tạo đáp ứng yêu cầu của người học, tạo điều kiện thuận lợi và phát huy tính tích cực chủ động của người học. Nhà trường đã chú trọng đổi mới, đa dạng hóa phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học; thường xuyên triển khai lấy YKPH của người học về hoạt động giảng dạy của GV. Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập và mục tiêu môn học, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng.

Nhà trường đã kịp thời phổ biến các quy chế đào tạo, CTĐT, quy chế kiểm tra đánh giá nhằm giúp SV tiếp cận, nắm vững và chấp hành tốt các quy chế, quy định của Nhà trường. Định kỳ, SV được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, CTĐT của Nhà trường. Các hoạt động hỗ trợ SV tốt nghiệp tìm kiếm việc làm, kết nối giữa SV với các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng được tổ chức thường xuyên.

### ***Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên***

Đội ngũ CB quản lý, GV và nhân viên của Nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với sự nghiệp xây dựng và phát triển Nhà trường, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Nhà trường đã và đang triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch bồi dưỡng và phát triển đội ngũ, có chính sách hỗ trợ về tài chính, tạo điều kiện về thời gian cho đội

ngũ GV và CB quản lý tham gia học tập, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ CB, GV của Trường ngày càng được nâng cao, cơ cấu đội ngũ GV theo trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và độ tuổi ngày càng hợp lý.

Nhà trường đã tạo môi trường dân chủ để CB quản lý, GV và nhân viên tham gia đóng góp ý kiến đối với các chủ trương, kế hoạch của Trường. Trường đã thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, đảm bảo đúng quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của CB, GV và người học.

### ***Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế***

Nhà trường đã chủ động xây dựng quy chế, quy định hoạt động KH&CN, triển khai kế hoạch hoạt động KH&CN theo hướng dẫn của các cấp quản lý; chú trọng triển khai thực hiện và đánh giá nghiệm thu các đề tài NCKH đúng thời hạn, bảo đảm yêu cầu chất lượng các đề tài nghiên cứu các cấp; số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế ngày càng tăng, có năm có đến gần 80 bài báo được đăng trên các tạp chí SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI. Các đề tài và kết quả nghiên cứu gắn với mục tiêu, CTĐT, gắn với thực tế địa phương, được ứng dụng có hiệu quả trong công tác đào tạo và giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực.

Nhà trường tạo mọi điều kiện thuận lợi để CB quản lý, GV tham gia các đề tài, các dự án KH&CN, tham dự các Hội nghị khoa học trong nước và quốc tế; chú trọng phát triển hệ thống phòng thí nghiệm, tăng cường trang thiết bị thí nghiệm hiện đại cho các ngành Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kỹ thuật - Công nghệ.

Hoạt động HTQT được coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa chiến lược trong quá trình xây dựng và phát triển Nhà trường, góp phần nâng cao CLĐT, NCKH và hội nhập với khu vực và thế giới.

Nhà trường từng bước mở rộng, triển khai các chương trình hợp tác đào tạo song phương, chương trình dự án GDĐH, dự án liên kết giáo dục như: chương trình học bổng EMMA và dự án VLIR do Cộng đồng chung Châu Âu và Đại học Leuven- Bỉ tài trợ. Tích cực triển khai các dự án quốc tế đã ký kết (HR4ASIA, FCB TEAM, SI 2018, TWAS, KIST, MOMA); xây dựng dự án IUC (Institutional University Cooperation) do VLIR-UOS tài trợ với Đại học KU. Leuven. Đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức, tập đoàn, doanh nghiệp trong và ngoài nước như: Tập đoàn FPT Software (Nhật Bản);

Công ty CP Phát triển công nghệ VINTECH (Tập đoàn Vingroup); Viện Nghiên cứu khoa học và giáo dục liên ngành (IFIRSE); Công ty TMA Solutions...

Nhà trường đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế về các lĩnh vực Toán, Vật lý, Hóa học, Công nghệ thông tin, Địa lý... với sự tham gia của các nhà khoa học, các GV, đối tác trong và ngoài nước. Nhờ những nỗ lực HTQT về đào tạo và NCKH kể trên mà năng lực nghiên cứu, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của GV được nâng cao và vị thế của Trường đối với một số nước trên thế giới ngày càng được củng cố và phát triển.

### ***Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác***

Nhà trường đảm bảo đủ các điều kiện về thư viện, trang thiết bị thí nghiệm, thực hành, các thiết bị hỗ trợ giảng dạy, học tập và CSVC khác để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH, nhằm đạt được mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Trung tâm Thông tin tư liệu của Nhà trường có đủ đầu sách, tài liệu, giáo trình, báo, tạp chí, có hệ thống phòng đọc, phòng mượn phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập của GV và người học.

Trường có hệ thống giảng đường, hội trường, phòng thực hành, thí nghiệm, khu luyện tập thể dục thể thao được trang bị các thiết bị hiện đại đáp ứng cả về số lượng và chất lượng phục vụ cho việc dạy học và NCKH, cho các hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể thao của SV.

Hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông được chú trọng đầu tư và ngày càng hoàn thiện, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và đào tạo. Triển khai các phần mềm: Cổng thông tin điện tử - Portal, Quản lý nhân sự - HRM, Quản lý khảo sát ý kiến SV - eSurvey, Quản lý tạp chí khoa học - JMS, Kế toán thù lao giảng dạy; thu học phí SV; mở rộng kết nối mạng nội bộ, mạng Internet Wifi; triển khai dịch vụ Internet Wifi tại khu KTX; triển khai E-Learning. Thực hiện công tác truyền thông trên cổng thông tin điện tử, mạng Internet, mạng xã hội và các kênh thông tin khác; vận hành Website tiếng Anh.

### ***1.2.2. Giới thiệu về Khoa Kỹ thuật và Công nghệ***

Tháng 3/1991, Đại hội Đảng bộ Trường ĐHSP Quy Nhơn lần thứ VI đã thống nhất chủ trương đa dạng hóa mục tiêu, loại hình đào tạo nhằm phù hợp với yêu cầu khách quan và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của các địa phương trong khu vực. Trên cơ sở đó, Trường đã liên kết với: ĐHBK Đà Nẵng đào tạo Kỹ sư các ngành Điện và Điện tử (năm học 1991 - 1992), Đại học KHXH & NV (ĐH Quốc gia Hà Nội)

đào tạo ngành Luật và Đại học KTQD Hà Nội đào tạo ngành Quản trị kinh doanh (năm học 1992 - 1993). Năm học 1993 - 1994, Trường liên kết với ĐHBK Hà Nội đào tạo các ngành Kỹ thuật điện, Điện tử - Viễn thông, Công nghệ Hữu cơ - Hoá dầu và Quản trị doanh nghiệp.

Tháng 6/1996, Hiệu trưởng Trường ĐHSP Quy Nhơn ra Quyết định số 118/QĐ thành lập Ban liên kết đào tạo giai đoạn II với tên là Ban Công nghệ - Kinh tế - Luật. Tháng 7/1998, Hiệu trưởng Trường ĐHSP Quy Nhơn ra Quyết định số 219/QĐ chuyển bộ phận Công nghệ thuộc Ban Công nghệ - Kinh tế - Luật thành Ban Công nghệ. Với việc mở rộng liên kết đào tạo của Trường, từ năm 1998 đến năm 2002, Ban Công nghệ đã quản lý hệ đào tạo Kỹ sư các ngành: Kỹ thuật điện, Điện tử - Viễn thông, Công nghệ Hữu cơ - Hoá dầu, Điện tử - Tin học, Công nghệ Môi trường.

Năm 2002, Bộ GD&ĐT ra Quyết định số 1247/QĐ-BGDĐT-TCCB thành lập Khoa KT&CN thuộc Trường ĐHSP Quy Nhơn. Từ năm học 2002 - 2003, Khoa được Bộ GD&ĐT cho phép tuyển sinh đào tạo ngành Kỹ thuật điện, Điện tử - Viễn thông, tiếp theo là ngành Công nghệ Kỹ thuật xây dựng. Cùng với sự phát triển của Trường ĐHQN, Khoa mở ngành đào tạo Thạc sỹ ngành Kỹ thuật điện năm 2013 và Thạc sỹ ngành Kỹ thuật viễn thông năm 2016. Hiện nay, Khoa đang đảm nhận đào tạo:

- Hệ liên thông cao đẳng lên đại học chính quy các ngành: Kỹ thuật điện; Kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ Kỹ thuật xây dựng.

- Hệ đại học các ngành: Kỹ thuật điện; Kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ Kỹ thuật xây dựng.

- Hệ cao học các ngành: Kỹ thuật điện; Kỹ thuật viễn thông.

Từ những ngày đầu thành lập, Ban Công nghệ chỉ có 10 CB, GV và 03 phòng Thí nghiệm - Thực hành, đến nay GV và viên chức của Khoa gồm 01 GS, 01 PGS, 14 TS, 14 NCS (05 NCS nước ngoài), 19 ThS, 02 KS (đang học cao học), 01 thư ký và 01 trợ lý; hiện nay Khoa có 16 phòng thí nghiệm - thực hành chuyên ngành đủ đáp ứng yêu cầu đào tạo cho các ngành trong Khoa.

Ngành Kỹ thuật điện là một trong 03 ngành của Khoa KT&CN với CTĐT có tổng số tín chỉ là 150 tín chỉ và trên 60 học phần. Đây là ngành học được Nhà trường liên kết với ĐHBK Hà Nội đào tạo từ năm học 1993 - 1994. Tính đến nay, Khoa đã trải qua 25 năm đào tạo ngành học này. Hiện nay, số lượng GV của ngành Kỹ thuật điện là 18, trong đó có 01 GS, 01 PGS, 9 TS, 05 ThS và 2 NCS. Trong quá trình đào



tạo, Khoa KT&CN luôn coi CTĐT là một trong những yếu tố quan trọng nhất tác động đến CLĐT của ngành học. Chính vì vậy, việc đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kỹ thuật điện là hết sức cần thiết để nâng cao CLĐT phù hợp với nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội hiện nay.

Qua quá trình nghiên cứu bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành và các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các nhóm công tác đã phân tích các tiêu chí, thu thập và xử lý minh chứng, viết các phiếu đánh giá tiêu chí, dự thảo báo cáo TĐG, nghe ý kiến tư vấn của các chuyên gia, thảo luận và chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá CTĐT của ngành Kỹ thuật điện. Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật điện đã mô tả rõ ràng và đầy đủ các hoạt động của CTĐT, trong đó đã chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại, đưa ra kế hoạch hành động để tiếp tục duy trì mặt mạnh và các giải pháp khắc phục các mặt còn tồn tại của CTĐT ngành Kỹ thuật điện và tự đánh giá mức độ đạt yêu cầu của các tiêu chí. Kết quả tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí được trình bày trong phần II sau đây.



## **Phần II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ**

### **Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

#### **Mở đầu**

Trường ĐHQN là cơ sở GDDH đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mạng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyên giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội. Khoa KT&CN là một trong những khoa lớn của Nhà trường, sự phát triển của Khoa gắn liền với truyền thống và sứ mệnh của Trường ĐHQN. Trải qua gần ba mươi năm đào tạo đại học, sứ mạng, mục tiêu, CDR và CTĐT ngành Kỹ thuật điện luôn được phổ biến, quán triệt sâu sắc trong tập thể lãnh đạo, GV và người học của Khoa, được cập nhật, bổ sung cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển theo định hướng chiến lược kinh tế - xã hội của vùng, của đất nước và phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế. Khoa đã huy động các GV, nhà khoa học có kinh nghiệm, các nhà quản lý trong và ngoài Khoa tham gia xây dựng CTĐT một cách bài bản, có khoa học. CTĐT bậc đại học đã có sự tham khảo CTĐT của các trường đại học có uy tín trong cả nước, của các nước trong khu vực và trên thế giới. CTĐT của Khoa đã thể hiện mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách có hệ thống, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Mục tiêu và CDR các ngành đào tạo của Khoa đã được sự góp ý bài bản, được sự đồng thuận và nhất trí cao của các thành viên trong Bộ môn và Hội đồng Khoa; được các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đóng góp ý kiến để ngày càng hoàn thiện hơn.

***Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học***

#### **1. Mô tả**

Mục tiêu của CTĐT ngành Kỹ thuật điện được xác định rõ ràng, được cập nhật, điều chỉnh thường xuyên, được thảo luận cụ thể qua các cuộc họp của Bộ môn Kỹ thuật điện, của hội đồng Khoa và được thể hiện ở mục tiêu của CTĐT ngành Kỹ thuật điện hiện hành của Trường ĐHQN được ban hành vào năm 2019 "*Đào tạo kỹ sư kỹ*

*thuật điện có năng lực vững vàng, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động cả nước trong quá trình hội nhập"* **[H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]**. Mục tiêu này cũng phù hợp với mục tiêu của Khoa KT&CN đó là "*Đào tạo kỹ sư kỹ thuật có năng lực vững vàng, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động cả nước trong quá trình hội nhập*"; sứ mạng của Trường ĐHQN đó là "*Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội*" và tầm nhìn của Trường ĐHQN đó là "*Đến năm 2030, Trường Đại học Quy Nhơn sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế*" **[H1.01.01.04], [H1.01.01.05]**. Bên cạnh đó, mục tiêu của CTĐT ngành cũng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của Luật giáo dục 2005 được quy định tại điều 2 về đào tạo con người và mục tiêu của GDDH được quy định tại điều 5, Luật GDDH 2012 "*Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân*" **[H1.01.01.06]**.

Với mục tiêu rõ ràng, CTĐT ngành Kỹ thuật điện được các nhà khoa học, các GV có kinh nghiệm, các nhà quản lý trong và ngoài Bộ môn, Khoa tham gia xây dựng một cách bài bản, thể hiện rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý và có hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, yêu cầu về năng lực mà người học có thể đạt được sau khi tốt nghiệp **[H1.01.01.07]**. Mục tiêu của CTĐT được chi tiết, cụ thể hóa bằng các nội dung quy định về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức của nguồn nhân lực được đào tạo thể hiện trong Mục tiêu cụ thể và CDR của chương trình. CTĐT của ngành Kỹ thuật điện cũng được bổ sung thêm Bản mô tả CTĐT, Đề cương chi tiết các môn học

và ma trận các kỹ năng trong CTĐT [H1.01.01.03], [H1.01.01.08]. CTĐT của ngành cũng đã được tiến hành rà soát, điều chỉnh vào năm 2010 và 2015 [H1.01.01.09] và đã được cập nhật, bổ sung dựa trên kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn 2030 và được cụ thể hóa bằng kế hoạch tổ chức đánh giá, sửa đổi, cập nhật CTĐT vào năm 2018 của Trường [H1.01.01.10], [H1.01.01.11].

Mục tiêu của CTĐT ngành Kỹ thuật điện được phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức khác nhau như sổ tay, qua các phương tiện thông tin của Trường, của Khoa để cho người học, cựu người học, GV và các nhà tuyển dụng có thể nắm rõ [H1.01.01.12], [H1.01.01.13].

## **2. Điểm mạnh**

Mục tiêu của CTĐT ngành Kỹ thuật điện của Khoa KT&CN được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH, tầm nhìn và sứ mạng của Trường ĐHQN, đó là: đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, có phẩm chất chính trị, có đạo đức; có kiến thức, có kỹ năng nghề nghiệp; có sức khỏe tốt nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực của khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên và cả nước. CTĐT của ngành đã làm rõ mục tiêu đào tạo, CĐR. CTĐT có cập nhật các nội dung mới nhất của chuyên ngành Kỹ thuật điện phù hợp với thực tế.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu của CTĐT chưa lấy được số lượng lớn ý kiến phản hồi của cựu người học nên chưa đáp ứng tốt nhất nhu cầu của thị trường lao động hiện nay. Nguyên nhân của vấn đề này là Khoa chưa thể liên kết được mạng lưới rộng lớn cựu sinh viên vì chưa thành lập được Hội cựu sinh viên ngành Kỹ thuật điện của Khoa.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa sẽ thành lập Hội cựu sinh viên ngành Kỹ thuật điện và tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của cựu người học đã tốt nghiệp và các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp về các nội dung cụ thể của mục tiêu để điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn.

Đồng thời, mục tiêu của CTĐT cũng sẽ được Khoa tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật trong năm học 2019 - 2020 theo các nội dung mới phù hợp với sự phát triển của ngành nghề trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

***Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo***

### **1. Mô tả**

CĐR của ngành Kỹ thuật điện được xây dựng bài bản, thường xuyên được cập nhật chỉnh sửa theo quy định và được công khai thông qua các văn bản, quyết định cũng như trên website của Trường, của Khoa và các kênh thông tin dựa trên văn bản quyết định cập nhật bổ sung CTĐT của Nhà trường [H1.01.02.01]. CĐR này thể hiện rõ năng lực (kiến thức, kỹ năng, thái độ), phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe của người học đã được Khoa đào tạo và giáo dục; CĐR được cập nhật thường xuyên theo quy định cho phù hợp với các yêu cầu thực tế [H1.01.02.02]. CĐR này được nhóm chuyên gia biên soạn, thảo luận, đóng góp ý kiến; sau đó tiến hành họp lấy ý kiến của các GV trong bộ môn, của Hội đồng khoa KT&CN, lấy ý kiến của các bên liên quan và được chính thức ban hành và công bố công khai với xã hội [H1.01.02.03], [H1.01.02.04], [H1.01.02.05], [H1.01.02.06], [H1.01.02.07], [H1.01.02.08].

CĐR của CTĐT ngành Kỹ thuật điện bám sát mục tiêu nhằm đào tạo kỹ sư Kỹ thuật điện có năng lực vững vàng, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động cả nước trong quá trình hội nhập. Cụ thể, CĐR yêu cầu SV tốt nghiệp, về kiến thức: Nắm vững kiến thức cốt lõi về khoa học cơ bản, kiến thức sâu về chuyên môn và khả năng ứng dụng vào thực tế và có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành các thiết bị điện, hệ thống điện và hệ thống điều khiển tự động đáp ứng nhu cầu xã hội. Về phẩm chất cá nhân và kỹ năng nghề nghiệp: Phân tích và lập luận kỹ thuật giải quyết vấn đề, khả năng thiết kế và tiến hành các thí nghiệm, phân tích và giải thích dữ liệu, có tư duy toàn diện và suy nghĩ mức hệ thống, nhận thức rõ về đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; ý thức học tập suốt đời. Về kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả trong môi trường làm việc đa ngành: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả và khả năng làm việc nhóm, có khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin để làm việc trong môi trường đa ngành.

CĐR của CTĐT ngành Kỹ thuật điện được triển khai ở cấp độ 3 và xác định mức năng lực cho mỗi chủ đề thuận tiện cho việc đo lường và đánh giá [H1.01.02.02]. Ma trận kỹ năng thể hiện mối quan hệ giữa CĐR của CTĐT và các học phần cũng được thiết lập. Ý nghĩa mức năng lực 3 cấp độ trong CĐR của CTĐT và Ma trận kỹ năng

được chỉ rõ theo các mức quy ước sau:

Nhóm	Mức năng lực	Ý nghĩa
1	0.0 → dưới 2.0	Có biết qua/có nghe qua
2	2.0 → dưới 3.0	Có hiểu biết/có thể tham gia
3	3.0 → dưới 3.5	Có khả năng ứng dụng
4	3.5 → dưới 4.0	Có khả năng phân tích
5	4.0 → dưới 4.5	Có khả năng tổng hợp
6	4.5 → 5.0	Có khả năng đánh giá

CĐR của ngành Kỹ thuật điện phản ánh được mục tiêu của Khoa KT&CN là: Đào tạo kỹ sư có năng lực vững vàng, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động cả nước trong quá trình hội nhập [H1.01.02.09], và cũng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHQN [H1.01.02.10].

Với việc rà soát điều chỉnh CĐR, CTĐT của ngành Kỹ thuật điện đã thực hiện khảo sát nhu cầu của thị trường lao động [H1.01.02.11], lấy ý kiến của GV, người học [H1.01.02.12] và cũng được bổ sung thêm bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết các học phần và ma trận kỹ năng trong CTĐT [H1.01.02.02], [H1.01.02.13]. Thông qua việc nắm bắt CĐR, bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết các học phần và ma trận kỹ năng, người học có thể sử dụng các công cụ đăng ký online cá nhân để có thể tự đăng ký các học phần, tự chọn lớp học tập, tự chọn GV giảng dạy nhằm đáp ứng các yêu cầu của CĐR và hoàn thành khối lượng kiến thức toàn khóa học [H1.01.02.13]. Với CĐR đã nêu và sau khi hoàn thành CTĐT, người học có thể công tác tại một số đơn vị, công ty liên quan đến ngành Kỹ thuật điện đã được Khoa thông báo trên website đơn vị như sau [H1.01.02.14]:

- Công ty điện lực, công ty truyền tải điện, các nhà máy phát điện (thủy điện, nhiệt điện...) với vai trò người vận hành, hoặc quản lý, điều phối kỹ thuật;
- Công ty tư vấn, thiết kế, xây lắp, vận hành, thí nghiệm, bảo trì các thiết bị và hệ thống điện;
- Cơ quan quản lý lĩnh vực điện - tự động hóa, cơ quan kiểm toán năng lượng, công ty mua bán, kinh doanh điện năng, công ty sản xuất chế tạo thiết bị điện;

- Công ty, nhà máy sản xuất công nghiệp tự động hóa, các dây chuyền, sản xuất và lắp ráp thiết bị điện, điện tử, công ty sản xuất thang máy, băng chuyền;
- Doanh nghiệp, công ty sản xuất, trung tâm thương mại với vai trò quản trị hệ thống điện, chiếu sáng;
- Tự mở doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực điện - điện tử;
- Có thể giảng dạy và làm nghiên cứu ở các viện, trường ĐH, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp về lĩnh vực điện - tự động hóa.

CTĐT ngành Kỹ thuật điện được quảng bá, phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức khác nhau như qua sổ tay, qua các phương tiện thông tin của Trường, của Khoa [H1.01.02.14], [H1.01.02.15].

Với việc xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR dựa trên việc tham khảo từ các nguồn thông tin, ý kiến đóng góp nhiều chiều, Khoa đã hệ thống lại được khung CTĐT và đưa ra được bộ CĐR phù hợp, hoàn thiện. Qua đó, GV, người học và doanh nghiệp dễ dàng nắm bắt được đầy đủ thông tin, hiểu rõ hơn và đánh giá đúng chất lượng dạy và học ngành Kỹ thuật điện.

## **2. Điểm mạnh**

CĐR ngành Kỹ thuật điện của Khoa KT&CN được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT và xác định cụ thể mức năng lực SV tốt nghiệp cần đạt được.

## **3. Điểm tồn tại**

Đây là lần đầu Khoa thực hiện công tác xây dựng CTĐT ngành Kỹ thuật điện theo hướng tiếp cận hiện đại nên Khoa chưa xây dựng được bộ công cụ đánh giá người học khi tốt nghiệp để kiểm tra phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa KT&CN kết hợp với Phòng Khảo thí và ĐBCL xây dựng bộ công cụ đánh giá người học khi tốt nghiệp để kiểm tra phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT.

Đồng thời, CĐR của CTĐT cũng sẽ được Khoa tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật từng học phần và sẽ cùng Hội đồng Khoa đánh giá, rà soát, đề xuất điều chỉnh CĐR của toàn bộ CTĐT theo hướng hiện đại hóa, cập nhật, tiếp cận quốc tế và đáp ứng với những biến đổi về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, chính trị tại Việt Nam.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**



***Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai***

**1. Mô tả**

Theo định kỳ cập nhật, rà soát, điều chỉnh CTĐT, Trường đã ban hành kế hoạch tổ chức đánh giá, sửa đổi, cập nhật CTĐT vào tháng 07/2018 và cử cán bộ tham gia tập huấn “Xây dựng CTĐT đáp ứng CĐR” [H1.01.03.01], [H1.01.03.02]. CĐR của CTĐT được thể hiện rõ trong CTĐT ngành Kỹ thuật điện hiện hành và bản mô tả đề cương chi tiết học phần nhằm cụ thể hóa các hoạt động có thể đạt được các CĐR đã đề ra [H1.01.03.03], [H1.01.03.04]. CĐR được đánh giá là phù hợp với các quy định về CĐR hiện hành và CĐR ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, giúp SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình. CĐR của CTĐT bao gồm các chuẩn về kiến thức: kiến thức cơ bản khoa học tự nhiên, kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn sâu về ngành; các chuẩn về kỹ năng; các chuẩn về thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp. Chất lượng CĐR được thể hiện qua các điểm:

Xây dựng CĐR đúng quy trình, rõ ràng bao gồm các bước sau: Nhà trường lên kế hoạch tổ chức tập huấn về xây dựng CĐR cho GV theo kế hoạch [H1.01.03.01], Nhà trường giao nhiệm vụ cho Khoa KT&CN xây dựng CĐR của ngành Kỹ thuật điện mà Khoa quản lý; Khoa thành lập nhóm chuyên gia để xây dựng dự thảo CĐR và tổ chức lấy ý kiến đóng góp của Bộ môn Kỹ thuật điện, các bên liên quan để hoàn thiện CĐR cho ngành [H1.01.03.05], [H1.01.03.06], [H1.01.03.07]; Hội đồng Khoa hoàn thiện CĐR và báo cáo Hội đồng khoa học - đào tạo Trường [H1.01.03.08]; Hội đồng khoa học - đào tạo Trường tổ chức lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo CĐR ngành Kỹ thuật điện [H1.01.03.09]; CĐR sau khi được tiếp thu, hoàn thiện được công bố thông qua website của trường, của khoa, sổ tay SV, ... giúp GV, người học và các bên liên quan dễ dàng nắm được CĐR của ngành Kỹ thuật điện.

Đáp ứng năng lực người học đạt được khi tốt nghiệp về năng lực, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe; cùng với ma trận kỹ năng mà người học cần đạt được [H1.01.03.10].

Phản ánh đúng yêu cầu của các bên liên quan bằng việc lấy ý kiến đóng góp của GV, nhà tuyển dụng lao động, cựu người học [H1.01.03.11].

Mục tiêu CTĐT ngành Kỹ thuật điện đã được thường xuyên tiến hành, rà soát, điều chỉnh theo đúng quy định. CTĐT theo hệ thống tín chỉ được ban hành năm 2010

được điều chỉnh lần thứ nhất vào năm 2015 [H1.01.03.12] và CTĐT hiện hành được điều chỉnh theo phương pháp tiếp cận CDIO là chương trình được cập nhật gần nhất, theo các quyết định cập nhật, điều chỉnh rà soát của Nhà trường [H1.01.03.13]. Trước khi xây dựng CTĐT ngành Kỹ thuật điện năm 2015, Khoa cũng đã tổ chức lấy ý kiến đóng góp cho CTĐT [H1.01.03.14]. Năm 2015, CTĐT được công bố với đầy đủ CDR ngành Kỹ thuật điện với đầy đủ bản mô tả CTĐT và bản mô tả các học phần [H1.01.03.15]. CDR ngành Kỹ thuật điện năm 2015 được bố cục rõ ràng với đầy đủ các nội dung theo hướng dẫn của công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/04/2010: tên ngành; mã số; trình độ đào tạo; CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ, đạo đức; vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà Nhà trường tham khảo. Các kết quả rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và đào tạo của Khoa được thể hiện qua kết quả xếp loại tốt nghiệp của người học [H1.01.03.16].

CDR của ngành Kỹ thuật điện được công bố công khai trên website của Khoa, niên giám CTĐT, sổ tay quảng bá tuyển sinh, sổ tay SV để các bên liên quan được biết [H1.01.03.17], [H1.01.03.18]. Việc rà soát, điều chỉnh CDR và nâng cao chất lượng CTĐT luôn nằm trong kế hoạch và nhiệm vụ của Khoa KT&CN, Trường ĐHQN và được thực hiện 2 năm 1 lần [H1.01.03.19], [H1.01.03.20].

## **2. Điểm mạnh**

CDR của CTĐT ngành Kỹ thuật điện được kịp thời bổ sung, điều chỉnh dựa trên phương pháp tiếp cận CDIO có tham khảo các chương trình tiên tiến, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người học, cựu người học và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn lực của ngành Kỹ thuật điện. CDR được công bố công khai cho người học và GV trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong từng năm học, trong từng môn học.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc lấy ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, cựu người học chưa được thực hiện với quy mô lớn nên CDR của ngành Kỹ thuật điện chưa phản ánh hết nhu cầu của nhà tuyển dụng, cựu người học và xã hội.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật CDR từng

học phần của CTĐT cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Song song đó, Khoa cũng đẩy mạnh ký kết các thỏa thuận hợp tác với những cơ sở thực tập uy tín, những cơ quan đang sử dụng và có nhu cầu sử dụng SV tốt nghiệp ngành Kỹ thuật điện từ năm 2019. Trên cơ sở đó, Khoa cũng có thể mở rộng đối tượng khảo sát lấy ý kiến về CDR và công bố rộng rãi CDR của CTĐT đến các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 1**

CDR của một ngành học trong một trường đại học là một trong các hệ thống thông số thể hiện sự gắn kết trường đại học với nhu cầu đào tạo của xã hội. CDR của ngành Kỹ thuật điện là một trong những yếu tố quan trọng trong việc nâng cao CLĐT của ngành, đồng thời cũng là cơ sở để hội nhập phát triển trong đào tạo. Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CDR, Nhà trường và Khoa đã chú trọng xây dựng một cách có khoa học dựa trên sự tham khảo CDR của các trường đại học có uy tín trong nước và trên thế giới cùng với sự đóng góp xây dựng của các nhà khoa học có uy tín, các nhà quản lý và các doanh nghiệp sử dụng người học của Khoa sau khi tốt nghiệp.

Mục tiêu của CTĐT ngành Kỹ thuật điện đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra. Với mục tiêu đào tạo kỹ sư Kỹ thuật điện có năng lực vững vàng, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động cả nước trong quá trình hội nhập, CDR của ngành sau khi xây dựng đã được rà soát, điều chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra của sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường. Tuy nhiên, quá trình xây dựng CDR của CTĐT còn có điểm hạn chế trong việc xây dựng hệ thống đánh giá lấy ý kiến đầy đủ của các bên liên quan, khảo sát ý kiến của các nhà tuyển dụng, các chuyên gia giáo dục và cựu người học và chưa thực hiện công tác này một cách rộng rãi.

Căn cứ vào đánh giá của các tiêu chí, trong 3 tiêu chí của tiêu chuẩn 1 Khoa KT&CN đánh giá 2 tiêu chí đạt 5/7 và 1 tiêu chí đạt 4/7.

## **Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo**

### **Mở đầu**

Bản mô tả CTĐT ngành Kỹ thuật điện được thực hiện theo Kế hoạch của Nhà trường và xây dựng từ năm 2010, điều chỉnh năm 2013, năm 2015 và năm 2018, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa. Bản mô tả CTĐT ngành cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CĐR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần. Bản mô tả CTĐT ngành Kỹ thuật điện được xây dựng rõ ràng, cung cấp đầy đủ thông tin quan trọng, chính thống được công bố công khai, dễ tiếp cận giúp người học, nhà tuyển dụng và xã hội nắm bắt các thông tin cần thiết, đặc biệt là các khối kiến thức và kỹ năng được trang bị thông qua chương trình. Bản mô tả CTĐT cũng là cơ sở để các nhà khoa học, các GV nghiên cứu về chương trình hiện hành, giúp Nhà trường đảm bảo các CĐR và đồng thời chứng minh khả năng đảm bảo đạt được CĐR đó. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT còn là nguồn thông tin giúp các chuyên gia thẩm định, rà soát chương trình và các cơ quan quản lý có thẩm quyền kiểm định chương trình hiểu được mục tiêu của CTĐT và các kết quả học tập dự kiến.

### ***Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật***

#### **1. Mô tả**

Vào tháng 05 năm 2010, Trường đã ban hành kế hoạch và lộ trình xây dựng CTĐT trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ nhằm thay thế CTĐT theo hệ niên chế [H2.02.01.01]. Dựa trên các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Khoa đã tiến hành xây dựng CTĐT ngành Kỹ thuật điện và được Trường ban hành vào tháng 09 năm 2010 cùng với các quy định thực hiện [H2.02.01.02], [H2.02.01.03]. Tuy nhiên, trong bản mô tả CTĐT ngành Kỹ thuật điện năm 2010 chỉ mới nêu được tóm tắt mục tiêu đào tạo, cấu trúc khóa học mà chưa thể hiện được sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được mục tiêu của chương trình cũng như chưa có bản mô tả đề cương chi tiết các học phần. Năm 2013, CTĐT ngành Kỹ thuật điện được tiến hành cập nhật, rà soát điều chỉnh một phần theo kế hoạch của Trường [H2.02.01.03].

Theo kế hoạch cập nhật, rà soát điều chỉnh CTĐT, Trường ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá và xây dựng lại CTĐT năm 2015 dựa trên các quy chế đào tạo mới được cập nhật **[H2.02.01.04]**. Quy trình tổ chức xây dựng CTĐT được xây dựng bài bản hơn, gồm các bước: Khoa đã tiến hành tổ chức hội thảo lấy ý kiến của các bên liên quan; Bộ môn Kỹ thuật điện họp xây dựng mục tiêu đào tạo, CDR và khung CTĐT dựa trên thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT; Hội đồng Khoa họp góp ý và thông qua khung đào tạo đại học các ngành và CDR của CTĐT; Khoa hoàn thiện đề cương chi tiết các học phần của CTĐT; Hội đồng khoa học và đào tạo thông qua CTĐT và Trường ban hành CTĐT và đề cương chi tiết các học phần **[H2.02.01.05]**. CTĐT ngành Kỹ thuật điện, điện tử đã nêu rõ Tên cơ sở đào tạo; trình độ đào tạo; ngành đào tạo; loại hình và hình thức đào tạo; mục tiêu đào tạo (bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể); CDR (bao gồm các chuẩn về kiến thức, kỹ năng, thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp, trình độ ngoại ngữ); cấu trúc khóa học; mô tả vắn tắt nội dung và số tín chỉ các học phần; đội ngũ và cơ sở vật chất thực hiện chương trình; giáo trình, bài giảng và các hướng dẫn thực hiện chương trình.

Năm 2018, Trường ban hành kế hoạch đánh giá, sửa đổi, cập nhật CTĐT theo định kỳ; và song song với đó, Trường đã cử cán bộ tham gia tập huấn xây dựng CTĐT theo phương pháp tiếp cận CDIO **[H2.02.01.06]**. Quy trình tổ chức xây dựng CDR, CTĐT ngành Kỹ thuật điện lần này hoàn thiện hơn năm 2015, bao gồm các bước như sau: Khoa thành lập nhóm chuyên gia để xây dựng CDR của CTĐT; Bộ môn Kỹ thuật điện họp để xây dựng CDR, CTĐT cho ngành Kỹ thuật điện; Hội đồng Khoa thông qua CDR và CTĐT; Khoa đã tiến hành tổ chức hội thảo lấy ý kiến của nhà tuyển dụng và cựu người học; Bộ môn Kỹ thuật điện họp bàn luận thống nhất CDR và CTĐT dựa trên ý kiến của nhà tuyển dụng và cựu người học; Hội đồng Khoa họp góp ý CTĐT sau chỉnh sửa, bổ sung; Trường tổ chức họp thẩm định CTĐT ngành Kỹ thuật điện **[H2.02.01.07]**. Song song với đó, các GV trong Bộ môn đã tiến hành viết đề cương chi tiết các học phần và đã được Bộ môn cũng như Hội đồng thẩm định cấp Khoa họp đánh giá, góp ý cho hoàn thiện hơn **[H2.02.01.08]**. CTĐT ngành Kỹ thuật điện cùng với đề cương các học phần tương ứng được Trường ban hành vào tháng 04 năm 2019 **[H2.02.01.09]**. CTĐT ngành Kỹ thuật điện hiện hành cũng đã bổ sung nhiều môn học mới gắn liền với sự phát triển của KH&CN như Năng lượng tái tạo, Lưới điện thông minh. Bản mô tả CTĐT ngành Kỹ thuật điện bao gồm đầy đủ các nội dung sau:

- Tên cơ sở đào tạo
- Trình độ đào tạo, Ngành đào tạo, Mã ngành đào tạo
- Loại hình và hình thức đào tạo
- Mục tiêu đào tạo, gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể
- CĐR
- Thời gian đào tạo và khối lượng kiến thức toàn khóa
- Đối tượng đào tạo
- Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp
- Cách thức đánh giá, thang điểm
- Nội dung chương trình
- Cấu trúc khóa học [H2.02.01.09]
- Ma trận quan hệ giữa các học phần và CĐR [H2.02.01.09]
- Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần
- Đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình
- Cơ sở vật chất phục vụ học tập
- Hướng dẫn thực hiện chương trình.

Bản mô tả CTĐT ngành Kỹ thuật điện giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT; từ đó người học có thể lựa chọn phương thức và các học phần tương ứng phù hợp với công việc của mình sau khi tốt nghiệp. Các thông tin về CĐR, CTĐT, ma trận quan hệ giữa các học phần và CĐR, đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai trong các sổ tay và trên các trang thông tin điện tử [H2.02.01.10], [H2.02.01.11].

## **2. Điểm mạnh**

Bản mô tả CTĐT ngành Kỹ thuật điện thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo hiện đại, thể hiện đầy đủ thông tin và tích hợp những nội dung mới nhất liên quan, tuân thủ theo quy định của Nhà trường. Ma trận hiển thị kết quả chương trình CĐR được thể hiện rõ trong bản mô tả chương trình và được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình. Qua bản mô tả này, người học và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CĐR của ngành.

## **3. Điểm tồn tại**

Bản mô tả CTĐT hiện hành đã được cải tiến nhiều hơn so với các bản mô tả trước và đã mô tả hầu hết được các yêu cầu của một bản mô tả CTĐT. Tuy nhiên, bản mô tả CTĐT chưa nêu được tiêu chí tuyển sinh hay các yêu cầu đầu vào của CTĐT vì đây là lần đầu tiên CTĐT được xây dựng theo hướng hiện đại hóa.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa sẽ tiếp tục rà soát, đánh giá và điều chỉnh lại tiến trình đào tạo thuộc các khối kiến thức theo lĩnh vực, khối ngành, nhóm ngành và chuyên ngành cho phù hợp hơn, theo hướng hỗ trợ thời gian nhiều hơn cho các nhóm học phần ngành và chuyên ngành trên cơ sở lấy ý kiến đóng góp định kỳ của GV và SV. Đồng thời, Khoa cùng với Phòng đào tạo đại học sẽ xác định các tiêu chí tuyển sinh hay các yêu cầu đầu vào của CTĐT để có thể mô tả trong CTĐT hoàn thiện hơn.

#### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

##### ***Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật***

###### **1. Mô tả**

Đề cương các học phần vừa đóng vai trò là bản mô tả quá trình giảng dạy, vừa đóng vai trò là bản cam kết giúp GV và SV thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi CDR chi tiết của môn học luôn được gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng. Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh đề cương các học phần chuyển đổi từ niên chế sang hệ thống tín chỉ, Khoa KT&CN đã bám sát các quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H2.02.02.01], [H2.02.02.02].

Việc biên soạn đề cương chi tiết các học phần tuân thủ theo các văn bản hướng dẫn của Nhà trường. Đề cương học phần được thể hiện đầy đủ các thông tin, gồm:

- Thông tin chung về học phần: tên học phần, mã học phần, ngành/chuyên ngành đào tạo, bậc đào tạo, khoa/bộ môn phụ trách học phần, loại học phần là bắt buộc hay tự chọn, yêu cầu của mỗi học phần, phân bổ giờ tín chỉ đối với lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành, tự học.
- Mục tiêu học phần: kiến thức, kỹ năng, thái độ.
- Tóm tắt nội dung học phần.
- Nội dung chi tiết học phần.
- Thông tin về GV.
- Học liệu.
- Hình thức tổ chức và dạy học.

- Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá KQHT học phần.

Đề cương đảm bảo thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CDR của môn học, phương pháp giảng dạy/học tập để có thể đạt được các CDR đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy. Từng học phần có số tín chỉ xác định và được ký hiệu bằng một mã số riêng do Nhà trường quy định, gồm có 7 chữ số trong đó thể hiện khoa quản lý học phần, ngành đào tạo và số thứ tự. Đề cương chi tiết các môn học ngành Kỹ thuật điện được mô tả chi tiết trong CTĐT hiện hành [H2.02.02.03]. CTĐT này được thực hiện theo chủ trương chỉnh sửa, cập nhật lại CTĐT của Nhà trường [H2.02.02.04], viết đề cương môn học theo mẫu mới theo phương pháp tiếp cận CDIO [H2.02.02.05], và mô tả Ma trận phát triển kiến thức kỹ năng cho người học [H2.02.02.06] trong năm 2018.

CTĐT và nội dung các học phần ngành Kỹ thuật điện được các bên liên quan thảo luận, đóng góp trong các chương trình hội thảo làm cơ sở cho việc điều chỉnh theo kế hoạch [H2.02.02.07], sau đó Hội đồng Khoa thảo luận và cho ý kiến để hoàn thiện hơn [H2.02.02.08]. Trên cơ sở đó, Bộ môn Kỹ thuật điện đã họp góp ý cho việc rà soát, đóng góp ý kiến về đề cương các học phần do bộ môn phụ trách [H2.02.02.09]. Đề cương chi tiết các học phần sau khi hoàn thiện được Hội đồng Khoa góp ý và Nhà trường họp phê duyệt và ban hành [H2.02.02.10]. Đối sánh với đề cương chi tiết và CTĐT ngành Kỹ thuật điện được Khoa xây dựng và sau đó Nhà trường ban hành vào các năm 2010 và 2015 [H2.02.02.11], đề cương chi tiết các học phần và CTĐT hiện hành hoàn thiện, chi tiết hơn và thể hiện đầy đủ các yêu cầu của từng học phần. Ngoài ra, CTĐT hiện hành cũng đã cập nhật, bổ sung các môn học mới gắn liền với sự phát triển của KH&CN như Năng lượng tái tạo, Lưới điện thông minh. Cuối cùng, đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai bằng các văn bản, trên website của Trường cũng như của Khoa [H2.02.02.12], [H2.02.02.13].

## **2. Điểm mạnh**

Đề cương các học phần của ngành được chuẩn hóa theo quy định của Trường ĐHQN theo hướng tiếp cận với thế giới, phù hợp với CTĐT và CDR nhờ vào kế hoạch tập huấn các phương pháp tiếp cận của Trường. Đề cương chi tiết các học phần liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay trên thế giới và trong nước về các lĩnh vực liên quan đến ngành Kỹ thuật điện. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá ... của học phần đều được



cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

### **3. Điểm tồn tại**

Một số đề cương học phần còn ít tài liệu tham khảo và cập nhật các nội dung mới chưa nhiều để SV có thể tham khảo dễ dàng. Các tài liệu tham khảo như bài giảng, giáo trình điện tử, tạp chí chuyên ngành Kỹ thuật điện tiếng Việt và ngoại ngữ trên website của Trường, của Khoa còn chưa nhiều. Nguyên nhân của điều này là do nguồn kinh phí, phương pháp tiếp cận và cách tiếp cận các nguồn tài liệu này còn bị hạn chế. Điều này khiến cho GV, SV khó tiếp cận với các tài liệu hiện đại, mới, mang tính quốc tế nên đôi lúc chưa theo kịp những phát triển mới trong nghiên cứu, đào tạo.

### **4. Kế hoạch hành động**

Để khắc phục tồn tại trên, từ năm học 2019 - 2020, Khoa đề xuất Nhà trường tiếp tục bổ sung, cập nhật và nâng cấp hệ thống học liệu, đặc biệt là hệ thống bài giảng, giáo trình phục vụ các học phần thuộc chuyên ngành Kỹ thuật điện. Đồng thời, Khoa tiếp tục rà soát, cập nhật, đánh giá đề cương các học phần một cách bài bản đáp ứng hơn nữa nhu cầu cập nhật của xã hội.

### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

*Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận*

#### **1. Mô tả**

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần của ngành Kỹ thuật điện hiện hành được xây dựng rất công phu, khoa học và theo hướng tiếp cận các phương pháp tiên tiến; được rà soát chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến đóng góp nhiều chiều của các bên liên quan từ ý kiến của các GV Bộ môn Kỹ thuật điện, góp ý của đơn vị sử dụng doanh nghiệp, cựu người học và thông qua Hội đồng Khoa. Việc xây dựng bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần với CDR cụ thể mà môn học đó cung cấp cho người học nhận rõ việc học tập có một ý nghĩa thật sự và việc học ảnh hưởng tích cực đến cách suy nghĩ và hành động của mình. Đối sánh với bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần ban hành năm 2015 thì bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần hiện hành thể hiện đầy đủ hơn, chi tiết hơn các yêu cầu đối với người học; đồng thời người học cũng có thể nắm bắt rõ hơn các thông tin cụ thể về các học phần [H2.02.03.01], [H2.02.03.02].

Bản mô tả CTĐT cập nhật theo phương pháp tiếp cận CDIO và đề cương các học phần sau khi điều chỉnh được Khoa KT&CN công bố công khai cho người học, GV, cơ quan chủ quản, Nhà sử dụng lao động bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố công khai trên website Nhà trường, trên website Khoa [H2.02.03.03]; niên giám CTĐT [H2.02.03.04]; trong gặp mặt SV đầu khóa [H2.02.03.05] theo đúng quy định của Nhà trường. Khoa KT&CN đã sử dụng bản mô tả CTĐT để giới thiệu về CTĐT đến từng CB của Bộ môn Kỹ thuật điện [H2.02.03.06]. Dựa vào bản mô tả CTĐT, Khoa KT&CN chuẩn bị sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu của chương trình và tình hình nhân sự của Khoa, Bộ môn, đồng thời giúp GV nắm bắt kế hoạch giảng dạy của mình cũng như giữa các GV với nhau để phối hợp tạo nên sự liên thông giữa các môn học, giữa các năm học.

Bên cạnh đó, việc nắm bắt được bản mô tả CTĐT, đề cương các học phần giúp người học có được cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT, người học có thể nắm được việc đăng ký các học phần trong một học kỳ, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm và cả khóa học, người học và xã hội sẽ dễ dàng tiếp cận và nắm bắt được CDR, các kiến thức sẽ được trang bị sau khi tốt nghiệp, về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, thái độ và đạo đức nghề nghiệp và công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp [H2.02.03.07], [H2.02.03.08], [H2.02.03.09], [H2.02.03.10], [H2.02.03.11].

## **2. Điểm mạnh**

Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần trong CTĐT ngành Kỹ thuật điện được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc xuất bản và thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp vì chưa có sự phối hợp đồng bộ với các đơn vị có liên quan như Phòng đào tạo đại học; Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp; Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa kết hợp với Phòng KT&ĐBCL và Trung tâm Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp để mở rộng hơn phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh

giá, dự kiến sẽ lấy ý kiến của khoảng 50 chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp và cựu người học. Đồng thời, Khoa đề xuất Nhà trường trong việc phối hợp với Phòng đào tạo đại học; Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp; Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông thiết kế bản mô tả CTĐT hoàn thiện hơn, tổ chức xuất bản theo dạng bản cứng và bản điện tử và truyền tải được đến các bên liên quan.

Khoa tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh CTĐT theo đúng quy định và cập nhật theo hướng ứng dụng để người học sau khi tốt nghiệp có thể nắm bắt và có thể làm việc ngay khi được tuyển dụng vào doanh nghiệp.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

Bản mô tả CTĐT là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao CLĐT, đồng thời là cơ sở để hội nhập phát triển trong đào tạo. CTĐT ngành Kỹ thuật điện đã được Nhà trường thực hiện chuyển đổi từ hệ niên chế sang hệ tín chỉ theo đúng quy định. Trong quá trình xây dựng bản mô tả CTĐT, Nhà trường đã chú trọng xây dựng một cách khoa học, đồng thời cũng có sự tham khảo bản mô tả CTĐT của các trường đại học uy tín trong nước và trên thế giới.

CTĐT ngành Kỹ thuật điện thực hiện theo hệ tín chỉ, có mục tiêu và CDR rõ ràng, có kết cấu gồm các kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở ngành và chuyên môn sâu về ngành. Chương trình sau khi xây dựng đã được rà soát, hiệu chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra, đáp ứng nhu cầu xã hội nên đã có sự đóng góp ý kiến của các chuyên gia, các nhà quản lý và các doanh nghiệp sử dụng cựu người học của trường sau khi tốt nghiệp. Đây là các ý kiến quan trọng làm căn cứ trong quá trình điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần của ngành Kỹ thuật điện được xây dựng một cách bài bản theo đúng quy định, có sự tham gia đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, xây dựng chương trình phù hợp với nhu cầu xã hội ở Việt Nam.

Tuy nhiên, quá trình xây dựng bản mô tả CTĐT còn có hạn chế là việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan chưa được thực hiện thường xuyên, chưa được bài bản và chuyên nghiệp.

Căn cứ vào đánh giá của các tiêu chí, Khoa KT&CN đánh giá tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí, cả 3 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

### **Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

#### **Mở đầu**

Cấu trúc và nội dung CTDH là yếu tố quyết định đến CLĐT. Do đó, Khoa KT&CN đã mời các GV, nhà khoa học, chuyên gia chuyên ngành trong và ngoài Nhà trường tham gia xây dựng CTDH ngành Kỹ thuật điện theo các quy định và hướng dẫn được ban hành bởi Bộ GD&ĐT. Trên cơ sở CTDH của ngành phải có sự kế thừa và phát huy CTDH của các trường đại học lớn, Khoa KT&CN cũng tham khảo CTDH của các trường đại học uy tín trong nước và trên thế giới trong quá trình xây dựng CTDH. CTDH của ngành cũng được rà soát và điều chỉnh định kỳ theo từng giai đoạn phát triển của xã hội để đáp ứng mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

CTDH ngành Kỹ thuật điện có mục tiêu rõ ràng và cụ thể, có cấu trúc được thiết kế một cách logic có hệ thống đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ, nguồn nhân lực chất lượng cho thực tế và khả năng học tập nâng cao trình độ. Bên cạnh đó, CTDH của ngành Kỹ thuật điện cũng được thiết kế đảm bảo sự liên thông đáp ứng nhu cầu chuyển đổi của người học. CTDH bao gồm các học phần được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành đến chuyên môn ngành. Học phần tiên quyết làm nền tảng cho các học phần tiếp theo. Các học phần song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành được thiết kế có tính tích hợp. Mỗi học phần đều có vai trò quyết định trong việc đạt được CĐR.

#### ***Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra***

##### **1. Mô tả**

Khoa KT&CN của Trường ĐHQN chính thức được thành lập vào ngày 27/3/2002 theo Quyết định số 1247/QĐ-BGD&ĐT-TCCB của Bộ GD&ĐT. Ngành Kỹ thuật điện cũng chính thức được thành lập từ đó và tiếp tục phát triển cho đến nay.

CTDH của ngành Kỹ thuật điện được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Cụ thể, chương trình được xây dựng và điều chỉnh dựa trên các ý kiến đóng góp của GV trong bộ môn, Hội đồng Khoa [H3.03.01.01], phản hồi của các bên liên quan [H3.03.01.02] để đạt được mục tiêu đào tạo và CĐR. CTDH đảm bảo việc đạt được CĐR của ngành Kỹ thuật điện thể hiện cụ thể thông qua bản mô tả CTDH và đề cương chi tiết học phần [H3.03.01.03], Ma trận thể hiện đóng góp của các học phần/môn học về mức độ đạt được CĐR của CTĐT

[H3.03.01.04] và mô tả CĐR của CTĐT [H3.03.01.05], bao gồm các nội dung:

- Mục tiêu đào tạo.
- CĐR của ngành và CĐR của mỗi học phần.
- Nội dung đào tạo.
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá người học và thời lượng đào tạo của ngành và mỗi học phần.

CTDH phù hợp mục tiêu của CTĐT, thể hiện trong nội dung từng học phần và từng khối kiến thức. Đảm bảo các học phần bổ sung, hỗ trợ nhau và liên quan chặt chẽ với nhau, đan xen quá trình học tập chuyên môn nghề nghiệp với rèn luyện các kỹ năng. Trình tự thực hiện các khối kiến thức và các học phần đạt CĐR một cách tối ưu. Trình tự các học phần mô tả rõ sự phát triển kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều môn học trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo [H3.03.01.03], [H3.03.01.04], [H3.03.01.05].

Trong CTDH, mỗi học phần có vai trò nhất định để đạt được CĐR [H3.03.01.03], [H3.03.01.05]. Cụ thể, chương trình của ngành hiện nay được thiết kế 150 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung (22TC)
- Khối kiến thức ngành (128TC) bao gồm kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và ĐATN.

Về khối kiến thức chung, ngoài (12TC) của các học phần giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, khối kiến thức chung của ngành Kỹ thuật điện còn cung cấp các kiến thức về lý luận chính trị (10TC), pháp luật đại cương (02TC), ngoại ngữ (07TC), tin học đại cương (03TC). Về khối kiến thức ngành Kỹ thuật điện (128TC) bao gồm: Khối kiến thức cơ sở ngành (63,5TC); Khối kiến thức chuyên ngành (51,5TC) trong đó có (8TC) là học phần tự chọn; Thực tập tốt nghiệp và ĐATN (13TC).

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của SV ngành Kỹ thuật điện trong tất cả các học phần trong CTĐT đều phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR. Điều này được thể hiện rất chi tiết và rõ ràng ở bản mô tả CTDH và bản mô tả học phần [H3.03.01.03] và bản Mô tả CĐR của CTĐT [H3.03.01.05]. Cụ thể, về phương pháp giảng dạy, đội ngũ GV có sử dụng nhiều phương pháp khác nhau như Thuyết giảng; Làm việc nhóm; Thực hành, thí nghiệm trên thiết bị thực tế; Seminar hoặc kết hợp các

phương pháp với nhau chẳng hạn như phương pháp thuyết giảng kết hợp với hoạt động nhóm,... nhằm góp phần đạt được CDR [H3.03.01.03]. Về phương pháp kiểm tra đánh giá SV, nhằm hỗ trợ hiệu quả cho việc đạt được CDR của CTĐT ngành Kỹ thuật điện, đội ngũ GV của Khoa cũng sử dụng nhiều phương pháp kiểm tra, đánh giá khác nhau như Điểm chuyên cần chiếm 10% điểm tổng kết học phần; Điểm đánh giá quá trình (Thi giữa kỳ, bài tập lớn, thảo luận,...) chiếm 20%; Điểm thi cuối kỳ chiếm 60% [H3.03.01.03]. Đối với bài thi cuối kỳ có thể đánh giá SV bằng hình thức thi viết hoặc thi vấn đáp,...[H3.03.01.03].

Cùng với việc trang bị kiến thức cho SV, cấu trúc của chương trình được xây dựng nhằm đảm bảo cho người học được trang bị các kỹ năng nghề nghiệp: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng phân tích và chẩn đoán sự cố trong hệ thống,... các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp được lồng ghép trong nội dung của các môn học, để người học tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, thể hiện sự chuyên nghiệp trong quá trình học tập và làm việc sau khi tốt nghiệp.

Bên cạnh đó, kế hoạch giảng dạy của Nhà trường thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH [H3.03.01.06], [H3.03.01.07]. Cụ thể, kế hoạch giảng dạy các học phần của ngành được thực hiện một cách khoa học, rõ ràng và được thông báo công khai, chi tiết, rõ ràng đến các bên liên quan [H3.03.01.06]. Thêm vào đó, đội ngũ viên chức cơ hữu của Khoa luôn tuân thủ theo đúng kế hoạch và tiến độ giảng dạy của Trường và Khoa quy định từ đầu năm học. Điều này được thể hiện rất chi tiết và rõ ràng trong hồ sơ giảng dạy của giảng viên [H3.03.01.07].

Với cấu trúc và nội dung như trên, CTDH của ngành đảm bảo trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, thái độ theo yêu cầu của CDR. Điều này được chứng minh thông qua kết quả khảo sát SV sắp tốt nghiệp về chất lượng CTĐT ngành Kỹ thuật điện năm học 2017 - 2018 [H3.03.01.02]. Đa số SV được khảo sát đánh giá cao về nội dung CTĐT của ngành. Các ý kiến đánh giá là “Đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý” chiếm tỷ lệ cao trong 06 tiêu chí được đưa ra khảo sát, trong đó chiếm tỷ lệ cao nhất là các tiêu chí: “Nội dung các học phần trong CTĐT có liên quan mật thiết với việc đạt được CDR (Kiến thức, kỹ năng, thái độ)”(67.6%), và “SV được bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp”(71%).

Bên cạnh đó, có một tỷ lệ nhỏ SV đánh giá mức “Hoàn toàn không đồng ý”. Điều này cho thấy, SV chưa thực sự hài lòng về nội dung CTĐT. Đây là cơ sở quan trọng để

Khoa và Nhà trường có những điều chỉnh cho phù hợp hơn nữa, đáp ứng yêu cầu của người học. Để từ đó SV khi tốt nghiệp có thể làm việc tốt hơn khi gia nhập vào thị trường lao động.

Ngoài việc khảo sát ý kiến của SV, năm 2018 Nhà trường cũng tiến hành khảo sát, lấy ý kiến các doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng về chất lượng SV của ngành sau khi ra trường. Kết quả khảo sát cho thấy các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng cũng đánh giá tốt về chất lượng của SV ngành Kỹ thuật điện [H3.03.01.02]. Các ý kiến đánh giá là: “Khá”, “Tốt” và “Xuất sắc” chiếm tỷ lệ cao trong 17 tiêu chí được đưa ra khảo sát. Có một tiêu chí mà SV của Khoa sau khi ra trường còn chưa tốt, đó là tiêu chí “Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ”. Đây sẽ là một vấn đề mà Khoa và Nhà trường sẽ chú ý cải thiện trong thời gian tới.

## **2. Điểm mạnh**

CTDH ngành Kỹ thuật điện được thiết kế đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức và phù hợp với CĐR của ngành. Đề cương chi tiết của từng học phần trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết giữa các hoạt động dạy - học và đánh giá để đạt được CĐR, kế hoạch giảng dạy của Nhà trường thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH. Do đó, CTDH được vận hành một cách nhuần nhuyễn và hiệu quả. Bên cạnh đó, Khoa đã chú trọng tới tính logic của các học phần trong CTDH, nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ khối kiến thức rộng đến kiến thức chuyên ngành hẹp.

## **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù Trường, Khoa đã tiến hành lấy ý kiến các đơn vị sử dụng lao động nhưng việc lấy ý kiến chưa được thực hiện với quy mô lớn và liên tục. Điều này dẫn đến CĐR của CTĐT chưa thể đáp ứng được hết các yêu cầu của các đơn vị sử dụng lao động.

Việc lấy ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động chưa thể thực hiện trên phạm vi lớn được một phần là do số đơn vị sử dụng ngành điện tại Quy Nhơn chưa nhiều. Do đó, khi tiến hành lấy ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động ngành điện tại đây thì nó chưa bao quát được hết các nhu cầu của xã hội.

## **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2019 - 2020, Khoa KT&CN có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan như: nhà tuyển dụng, người học và cựu người học trong việc rà soát và điều

chính CTDH để hoàn thiện CTDH của ngành Kỹ thuật điện hơn nữa.

Song song đó, Khoa cũng đẩy mạnh quan hệ hợp tác với những cơ sở thực tập uy tín, những cơ quan đang sử dụng lao động ngành điện không chỉ ở trong tỉnh mà còn trên phạm vi cả nước. Trên cơ sở đó, việc lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị sử dụng lao động được thực hiện với quy mô lớn hơn.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí: 5/7**

### ***Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng***

#### **1. Mô tả**

Tất cả các học phần trong CTĐT ngành Kỹ thuật điện đều có đề cương chi tiết. Các đề cương này được xây dựng dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan (như nhà tuyển dụng, chuyên gia, SV và cựu SV,...), các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, văn bản hướng dẫn và các khoá tập huấn của Trường ĐHQN [H3.03.02.01], [H3.03.02.02]. Do đó, nó phù hợp với CDR của CTĐT và phương thức đào tạo tín chỉ [H3.03.02.02], [H3.03.02.03].

Đề cương của từng học phần đều có phần mục tiêu và CDR được thể hiện rõ ràng. Các học phần được xây dựng có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CDR. Điều này được thể hiện thông qua bản mô tả CTDH và bản mô tả học phần [H3.03.02.03]; Ma trận thể hiện đóng góp của các học phần/môn học về mức độ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT [H3.03.02.04]; Mô tả CDR của CTĐT [H3.03.02.05]. Cụ thể, CTDH của ngành được cấu trúc thành các khối kiến thức theo trình tự từ cơ sở đến chuyên sâu, trong đó bao gồm hai khối kiến thức là Giáo dục đại cương và Giáo dục nghề nghiệp. Việc sắp xếp các học phần theo trình tự logic và khoa học đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu. Điều này được thể hiện rất rõ trong CTĐT ngành KTD năm 2019 [H3.03.02.03].

Đóng góp của mỗi một học phần/môn học về mức độ đạt được CDR của CTĐT ngành Kỹ thuật điện là rõ ràng. Điều này được thể hiện rất chi tiết trong Ma trận đóng góp của mỗi học phần/môn học về mức độ đạt được CDR của CTĐT và CDR của CTĐT ngành Kỹ thuật điện [H3.03.02.04], [H3.03.02.05]. Các học phần xã hội và kỹ năng cơ bản nhằm mục đích trang bị và hoàn thiện kỹ năng mềm, đạo đức và ý thức cho SV. Các học phần khoa học tự nhiên cung cấp kiến thức nền tảng cho các học



phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành như Lý thuyết mạch điện, Thủy khí ứng dụng, Máy điện,... Các học phần cơ sở ngành lại là nền tảng cho các học phần chuyên môn ngành. Bên cạnh đó, theo phương pháp giảng dạy và học tập tích hợp, các học phần bài tập, bài tập lớn, đồ án môn học, thí nghiệm, thực tập và ĐATN được lồng ghép với các học phần lý thuyết giúp người học có đầy đủ các kỹ năng về chuyên môn và thực hành nhằm đảm bảo CĐR của mỗi học phần.

Các học phần trong CTDH của ngành xác định rõ ràng tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Cụ thể, để đánh giá người học, bên cạnh điểm thi kết thúc học phần, kết quả học tập còn được đánh giá qua điểm quá trình được xác định từ điểm đánh giá thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm chuyên cần, điểm thi giữa kỳ, điểm bài tập lớn [H3.03.02.03].

Bên cạnh đó, kế hoạch giảng dạy của Nhà trường cũng thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH nhằm hỗ trợ tốt cho việc đạt được CĐR của CTDH [H3.03.02.06]. Cụ thể, CTDH của ngành được thực hiện một cách khoa học, rõ ràng, đúng tiến độ và được thông báo công khai, chi tiết, rõ ràng đến các bên liên quan.

Thêm vào đó, Khoa KT&CN nhận thấy rằng, việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan cho nội dung các học phần trong CTDH nhằm phục vụ cho việc rà soát CTDH định kỳ là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực chất lượng cao. Do đó, Khoa cũng thường xuyên tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV [H3.03.02.07]. Ngoài việc khảo sát ý kiến của SV, năm 2018 Nhà trường cũng tiến hành khảo sát, lấy ý kiến các doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng về chất lượng SV của ngành sau khi ra trường. Kết quả khảo sát cho thấy các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng cũng đánh giá tốt về chất lượng của SV ngành Kỹ thuật điện [H3.03.02.07]. Các ý kiến đánh giá là: “Khá”, “Tốt” và “Xuất sắc” chiếm tỷ lệ cao trong các tiêu chí được đưa ra khảo sát. Có một tiêu chí mà SV của Khoa sau khi ra trường còn chưa tốt, đó là tiêu chí “Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ”. Đây sẽ là một vấn đề mà Khoa và Nhà trường sẽ chú ý cải thiện trong thời gian tới.

## **2. Điểm mạnh**

Các học phần trong CTDH ngành Kỹ thuật điện được cấu trúc thành từng khối kiến thức gắn kết giữa các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên môn ngành. Nội

dung chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần và thể hiện được sự gắn kết tương ứng trong các khối kiến thức đảm bảo quá trình dạy - học và đánh giá đạt được mục tiêu của CDR.

### **3. Điểm tồn tại**

Ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, người học đối với các học phần nhằm đảm bảo đạt được CDR của ngành là chưa thực sự rõ ràng, chủ yếu là những góp ý về cấu trúc nội dung đề cương chi tiết các học phần. Một số học phần còn dạy theo cách truyền thống, chưa ứng dụng khoa học kỹ thuật vào việc giảng dạy dẫn đến bài giảng chưa thực sự sinh động và trực quan.

Kỹ năng ngoại ngữ của SV ngành điện sau khi ra trường còn rất hạn chế. Điều này một phần là do điểm đầu vào của SV ngành điện không cao, chủ yếu là SV có học lực trung bình và một phần nhỏ là học lực khá. Do đó, nền tảng về ngoại ngữ của đa số SV còn yếu và chưa ý thức được tầm quan trọng của việc học ngoại ngữ. Thêm vào đó, những năm gần đây, các học phần tiếng Anh chuyên ngành trong CTĐT của ngành điện là do GV bên Khoa Ngoại ngữ giảng dạy. Giảng viên không có kiến thức chuyên sâu về ngành nên khó có thể dạy tiếng Anh chuyên ngành tốt.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa KT&CN tiếp tục kiểm tra, rà soát các học phần có phương pháp giảng dạy theo kiểu “dạy chay, học chay”. Bên cạnh đó, tổ chức các lớp tập huấn về phương pháp giảng dạy với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, nhằm thay đổi hình thức và phương pháp giảng dạy cũ, kích thích tính chủ động của người học trong việc chiếm lĩnh kiến thức chuyên sâu.

Để khắc phục vấn đề kỹ năng ngoại ngữ của SV sau khi ra trường, trong thời gian tới Khoa thành lập Câu lạc bộ tiếng Anh nhằm hỗ trợ việc học ngoại ngữ cho SV trong toàn Khoa, đặc biệt là tiếng Anh chuyên ngành. Thêm vào đó, Khoa cũng thường xuyên tổ chức các buổi seminar về tầm quan trọng của ngoại ngữ (Tiếng Anh, Nhật, Trung,...) đối với kỹ sư sau khi ra trường để giúp SV hiểu rõ được tầm quan trọng của việc học ngoại ngữ. Từ đó, làm thay đổi ý thức học ngoại ngữ của SV.

Khoa đề xuất nhà Trường cho phép các GV có chuyên ngành điện mà đáp ứng được trình độ giảng dạy ngoại ngữ đại học, phụ trách các học phần tiếng Anh chuyên ngành. Điều này sẽ giúp cải thiện đáng kể trình độ tiếng Anh chuyên ngành của SV sau khi ra trường so với trường hợp để GV Khoa Ngoại ngữ giảng dạy.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí: 5/7**

### ***Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp***

#### **1. Mô tả**

Để đảm bảo CTDH được xây dựng có bố cục và cấu trúc rõ ràng, CTDH của ngành Kỹ thuật điện được soạn thảo dựa trên các tài liệu hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và theo tài liệu hướng dẫn xây dựng CTĐT đáp ứng CDR ra của Nhà trường [H3.03.03.01]. Do đó, CTDH có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất trong 4.5 năm [H3.03.03.01], [H3.03.03.02]. Cụ thể, các kiến thức giáo dục đại cương được cung cấp cho SV trong ba học kỳ đầu tiên. Các học phần cơ sở chuyên ngành được dạy cho SV trong ba học kỳ tiếp theo. Ba học kỳ cuối của chương trình, SV được cung cấp các học phần chuyên môn ngành và ĐATN. ĐATN được thực hiện dưới sự hướng dẫn của GV (01 GV hướng dẫn từ 2 đến 10 SV). ĐATN giúp SV áp dụng kiến thức một cách tổng hợp và bước đầu làm quen với việc thực hiện một dự án của ngành tích hợp với các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng viết báo cáo và thuyết trình.

CTDH của ngành gồm có 81 học phần với tổng số 150 tín chỉ [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], bao gồm 3 khối kiến thức: Khối kiến thức chung về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, tin học và ngoại ngữ, ...; Khối kiến thức cơ sở ngành (như các học phần Lý thuyết mạch điện, Kỹ thuật lập trình, Lý thuyết điều khiển tự động,...); Khối kiến thức chuyên ngành (như các học phần chuyên môn ngành như Truyền động điện, Điều khiển logic, Kỹ thuật điện cao áp, Nhà máy điện và trạm biến áp,...). Chiều sâu của CTDH được thể hiện qua trình tự các học phần theo trật tự từ kiến thức chung đến kiến thức chuyên môn ngành. Các học phần kết thúc ở kỳ trước làm nền tảng cho các học phần ở các kỳ tiếp theo. Các học phần tự chọn và chuyên môn ngành đều có các học phần cơ bản và cơ sở ngành tiên quyết [H3.03.03.01], [H3.03.03.02]. Chẳng hạn, để có thể đăng ký và học được học phần "Kỹ thuật vi điều khiển", SV bắt buộc phải học trước học phần "Kỹ thuật lập trình" [H3.03.03.01].

Bên cạnh đó, thời lượng của các học phần cũng được xem xét cẩn thận trong quá trình xây dựng CTDH. Các học phần quan trọng, quyết định đến việc đạt được CDR của CTĐT sẽ có thời lượng cao hơn các học phần còn lại [H3.03.03.01]. Thêm vào đó,

kế hoạch và thời điểm học các học phần được Khoa thực hiện một cách khoa học, rõ ràng, đúng tiến độ và được thông báo chi tiết, rõ ràng đến các bên liên quan [H3.03.03.03], [H3.03.03.04], [H3.03.03.05].

Chương trình được thiết kế có tỷ lệ cân đối giữa các khối kiến thức và hoàn toàn phù hợp với quy định khối lượng kiến thức do Bộ GD&ĐT quy định [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], [H3.03.03.06]. Cụ thể, các học phần cơ bản thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương (22TC), ngoại ngữ (7TC); các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành (63,5TC); các học phần chuyên môn ngành (51,5TC) trong đó bao gồm (43,5TC) học phần bắt buộc và (8TC) học phần tự chọn; thực tập tốt nghiệp (3TC); ĐATN (10TC). Theo đó, các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được tổ chức đào tạo ở các học kỳ 1, 2, 3, 4 và 5 nhưng chủ yếu là ở học kỳ 1 và 2. Các học phần kiến thức cơ sở khối ngành được giảng dạy ở các học kỳ từ 1 đến 6. Các học phần kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành được thiết kế giảng dạy chủ yếu ở các học kỳ 6, 7, 8 và 9. Thực tập tốt nghiệp và ĐATN được bố trí ở học kỳ 9. ĐATN cho phép SV thiết kế một dự án về kỹ thuật điện dưới sự hướng dẫn của 1 GV trong Khoa. Sự thiết kế nêu trên của chương trình sẽ đảm bảo tính logic giữa các học phần và khả năng tiếp nhận kiến thức cao nhất đối với SV.

Khoa KT&CN nhận thấy rằng, việc rà soát CTDH định kỳ là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực chất lượng cao. Do đó, Khoa cũng thường xuyên tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan [H3.03.03.07]. Dựa trên cơ sở đó để tiến hành rà soát và điều chỉnh CTDH cho hợp lý. Cụ thể, sau khi Trường ĐHQN ban hành CTĐT ngành Kỹ thuật điện theo hệ thống tín chỉ vào ngày 10 tháng 09 năm 2010, Khoa đã thiết kế bản mô tả CTĐT rất chi tiết, cụ thể tuy nhiên chưa thể hiện được sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CDR của chương trình. Sau đó, Khoa đã thực hiện cập nhật bản mô tả CTĐT và bản mô tả các học phần vào năm 2015 theo hướng chuẩn hóa rõ kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học. Năm 2019, CTĐT ngành Kỹ thuật điện tiếp tục được tiến hành cập nhật, chỉnh sửa theo hướng quốc tế hóa mục tiêu đào tạo, CDR, phương pháp đánh giá cùng với nhiều môn học mới gắn liền với sự phát triển của KH&CN như Năng lượng tái tạo, Lưới điện thông minh [H3.03.03.08].

Ngoài ra, nhằm phù hợp với sự phát triển của thời đại, yêu cầu của xã hội, và cập nhật được kiến thức chuyên ngành theo xu thế chung của đào tạo bậc đại học Khoa

cũng tiến hành tham khảo các CTĐT tiên tiến ở các trường đại học lớn trong nước và quốc tế [H3.03.03.09]. Cụ thể, tùy đặc thù của từng môn học/học phần mà GV sử dụng các phương pháp giảng dạy khác nhau, chẳng hạn: Có học phần thì GV chỉ sử dụng phương pháp thuyết giảng; Có học phần thì sử dụng phương pháp thuyết giảng kết hợp với làm việc nhóm hoặc có học phần thì kết hợp cả 3 phương pháp: thuyết giảng, phương pháp trực quan và phương pháp làm việc nhóm. Thêm vào đó, Khoa cũng tham khảo các phương pháp kiểm tra và đánh giá SV của các trường để từ đó làm cơ sở lựa chọn các phương pháp kiểm tra và đánh giá thích hợp cho từng môn học/học phần. Ví dụ: Có học phần thì Khoa tổ chức thi tự luận; Có học phần thì Khoa tổ chức thi vấn đáp,...

Kết quả khảo sát SV sắp tốt nghiệp năm học 2017 - 2018 cho thấy SV đánh giá tốt về cấu trúc CTĐT ngành Kỹ thuật điện [H3.03.03.07]. Cụ thể:

- Về tiêu chí “Cấu trúc CTĐT linh hoạt, đáp ứng được yêu cầu của SV” có 26,3% là hoàn toàn đồng ý, 39,5% là đồng ý và chỉ có một tỷ lệ nhỏ các ý kiến 7,9% đánh giá hoàn toàn không đồng ý.
- Về tiêu chí “CTĐT có tỷ lệ phân bố hợp lý giữa kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng mềm” có 21,9% là hoàn toàn đồng ý, 43,9% là đồng ý và chỉ có một tỷ lệ nhỏ các ý kiến 8,8% đánh giá hoàn toàn không đồng ý.
- Về tiêu chí “Các học phần trong CTĐT được bố trí hợp lý, đảm bảo tính hệ thống (Học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng mỗi học phần; Thời gian/học kỳ thực hiện)” có 27,2% là hoàn toàn đồng ý, 39,5% là đồng ý và chỉ có một tỷ lệ nhỏ các ý kiến 7,9% đánh giá hoàn toàn không đồng ý.

Trong các tiêu chí đánh giá ở trên, có một tỷ lệ nhỏ các ý kiến đánh giá là không đồng ý. Đây là điều không tránh khỏi và Khoa sẽ tiếp thu ý kiến và phân tích nguyên nhân để có sự điều chỉnh cho phù hợp hơn nữa.

## **2. Điểm mạnh**

CTDH của ngành Kỹ thuật điện phản ánh rõ ràng mục tiêu đào tạo và yêu cầu của chuẩn đào tạo đại học. Chương trình có cấu trúc hợp lý và logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành. Bên cạnh đó, CTDH cũng có tính cập nhật đảm bảo cho SV có khả năng tiếp nhận những kiến thức mới và cần thiết, trên cơ sở đó SV sau khi ra trường có thể đáp ứng được các yêu cầu của xã hội về nguồn nhân lực ngành Kỹ thuật điện.

### **3. Điểm tồn tại**

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, đặc biệt là các đơn vị sử dụng lao động chưa được thực hiện trên quy mô lớn. Do đó, CTDH của một số học phần có tính cập nhật chưa cao trong việc đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực Kỹ thuật điện của xã hội. CTDH thiết kế còn nặng về các học phần chưa sâu vào lĩnh vực ngành, nghề trong những học kỳ đầu nên dễ gây mất phần khích học tập của một số sinh viên.

CTDH có tham khảo CTDH của các trường tiên tiến trong và ngoài nước. Song đối với các CTDH của các trường quốc tế, Khoa chỉ có thể tham khảo được về các học phần, cấu trúc các học phần trong CTĐT mà không thể tham khảo sâu hơn. Điều này một phần là vì rất khó để lấy được CTDH của các trường quốc tế. Khi công bố CTĐT, các trường này chủ yếu là đưa ra các học phần trong CTĐT và bố cục, cấu trúc các học phần trong CTĐT chứ không đưa ra một CTDH đầy đủ.

### **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2019 - 2020, Khoa tiếp tục lấy ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là đẩy mạnh quan hệ hợp tác với những cơ sở thực tập uy tín, những cơ quan đang sử dụng lao động ngành điện trên phạm vi rộng hơn. Từ đó, Khoa triển khai rà soát và điều chỉnh CTDH các học phần của ngành Kỹ thuật điện đảm bảo tính cập nhật và đáp ứng được nhu cầu thực tế của xã hội về nhân lực ngành điện. Bên cạnh đó, Khoa tích cực đề xuất Nhà trường cho phép thay đổi cấu trúc các học phần ở năm thứ nhất và thứ hai theo hướng tăng cường thời lượng cho các học phần chuyên ngành, giảm bớt thời lượng cho những học phần khác.

Bên cạnh đó, mở rộng quan hệ hợp tác với các trường đại học tiên tiến, đặc biệt là các trường đại học lớn trên thế giới. Để từ đó, Khoa có thể giao lưu, học hỏi, kế thừa CTDH của họ một cách chi tiết và đầy đủ nhất có thể.

### **5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí: 5/7**

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 3**

Ý thức được tầm quan trọng của CTDH đối với CLĐT đại học, Trường ĐHQN và Khoa KT&CN đã chú trọng xây dựng CTDH một cách cẩn thận và khoa học. Để tránh trường hợp giáo dục lạc hậu, xa rời thực tiễn, Khoa cũng đã thường xuyên rà soát, cập nhật để hoàn thiện CTDH dựa trên sự góp ý của các bên liên quan và tham khảo chương trình của các trường đại học có uy tín trong nước và trên thế giới nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp và đáp ứng xu hướng phát triển ngành Kỹ thuật điện. CTDH thể hiện được năng lực của SV tốt nghiệp. Các CB, GV của Khoa luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong việc đạt được kết quả đầu ra. Các học phần chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc những kiến thức lý thuyết và thực hành trong ngành đào tạo.

Chương trình sau khi xây dựng đã được rà soát điều chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra là tiên tiến, hội nhập và phù hợp với điều kiện Việt Nam, đáp ứng nhu cầu của xã hội được sự đóng góp của các chuyên gia, các nhà quản lý và các doanh nghiệp sử dụng.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa KT&CN đánh giá tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí, cả 3 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

#### **Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

##### **Mở đầu**

Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận trong dạy và học đóng vai trò quan trọng. Khoa KT&CN, cũng như nhiều Khoa khác trong Trường ĐHQN chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được CDR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho người học. Để làm được điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu đào tạo và CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên sâu, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến CDR. Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và CDR của chương trình cần được mỗi GV và người học hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình.

***Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan***

##### **1. Mô tả**

Triết lý giáo dục của CSGD là sợi chỉ đỏ xuyên suốt hoạt động cụ thể của một CTĐT, triết lý giáo dục của Nhà trường được tuyên bố chính thức và rõ ràng trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường ĐHQN nhiệm kỳ 2009 - 2014 và nhiệm kỳ 2015 -

2020 với nội dung tổng quát, phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố: “*Xây dựng Trường ĐHQN thành một cơ sở đào tạo có chất lượng, ngang tầm với các trường đại học lớn trong khu vực*”,... “*đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế*” [H4.04.01.01]. Bên cạnh đó, trong “*Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn 2030*”, mục tiêu chung của Nhà trường được nêu rõ ràng, cụ thể như sau: “*Đến năm 2030, Trường ĐHQN sẽ trở thành trường đại học định hướng ứng dụng, kết hợp một phần định hướng nghiên cứu, có đẳng cấp quốc gia vững chắc và vị trí nhất định trong khu vực Đông Nam Á, được kiểm định quốc tế, có quan hệ đào tạo và nghiên cứu rộng rãi với các trường đại học trong nước, trong khu vực Đông Nam Á và quốc tế; đáp ứng nhu cầu thị trường lao động chất lượng cao về các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội - nhân văn, giáo dục và công nghệ; là cơ sở nghiên cứu, tư vấn, cung cấp dịch vụ khoa học - công nghệ hàng đầu của khu vực Nam Trung bộ và của đất nước; đủ sức cạnh tranh và khả năng hợp tác trong hệ thống đại học Việt Nam và khu vực với tín nhiệm xã hội cao trên cơ sở chuẩn hóa và chủ động hội nhập quốc tế*” [H4.04.01.02]. Ngoài ra, triết lý giáo dục của Nhà trường được thể hiện rõ trong sứ mạng, tầm nhìn [H4.04.01.03] và báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường ĐHQN năm 2016 đã giúp cho CB, GV, người học và xã hội biết đến triết lý giáo dục của Nhà trường và qua đó khẳng định và nâng cao hơn nữa vị thế của Nhà trường trong cộng đồng và xã hội [H4.04.01.04]. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn là “*Toàn diện – Khai phóng – Thực nghiệp*” được ban hành theo Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn được thể hiện rõ ở các nội dung đó là: (1) Nhà trường hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho người học nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội. (2) Nhà trường hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội. (3) Nhà trường hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học có thể thành nghề,



đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp. Triết lý giáo dục Trường Đại học Quy Nhơn được công khai qua các kênh như: Hội nghị, hội thảo, Website, bảng biểu ở các khu nhà trung tâm, hội trường, văn bản gửi về các đơn vị, nội dung sinh hoạt lớp,... [H4.04.01.05].

Triết lý giáo dục của Nhà trường được tất cả CB, GV, người học hiểu rõ và thực hiện nghiêm túc. Trong các buổi học tập quán triết nghị quyết thường kỳ, hội nghị cán bộ công chức,... Nhà trường đều thường xuyên nhắc đến triết lý giáo dục để cho CB, GV, NV nắm vững và thực hiện nghiêm túc hơn. Đối với người học, triết lý giáo dục của Nhà trường cũng được thường xuyên nhắc đến trong những buổi sinh hoạt công dân đầu khóa, các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng. Bên cạnh đó, triết lý giáo dục của Khoa KT&CN, ngành Kỹ thuật điện là đào tạo ra những kỹ sư điện có phẩm chất đạo đức, chính trị vững vàng, nền tảng kiến thức khoa học cơ bản và chuyên ngành tốt, có kỹ năng phù hợp đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành Kỹ thuật điện [H4.04.01.06]. Với triết lý giáo dục đó, bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần đều nêu rõ những kiến thức, kỹ năng, phương pháp giảng dạy và học tập để đạt được CĐR, bám sát nhu cầu thực tiễn của xã hội [H4.04.01.07], [H4.04.01.08].

Sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Nhà trường được tuyên bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (chẳng hạn như hệ thống website của Nhà trường, các bảng hiệu tại nhà trung tâm,...) tới các bên liên quan. Nhà trường đã ban hành văn bản giao nhiệm vụ/quy trình thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH, các văn bản quy định/hướng dẫn rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của SV [H4.04.01.09]. Trong khi xây dựng mục tiêu này Nhà trường và Khoa KT&CN đã tổ chức lấy YKPH của các bên liên quan [H4.04.01.10]. Kết quả khảo sát cho thấy triết lý giáo dục của ngành được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội, đào tạo người học có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và biết vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề [H4.04.01.11], [H4.04.01.12]. Triết lý giáo dục được công bố trên website của Nhà trường, trong niên giám CTĐT, sổ tay SV,... để GV, người học, nhà tuyển dụng, cựu người học dễ dàng tiếp cận [H4.04.01.13].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có văn bản tuyên bố triết lý giáo dục và phổ biến triết lý giáo dục đến các bên liên quan qua nhiều kênh khác nhau.

### 3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thể tổ chức được nhiều hội nghị, hội thảo có sự tham gia của đông đảo các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng nên việc phổ biến cũng như lấy ý kiến góp ý về mục tiêu giáo dục của Nhà trường còn hạn chế ở mặt này.

### 4. Kế hoạch hành động

Để khắc phục những điểm tồn tại như đã nêu ở trên, từ năm học 2019 - 2020, Nhà trường cũng như Khoa KT&CN sẽ tăng cường đẩy mạnh việc quảng bá thông tin, tổ chức bài bản việc lấy YKPH từ phía các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng cho triết lý giáo dục của Nhà trường cũng như của Khoa. Kế hoạch hành động này giúp cho triết lý giáo dục của Nhà trường được tuyên bố và công khai rõ ràng đến các bên liên quan.

### 5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

***Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra***

#### 1. Mô tả

Trường ĐHQN thường xuyên cập nhật chỉnh sửa CTĐT nhằm điều chỉnh về nội dung hoặc tên môn học nhằm đáp ứng các nhu cầu thực tiễn [H4.04.02.01], [H4.04.02.02]. Dựa trên quy định này, Khoa KT&CN thường xuyên có những điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với nhu cầu xã hội [H4.04.02.03], [H4.04.02.04]. Bên cạnh đó, các GV sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy cho phù hợp với diện tích lớp học và đối tượng người học. Hình thức thi hết môn thường là thi viết tuy nhiên tùy thuộc vào học phần mà GV có thể điều chỉnh phương pháp dạy và học, tăng giờ thảo luận và các buổi seminar, hình thức thi cũng có thể là vấn đáp hoặc tiểu luận [H4.04.02.05]. Ngoài ra, người học sẽ có thể sử dụng cổng thông tin học tập trực tuyến để phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu online chẳng hạn như người học sẽ sử dụng trang tin chỉ của Nhà trường để tự đăng ký các học phần vào đầu mỗi học kỳ, xem kết quả học tập, download tài liệu học tập, giáo trình,... trực tiếp từ website của Khoa KT&CN và website của Trường ĐHQN [H4.04.02.06].

Nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác giảng dạy, hàng năm Khoa KT&CN tạo điều kiện để các GV tham gia vào các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm do Nhà trường tổ chức, các GV của Khoa đã thay đổi phương pháp giảng dạy truyền thống làm người học thụ động trong quá trình học sang phương pháp dạy thuyết trình

kết hợp với trình chiếu, hỏi đáp thảo luận và làm việc nhóm [H4.04.02.07]. GV nêu những vấn đề lý thuyết cũng như thực tiễn, hướng dẫn người học chủ động đưa ra những phương hướng giải quyết của bản thân hoặc của nhóm, sau đó GV tổng hợp và đưa ra kết luận cần thiết. Trong quá trình giảng dạy, người dạy đưa ra những liên hệ thực tế sinh động để làm sâu sắc thêm bài giảng, giao bài tập, chủ đề nghiên cứu để rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cho người học. Kết quả của quá trình thực hiện đã cho thấy rõ mức độ hài lòng của GV và SV đối với việc ứng dụng các công nghệ trong công tác dạy và học. Đồng thời các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT của Nhà trường cũng được nhiều phản hồi tích cực từ phía GV và SV của Nhà trường [H4.04.02.07].

SV được khuyến khích tích cực tham gia NCKH từ năm thứ nhất, hằng năm có nhiều đề tài NCKH SV đăng ký tham gia và mỗi đề tài do SV tự đề xuất đều được xét duyệt từ cấp bộ môn tới cấp khoa và được phân công hướng dẫn bởi một GV [H4.04.02.08]. SV Khoa KT&CN đã đạt được những thành tích NCKH được khen tặng ở các cấp [H4.04.02.09].

Để giúp SV của Khoa liên hệ giữa kiến thức lý thuyết và thực tiễn, CTĐT của ngành có cấu trúc phù hợp giữa lý thuyết và thực hành, thực tế. Người học được gửi đi các công ty, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành điện trong đợt thực tập xưởng, thực tập chuyên ngành; trong chương trình thực tập tốt nghiệp, SV được gửi đến các cơ quan ban ngành, các đơn vị trực thuộc, các doanh nghiệp,... để tìm hiểu, nghiên cứu, thực hành trong lĩnh vực thiết kế, thi công các công trình điện; thực hành lập, thiết kế và tổ chức thi công một dự án cụ thể trong giai đoạn làm ĐATN. Ngoài ra, nhằm giúp cho người học có thể tiếp cận được các kiến thức thực tế, hàng năm Khoa tiến hành mời, thỉnh giảng các đơn vị bên ngoài giảng dạy những chuyên đề thực tiễn [H4.04.02.10].

## **2. Điểm mạnh**

Các hoạt động dạy và học của các học phần đã đáp ứng tốt tiêu chí đề ra, đội ngũ GV trong Khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng kinh nghiệm giúp SV lĩnh hội những kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất. Khoa KT&CN đã đổi mới toàn diện phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người dạy và người học nhằm đáp ứng CDR của ngành.

## **3. Điểm tồn tại**

SV tham gia vào quá trình học chưa thật sự thích nghi với phương pháp dạy và học như tự học và tự nghiên cứu, đặc biệt là những SV năm nhất. Đây cũng chính là điểm cần hoàn thiện và cải tiến hơn nữa để hoàn thiện phương pháp tiếp cận dạy và học.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, ngành Kỹ thuật điện chú trọng tổ chức các hội nghị thảo luận về phương pháp dạy và học mới cho SV đặc biệt là SV năm nhất để người học nắm bắt và thay đổi tư duy theo cách thức học tập trong môi trường đại học.

#### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7**

***Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học***

##### **1. Mô tả**

Các hoạt động từ dạy và học lý thuyết đến thực hành, hoạt động NCKH, bài tập nhóm, thảo luận, đi thực tập thực tế cơ sở đều dựa trên mục tiêu đặt ra là hình thành khả năng nhận biết, phân tích, tổng hợp, đánh giá các vấn đề trong thực tiễn [H4.04.03.01]. Từ đó hình thành cho người học tư duy phản biện, khả năng lập kế hoạch một vấn đề nào đó. Để đáp ứng yêu cầu đó, tất cả các đề cương chi tiết của các môn học được xây dựng nhằm đảm bảo và phát huy hiệu quả của tổ hợp các phương pháp dạy/học tập đã nêu ở Tiêu chí 4.2. Cụ thể, trong mỗi đề cương có phân rõ số giờ lý thuyết, thực hành, bài tập nhóm, thảo luận,... giúp cho SV phát huy khả năng tự học, tự sáng tạo một cách hiệu quả [H4.04.03.02]. Do đó CTĐT và đề cương chi tiết của môn học đều có những thay đổi để phù hợp với mục tiêu này. Hoạt động học tập đa dạng giúp người học hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể. Ngoài ra, hoạt động NCKH và thực tập thực tế đòi hỏi người học phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể, được thể hiện thông qua các thành tích NCKH và các đánh giá năng lực của người học trong quá trình tham gia các hoạt động này [H4.04.03.03], [H4.04.03.04], [H4.04.03.05], [H4.04.03.06], [H4.04.03.07]. Các học phần đồ án được đưa vào CTĐT nhằm giúp cho người học đạt được khả năng diễn đạt kiến thức, tìm tòi tài liệu, trình bày suy nghĩ của mình và phản biện lẫn nhau đã tạo ra sự say mê học hỏi, tăng hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học [H4.04.03.08]. Đồng thời, Khoa thường

xuyên mời các chuyên gia trong nước và nước ngoài, có trình độ cao và kiến thức thực tiễn, tâm huyết, về giảng dạy hoặc trao đổi khoa học, tạo tinh thần cởi mở, phản biện và học hỏi lẫn nhau trong khoa học [H4.04.03.09].

Ngoài ra, SV được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH, tham gia hoạt động của CLB Kỹ thuật điện [H4.04.03.07], [H4.04.03.10]. Nhiều hoạt động ngoại khóa do các đoàn thể trong trường, Khoa tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học [H4.04.03.11].

Về phía người dạy, GV luôn tích cực tìm tòi học hỏi trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau để nâng cao chất lượng bài giảng của mình, sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Để giúp cho GV có thông tin phản hồi, Trường thường xuyên tổ chức các đợt tương tác giữa hoạt động dạy và học. Do vậy, lấy YKPH của SV là một việc cần thiết và không thể thiếu, được thực hiện hàng năm [H4.04.03.12], [H4.04.03.13]. Trường còn ưu tiên và khuyến khích các đề tài KH&CN với nội dung đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm [H4.04.03.14]. Ngoài ra, để thực hiện được các mục tiêu này, người học sẽ có thể sử dụng công thông tin học tập trực tuyến để phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu online chẳng hạn như người học sẽ sử dụng trang tin chỉ của Nhà trường để tự đăng ký các học phần vào đầu mỗi học kỳ, xem kết quả học tập, download tài liệu học tập, giáo trình,... trực tiếp từ website của Khoa KT&CN và website của Trường ĐHQN [H4.04.03.15].

## **2. Điểm mạnh**

Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho người học rèn luyện được các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

## **3. Điểm tồn tại**

Khả năng tiếp cận một vấn đề mới và khả năng phản biện một vấn đề tương đối khó của người học chưa thật sự cao. Bên cạnh đó, CSVC chưa tạo được sự linh động cho việc áp dụng các bài tập nhóm (bàn ghế không linh hoạt cho việc di chuyển). Ngoài ra, số lượng SV trong một số lớp học phần quá đông nên nhiều học phần chưa phát huy được tính tự giác và tích cực của người học trong quá trình tương tác với GV.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa sẽ tiếp tục cập nhật, chỉnh sửa CTĐT theo định kỳ hàng năm của Nhà trường và bổ sung thêm các tiêu chí “khả năng tự học, khả năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và phân tích tài liệu, khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch” vào tiêu chí đánh giá kết quả học tập từng học phần của người học.

Với các học phần có tính thực hành, bài tập nhóm, Khoa cũng đề xuất với Nhà trường bố trí phòng học có thể di chuyển bàn ghế, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tương tác giữa GV và người học.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 4**

Nhìn chung, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT đúng đắn, mục tiêu được diễn đạt rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt, giúp người học đạt CDR. Các hoạt động học tập đa dạng như NCKH, tự học, thảo luận, thuyết trình, thực tập, thực hành giúp SV có khả năng và tinh thần học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy và người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện, tôn trọng và nâng đỡ người học.

Bên cạnh đó, vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là hoạt động thực tập thực tế chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Thư viện chưa đảm bảo các điều kiện thuận lợi cho việc tự học, tự nghiên cứu của SV và GV. Nhiều SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng, kém ngoại ngữ. Việc đánh giá kết quả học tập của một số học phần còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa phát huy được tính tự giác và tích cực của người học trong quá trình tương tác với GV.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa KT&CN đánh giá tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí, trong đó có 1 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 2 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học**

### **Mở đầu**

Việc đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình SV theo học tại Khoa KT&CN, Trường ĐHQN nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với mục tiêu học phần và khóa học. Việc đánh giá này được Khoa thực hiện một cách chuyên nghiệp, phù hợp với mức độ đạt CDR

trong mọi thời điểm của toàn bộ quá trình học, chú trọng đánh giá thái độ, kiến thức, năng lực thông qua các phương pháp kiểm tra đa dạng, đảm bảo độ giá trị, tin cậy, sự công bằng. Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất của GDĐH bởi điều này ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và hoạch định kế hoạch nghề nghiệp của người học. Do đó, người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

***Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học phải được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra***

### **1. Mô tả**

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế dựa trên mục tiêu về CĐR. Các quy định về việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thể hiện thông qua Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ, Quy định tổ chức và quản lý thực tập [H5.05.01.01], [H5.05.01.02], [H5.05.01.03]. Các quy định này được thông báo công khai cho người học trên website của Nhà trường, Khoa và Sổ tay SV [H5.05.01.04], [H5.05.01.05]. Người học có thể nắm bắt được các quy định về kiểm tra đánh giá để điều chỉnh phương pháp học tập của mình trong quá trình học, các quy định đó được thể hiện rõ trong đề cương từng môn học và được thay đổi cho phù hợp với thực tế [H5.05.01.06].

Việc kiểm tra đánh giá bao gồm: Việc tuyển SV mới; kiểm tra đánh giá liên tục trong quá trình học tập; kiểm tra cuối khóa/bảo vệ ĐATN.

Ngay sau khi nhập học, SV được Nhà trường, Khoa bố trí lịch sinh hoạt công dân đầu khóa cho SV và chào tân SV [H5.05.01.07], qua đó phổ biến các nội dung liên quan đến các quy định, công bố mục tiêu và các CĐR của ngành đào tạo, hướng dẫn SV lập kế hoạch học tập phù hợp nhằm đáp ứng các CĐR đã được tuyên bố. Việc tổ chức đào tạo được thực hiện theo các bước hướng dẫn từ đăng ký nhập học, sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo, tổ chức lớp học, đăng ký khối lượng học tập, đánh giá học phần, tổ chức kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần... được Nhà trường quy định rất chặt chẽ [H5.05.01.01].

Nhà trường đã mời chuyên gia và tổ chức tập huấn xây dựng CTĐT đáp ứng

CĐR cũng như hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết và các phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR; tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học có khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Chính vì vậy, đề cương các môn học trong CTĐT đều nêu rất rõ mục tiêu, yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Những yêu cầu này chính là tiêu chuẩn để kiểm tra quá trình thu nhận tri thức và rèn luyện của người học theo các thang bậc (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá). Từ mục tiêu của môn học, GV xác định các nội dung cần kiểm tra, đánh giá, các cách thức kiểm tra đánh giá và những yêu cầu cụ thể việc kiểm tra đánh giá phù hợp với môn học. Phương pháp đánh giá trong toàn bộ quá trình học được sử dụng rất đa dạng: Điểm danh, tham gia hỏi đáp trong các buổi học đối với đánh giá chuyên cần; bài tập cá nhân, bài tập nhóm đối với đánh giá giữa kì; tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, đồ án đối với đánh giá cuối kì nhằm đạt được CĐR của học phần và CTĐT **[H5.05.01.06]**. Tất cả đề thi của Khoa đều được Trưởng bộ môn phê duyệt, xem xét từng câu hỏi sử dụng trong đề có khả năng đánh giá theo mức độ biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá của người học **[H5.05.01.08]**.

Đối với các học phần thí nghiệm, thực hành sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành **[H5.05.01.01]**.

Riêng với học phần thực tập tại cơ sở, GV phụ trách hướng dẫn và CB hướng dẫn tại cơ sở thực tập cùng đánh giá SV theo quy định, điều này đảm bảo cả ba chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ đều được đánh giá không chỉ trên tham chiếu của cơ sở xây dựng CTĐT là Khoa, mà còn với tham chiếu của đơn vị sử dụng lao động **[H5.05.01.03]**, **[H5.05.01.09]**.

Để có đủ điều kiện làm ĐATN, SV cần đạt điều kiện cần theo yêu cầu của Nhà trường **[H5.05.01.10]**. Đề tài ĐATN phải phù hợp với định hướng chuyên môn của khung CTĐT và có tính thực tiễn cao. ĐATN đều có quy định cụ thể về quy cách trình bày, tiêu chí đánh giá. Hội đồng chấm ĐATN được thành lập theo đúng quy định và thực hiện theo đúng quy trình chấm, tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng đảm bảo độ tin cậy, công bằng đối với người học. Đối với đánh giá ĐATN, các yêu cầu cụ thể về ý thức, thái độ, ý nghĩa đề tài và phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, báo



cáo ĐATN trước hội đồng, trả lời các câu hỏi của SV được đặt ra đối với ĐATN [H5.05.01.01], [H5.05.01.11]. Bên cạnh đó, Khoa cũng chủ động mời các chuyên gia chuyên ngành từ các cơ sở sử dụng lao động để phối hợp đánh giá ĐATN [H5.05.01.12].

## **2. Điểm mạnh**

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Tất cả các đề thi của các môn học đều được Trường Bộ môn xem xét, phê duyệt. Câu hỏi đánh giá được thiết kế theo các mức độ: biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá.

Đối với các học phần thực tập tại các cơ sở thực tập có thêm sự phối hợp đánh giá người học từ các cán bộ tại cơ sở SV thực tập. Các nội dung đánh giá gồm: thái độ nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng hành nghề, sự tuân thủ quy tắc nghề tại cơ sở, kỹ năng nghiên cứu.

Việc đánh giá ĐATN có sự tham gia của các chuyên gia chuyên ngành từ các cơ sở sử dụng lao động. Các tiêu chí, thang điểm đánh giá được quy định rõ ràng, cụ thể.

## **3. Điểm tồn tại**

Khoa chưa thống kê phân tích định lượng từng đề thi theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó để phân loại và đánh giá kết quả học tập của người học một cách chính xác.

CDR về thái độ hầu như chỉ được đánh giá thông qua 10% điểm thường xuyên, hoặc ở một số học phần trực tiếp đề cập đến thái độ thực hành nghề.

## **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2019 - 2020, Nhà trường tiếp tục xây dựng và ban hành các quy định về việc thiết kế đề thi tự luận, trắc nghiệm,... nhằm đáp ứng CDR; Khoa sẽ tổ chức thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi, đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi theo CDR.

Năm học 2019 - 2020, Khoa sẽ cập nhật lại CTĐT và điều chỉnh cách đánh giá thái độ của người học đặc biệt đối với các học phần trực tiếp đề cập đến thái độ thực hành nghề, các học phần thi vẫn đáp theo hướng đánh giá dựa trên toàn bộ quá trình học tập và điều này được thông báo cho người học ngay từ khi bắt đầu học phần.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

**Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học**

### **1. Mô tả**

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được Khoa thực hiện theo đúng Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ [H5.05.02.01], Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.02.02], Quy định tổ chức và quản lý thực tập [H5.05.02.03], Quy định về việc giao ĐATN cho SV cuối khóa hệ chính quy [H5.05.02.04]. Các quy định này và đề cương chi tiết các học phần được thông báo công khai cho người học trên website của Nhà trường, Khoa và Sổ tay SV [H5.05.02.05], [H5.05.02.06]. Phương thức kiểm tra đánh giá học phần được quy định rõ ràng trong đề cương chi tiết các học phần của CTĐT ngành Kỹ thuật điện. Điểm đánh giá học phần bao gồm 03 cột điểm, trong đó điểm chuyên cần chiếm trọng số 10%, điểm đánh giá quá trình học tập chiếm trọng số 20% và điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 70% [H5.05.02.02], [H5.05.02.07]. Cách thức đánh giá điểm chuyên cần, điểm đánh giá quá trình học tập được công bố trên lớp cho người học khi bắt đầu học phần. GV thông báo công khai điểm đánh giá quá trình cho người học trên lớp trước khi kết thúc thời gian học.

Nhà trường, Khoa có quy định rõ ràng về cách đánh giá ĐATN, thiết kế ĐATN đại học ngành Kỹ thuật điện trong đó quy định rõ về số lượng thành viên hội đồng đánh giá, trách nhiệm của SV và GV hướng dẫn SV thực hiện ĐATN, cách trình bày nội dung ĐATN, quy trình chấm ĐATN, phiếu chấm ĐATN, phiếu nhận xét của GV hướng dẫn, GV phản biện. Cách tính điểm của học phần ĐATN cụ thể như sau: Điểm đánh giá ĐATN là điểm trung bình cộng các điểm của các thành viên hội đồng chấm ĐATN, điểm của GV hướng dẫn và điểm của GV phản biện [H5.05.02.02], [H5.05.02.08].

Thời gian kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần được thể hiện rõ trong kế hoạch đào tạo và được Nhà trường phê duyệt hàng năm sau đó được công bố cho SV ngay từ đầu năm học. Cuối học kỳ Phòng KT&ĐBCL lập kế hoạch tổ chức thi, phân phòng thi và thông báo cho SV thông qua tài khoản cá nhân ít nhất là 2 tuần trước khi kỳ thi bắt đầu [H5.05.02.09], [H5.05.02.10]. Mỗi học kỳ Nhà trường tổ chức thi tập trung một

lần, SV có lý do chính đáng như: ốm đau, bệnh tật, tai nạn được làm đơn đề nghị Nhà trường bố trí thi lại ở học kỳ phụ hoặc ở kỳ thi gần nhất nhằm đảm bảo tiến độ học tập [H5.05.02.11].

Trợ lý khoa nhập điểm chuyên cần và giữa kỳ (chậm nhất 10 ngày kể từ khi kết thúc giảng dạy của học phần) và điểm thi kết thúc học phần (7 ngày sau khi thi kết thúc học phần) và công bố công khai cho người học [H5.05.02.12]. Người học được quyền phản hồi nếu điểm nhập sai bằng việc viết đơn đề nghị điều chỉnh điểm theo đúng quy trình [H5.05.02.13].

Với mục tiêu ĐBCL, Nhà trường đã ban hành Quy định CĐR ngoại ngữ, tin học đối với SV đại học hệ chính quy và thông báo đến toàn bộ SV được biết [H5.05.02.14], [H5.05.02.15]. SV của Nhà trường khi được công nhận tốt nghiệp bậc đại học hệ chính quy phải đạt chuẩn bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, CĐR tin học theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thông qua kết quả khảo sát YKPH của người học về công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của Nhà trường, Khoa cho thấy hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần đã được GV thông báo và giải thích rõ ràng trước khi học; đa số người học đánh giá số lượng bài kiểm tra, hình thức, nội dung, thời gian, thời lượng kiểm tra và các tiêu chí đánh giá của Nhà trường, Khoa đều đáp ứng yêu cầu [H5.05.02.16], [H5.05.02.17], [H5.05.02.18], [H5.05.02.19].

## **2. Điểm mạnh**

Kế hoạch và các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành Kỹ thuật điện được thông báo công khai với người học ngay từ khi nhập học và khi bắt đầu mỗi môn học. Bộ phận trợ lý đào tạo của Khoa, các CVHT, GV thực hiện tốt công việc thông báo công khai, rõ ràng các thông tin liên quan đến quy định đánh giá kết quả học tập của người học.

Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường, Khoa đều thực hiện khảo sát ý kiến của người học về công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập và được người học đánh giá tốt.

## **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được trình bày chi tiết, rõ ràng trong đề cương môn học, được GV phổ biến trực tiếp vào đầu kỳ học, được đăng tải trên trang web của Nhà trường, tuy nhiên do hosting không ổn định khiến tốc độ truy cập web bị giảm, dẫn đến lượng truy cập vào website của người học

còn hạn chế.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa sẽ tăng cường sử dụng website đăng tải thường xuyên các hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong tiến trình học cho người học chủ động truy cập phục vụ học tập và nghiên cứu. Nhà trường, Khoa và các bộ môn tiếp tục thực hiện tốt quy định về đánh giá kết quả học tập của người học và thông báo công khai cho người học.

#### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

##### ***Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng***

###### **1. Mô tả**

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập được xác định cụ thể trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ [H5.05.03.01], Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.03.02], Quy định tổ chức và quản lý thực tập [H5.05.03.03], Quy định về việc giao ĐATN cho SV cuối khóa hệ chính quy [H5.05.03.04].

Hình thức đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng, đáp ứng mục tiêu môn học, đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng, bao gồm thi viết (tự luận, trắc nghiệm), vấn đáp, làm bài tập lớn, đề án hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Đề thi tự luận hay trắc nghiệm đều phải đảm bảo kiểm tra được kiến thức, kỹ năng cơ bản của học phần, đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo. Quy trình biên soạn đề thi, duyệt đề thi, nộp đề thi, in sao đề thi, bảo quản đề thi đảm bảo tính bảo mật, khách quan, chính xác, công bằng. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần. Phòng Khảo thí và ĐBCL xây dựng kế hoạch thi, Khoa quản lý học phần tổ chức coi thi, làm phách, chấm thi, lên điểm và nhập điểm thi [H5.05.03.05]. Mỗi bài thi đều do hai CB chấm thi độc lập, thực hiện như quy chế chấm thi tuyển sinh, bảng điểm mỗi học phần, ngoài hai GV chấm thi, đều có ký xác nhận của Trưởng bộ môn, Trưởng khoa để đảm bảo sự khách quan, công bằng trong công tác chấm bài [H5.05.03.01]. Trợ lý khoa quản lý học phần ráp phách và lên bảng điểm học phần cho các học phần thi viết. Các bài thi vấn đáp, đề án, thực hành được chấm bởi hai GV. Người học được quyền phản hồi nếu điểm nhập sai bằng việc viết đơn đề nghị điều

chỉnh điểm theo đúng quy trình [H5.05.03.06]. Nhà trường tổ chức thanh tra tất cả các khâu từ in sao, quản lý đề thi, coi thi, chấm thi, nhập điểm, kiểm tra tính chính xác của việc lên điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần [H5.05.03.07]. Hàng năm, Nhà trường, Khoa đều có những hướng dẫn chi tiết về việc thiết kế, đánh giá câu hỏi và đề thi cho các học phần [H5.05.03.08].

Tất cả các học phần trong CTĐT đều xác định rõ ràng hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá. Các học phần trong CTĐT trình độ đại học được đánh giá qua 03 cột điểm, trong đó điểm chuyên cần chiếm trọng số 10%, điểm đánh giá quá trình học tập chiếm trọng số 20% và điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 70%. Phương pháp đánh giá trong toàn bộ quá trình học được GV sử dụng rất đa dạng: Điểm danh, tham gia hỏi đáp trong các buổi học đối với đánh giá chuyên cần; bài tập cá nhân, bài tập nhóm đối với đánh giá giữa kì; tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, đồ án đối với đánh giá cuối kì nhằm đạt được CDR của học phần và hướng đến tính khách quan, công bằng [H5.05.03.09].

Với ĐATN, Khoa thực hiện theo Quy định về việc giao ĐATN cho SV cuối khóa hệ chính quy, quy trình chấm ĐATN, phiếu chấm ĐATN, phiếu nhận xét của GV hướng dẫn, GV phản biện [H5.05.03.04], [H5.05.03.10]. Việc chấm ĐATN có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, khung lý thuyết, phương pháp sử dụng, kết quả thực tiễn, kỹ năng báo cáo, trả lời câu hỏi của SV,... Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị trong đánh giá ĐATN. Cách tính điểm của học phần ĐATN cụ thể như sau: Điểm đánh giá ĐATN là trung bình cộng các điểm các thành viên hội đồng chấm ĐATN, điểm của GV hướng dẫn và điểm của GV phản biện [H5.05.03.02].

Ngoài ra, Nhà trường đã tổ chức Hội nghị bàn về công tác thi và đánh giá kết quả học tập của SV theo hệ thống tín chỉ [H5.05.03.11], tổng hợp ý kiến phản hồi về CTĐT và hoạt động giảng dạy của SV [H5.05.03.12], [H5.05.03.13], qua đó xác định phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, sự công bằng và đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

## **2. Điểm mạnh**

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng: kiểm tra viết, vấn đáp, bài tập lớn, đồ án, đánh giá qua các hoạt động thuyết trình.... Đề thi đảm bảo độ tin cậy được Bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Đa số YKPH của người học

hài lòng về tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp của các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV.

### **3. Điểm tồn tại**

Hình thức thi trắc nghiệm chỉ mới được triển khai ở một số học phần, do hình thức thi trắc nghiệm vẫn còn một số hạn chế như: SV không chú trọng nhiều vào việc trình bày mà chỉ tập trung vào kết quả; khó đánh giá được năng lực thực sự của SV vì sẽ có thành tố may rủi, điều này sẽ không công bằng cho các thí sinh khác.

Công tác thống kê, phân tích định lượng đề thi, kết quả thi chưa được thực hiện, do đó chưa đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Nhà trường sẽ ban hành các quy định mới về việc tổ chức thi kết thúc học phần, quy định về việc thiết kế đề thi tự luận, trắc nghiệm nhằm đảm bảo tính chính xác và công bằng trong đánh giá kết quả người học;

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa sẽ tổ chức thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi, đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi.

### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

*Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập*

#### **1. Mô tả**

Kết quả học tập của người học được tổng hợp và đưa vào báo cáo tổng kết công tác đào tạo hàng năm, báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới của Khoa [H5.05.04.01]. Trong đó có thống kê tỷ lệ SV khá giỏi các khóa, tỷ lệ SV tốt nghiệp của từng ngành, khóa và kết quả xét lên lớp hàng năm nhằm xem xét sự thay đổi thành tích học tập của SV sau các năm học [H5.05.04.02].

SV khi nhập học được Nhà trường cung cấp một cuốn “Sổ tay SV”, trong đó thông tin đầy đủ về quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ bao gồm những quy định chung, tổ chức đào tạo, kiểm tra và thi học phần, xét và công nhận tốt nghiệp, nơi làm việc sau khi ra trường [H5.05.04.03].

Quy định về việc giao đề tài đồ án, khóa luận tốt nghiệp cho SV thuộc đại học, cao đẳng hệ chính quy được Nhà trường ra Quyết định ban hành [H5.05.04.04]. Quy định tổ chức thi kết thúc học phần, về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học, kết quả đánh giá được công bố công khai, đúng thời gian quy định đến GV và người

học để thực hiện và kiểm tra giám sát được thực hiện theo quy định của Quyết định số 03/QĐ-ĐHQN, ngày 03/01/2012 và bổ sung sửa đổi năm 2018 **[H5.05.04.05]**.

Kết quả học tập của người học được Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời, công khai đến GV và người học theo kênh thông tin trên trang web của Trường qua tài khoản của người học để người học có thể phản hồi và cải thiện việc học tập. Đồng thời, sau khi có KQHT mỗi học kỳ của người học, Ban chủ nhiệm Khoa triển khai đến các CVHT tiến hành tổ chức họp lớp để khuyến khích, động viên SV có KQHT tốt, đối với những SV bị thôi học và trong trường hợp vị cảnh báo, CVHT đều liên lạc trực tiếp đến phụ huynh để phối hợp với Nhà trường nhắc nhở những SV có ý thức học tập chưa tốt; giải đáp những thắc mắc của người học trong học tập; tư vấn cho người học phương pháp học có hiệu quả. Thực hiện văn bản hợp nhất số 17/VBHN- BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GD&ĐT Quyết định ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Nhà trường đã thực hiện việc cảnh báo kết quả học tập theo từng kỳ nhằm giúp SV có KQHT kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình và có được công việc đúng ngành nghề sau khi tốt nghiệp **[H5.05.04.06]**.

Kết quả học tập của người học được lưu giữ đầy đủ theo đúng quy định **[H5.05.04.07]**.

Hệ thống văn bằng chứng chỉ của người học được Nhà trường quản lý và cấp phát đúng quy chế về quản lý và cấp phát văn bằng chứng chỉ của Bộ GD&ĐT. Kết thúc mỗi khoá học người học được nhận bằng tốt nghiệp và ký nhận tại Sổ cấp bằng có dán ảnh và các thông tin liên quan **[H5.05.04.08]**.

Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý các hệ đào tạo giúp trường quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi. Kết quả học tập của người học được trường tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường, được sao lưu định kỳ vào hệ thống và hệ thống máy chủ **[H5.05.04.09]**. Sau mỗi học kỳ, Phòng Thanh tra - Pháp chế đều kiểm tra khâu lên điểm, ráp phách và nhập điểm vào phần mềm và làm biên bản có xác nhận của Khoa và Phòng Thanh tra - Pháp chế **[H5.05.04.10]**.

Trong quá trình học, người học có quyền đề nghị Khoa, Nhà trường cấp bằng

điểm tạm thời của một hoặc nhiều kỳ đã học. Bảng điểm này ghi KQHT (đạt hoặc không đạt) cho tất cả các môn học mà người học đã học trong các kỳ [H5.05.04.11]. Ngoài ra, Nhà trường còn có các quy trình hướng dẫn SV về thủ tục xin nghỉ học tạm thời, trở lại học tập, chuyển trường, thôi học của SV hệ chính quy [H5.05.04.12].

Hàng năm, Nhà trường triển khai lấy YKPH của SV đại học và cao đẳng hệ chính quy về hoạt động giảng dạy của GV vào cuối mỗi học kỳ theo “Quy định về việc lấy YKPH của SV về hoạt động giảng dạy của GV Trường ĐHQN”. Nhằm tạo điều kiện cho tất cả SV được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV ở tất cả các học phần, từ năm học 2013 -2014 đến nay, Nhà trường tổ chức khảo sát YKPH của SV về hoạt động giảng dạy của GV bằng hình thức trực tuyến trên website [H5.05.04.13].

Sau mỗi đợt khảo sát, Phòng KT&ĐBCL tổng hợp dữ liệu, xử lý và báo cáo kết quả phản hồi của người học cho lãnh đạo Nhà trường và các khoa nắm bắt tình hình giảng dạy của GV, giúp GV có những điều chỉnh, cải tiến góp phần nâng cao chất lượng dạy học [H5.05.04.14].

Vào học kỳ 2 hàng năm, Phòng KT&ĐBCL tổ chức khảo sát ý kiến của SV năm cuối về chất lượng ngành đào tạo với nội dung phiếu khảo sát thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh phù hợp với tình hình hiện tại [H5.05.04.15]. Ngoài ra thông qua các ý kiến đóng góp của SV năm cuối hàng năm, Khoa kịp thời có những biện pháp khắc phục những điểm còn tồn tại và cải tiến.

## **2. Điểm mạnh**

Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn.

Sau mỗi kỳ thi Khoa đều triển khai cho cố vấn học tập tổ chức họp lớp để khuyến khích, động viên SV có KQHT tốt, giải đáp thắc mắc của SV và tư vấn cho SV phương pháp học có hiệu quả.

Trường, Khoa đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp; tuân thủ theo các quy định một cách chặt chẽ, hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp kết quả học tập, văn bằng tốt nghiệp. Hệ thống văn bằng được cấp đúng quy định, sổ cấp văn bằng rõ ràng, thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm tra.

## **3. Điểm tồn tại**



Mặc dù điểm giữa kì được phản hồi nhanh chóng để SV kịp thời cải thiện kết quả học tập. Tuy nhiên, việc công bố điểm cuối kỳ cho SV đôi khi còn chậm, do có một số học phần của thỉnh giảng.

Trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng, việc truy cập xem điểm cũng như thông tin xét tốt nghiệp bị tắt nghẽn, gây khó khăn cho công tác quản lý và người học.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa KT&CN đề xuất với Nhà trường về việc công khai đáp án chấm thi cuối kì để SV tự đối chiếu với bài thi và có kế hoạch điều chỉnh việc học tập, thúc đẩy việc chấm thi và công bố điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng thời hạn.

Nâng cấp đường truyền Internet và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng cho các hoạt động liên quan đến lưu trữ kết quả học tập và hoạt động đào tạo.

#### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

##### ***Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập***

###### **1. Mô tả**

Nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người học, trong quá trình học tập, người học được quyền phúc tra khiếu nại kết quả học tập theo các quy định, quy trình khiếu nại [H5.05.05.01]. Đối với điểm quá trình, người học khiếu nại trực tiếp với GV trực tiếp giảng dạy học phần đó khi công bố điểm trên lớp. Đối với điểm thi kết thúc học phần, người học nếu thấy điểm trên phần mềm không chính xác thì người học làm đơn gửi Văn phòng khoa đề nghị xem xét lại [H5.05.05.02]. Văn phòng Khoa phối hợp với GV phụ trách học phần để giải quyết cho SV theo quy định. Bài thi sau khi chấm phúc khảo được ghi vào biên bản, có chữ ký của 2 cán bộ chấm thi và ý kiến của Trưởng khoa [H5.05.05.03]. Kết quả phúc khảo bài thi được thông báo ngay cho SV và cập nhật, chỉnh sửa vào bảng tổng hợp theo từng kỳ để lưu nếu có sai sót [H5.05.05.04].

Kết quả học tập của người học được Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai đến GV và người học theo kênh thông tin trên trang web của Trường qua tài khoản của người học để người học có phản hồi và khiếu nại kết quả học tập [H5.05.05.05]. Đối với điểm trung bình chung học tập năm học, sau mỗi học kỳ, người học đều nhận được bảng điểm để đối chiếu và có quyền khiếu nại khi có sai sót [H5.05.05.06]. Ngoài ra, để tiếp nhận những khiếu nại về kết quả học tập của người học thì nhà trường đã có hòm thư để người học có thể gửi trực tiếp những ý kiến của

người học vào đó [H5.05.05.07].

Số lượng sinh viên phúc khảo bài thi qua từng kỳ được thống kê cụ thể như sau: năm học 2015 – 2016: 1 sinh viên; năm học 2016 – 2017: 6 sinh viên; năm học 2017 – 2018: 8 sinh viên [H5.05.05.08].

## **2. Điểm mạnh**

Khoa đã giải quyết tốt việc khiếu nại về kết quả học tập để hỗ trợ cho người học trong quá trình học tập tại trường.

SV được cấp 01 tài khoản truy cập cổng thông tin đào tạo riêng và có thể xem điểm một cách nhanh chóng. Cuối mỗi học kỳ, SV được cấp bảng điểm để kiểm tra, đối chiếu KQHT và kiến nghị điều chỉnh nếu phát hiện có sai sót.

## **3. Điểm tồn tại**

Người học chưa thực sự được tiếp cận với quy trình khiếu nại và việc công bố điểm cuối kỳ cho người học đôi khi còn chậm do một số học phần của thỉnh giảng; do đó, điều này ảnh hưởng đến việc phúc tra điểm của người học.

Việc công bố kết quả học tập sau mỗi kỳ thi còn chậm, quy trình thủ tục khiếu nại chưa phân định rõ ràng giữa đơn vị Phòng ban và Khoa trong việc tiếp nhận đơn của SV.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Nhà trường sẽ ban hành cụ thể quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập trong sổ tay người học nhằm giúp người học tiếp cận dễ dàng hơn quy trình này. Đồng thời, Khoa cũng tiến hành tuyên truyền, phổ biến rộng rãi và công bố công khai quy trình này trên website của Khoa để người học nắm bắt rõ.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 5**

Mặc dù còn một số tồn tại như đã nêu, nhìn chung, việc đánh giá kết quả học tập của người học ở Khoa được thực hiện một cách chuyên nghiệp, bám sát các hướng dẫn của Trường ĐHQN để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình. Khoa luôn tập trung sâu vào đánh giá kiến thức, kỹ năng của người học thông qua các kì thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được CDR, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa KT&CN đánh giá tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu

chí, trong đó có 4 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 1 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

### **Mở đầu**

Trường ĐHQN có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam trung Bộ và Tây nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội. Để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị này, Nhà trường và Khoa KT&CN tập trung vào việc quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV, nghiên cứu viên có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và NCKH.

Đội ngũ GV chuyên ngành của Bộ môn Kỹ thuật điện có 18 GV, trong đó gồm 01 GS, 01 PGS, 09 tiến sĩ, 02 NCS và 05 ThS, có kỹ năng giảng dạy và đạo đức nghề nghiệp tốt, có nhiều thành tích trong NCKH, có kinh nghiệm thực tế, luôn trao đổi chuyên môn học thuật với các nhà khoa học trong nước và quốc tế, giao lưu và học hỏi kinh nghiệm thực tiễn nghề nghiệp từ các doanh nghiệp. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định, dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, kỹ năng làm việc của GV.

***Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

### **1. Mô tả**

Trường ĐHQN đã thường xuyên xây dựng, cập nhật Kế hoạch chiến lược phát triển, gần đây nhất là Kế hoạch được xây dựng cho giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn 2030 [H6.06.01.01]. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV của Khoa KT&CN nói chung và của Bộ môn Kỹ thuật điện nói riêng được lập kế hoạch và thực hiện thường xuyên phù hợp với quy định chung của Nhà trường và đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Định hướng phát triển công tác cán bộ Bộ môn Kỹ thuật điện của Khoa luôn phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà

trường **[H6.06.01.02]**.

Hiện nay, đội ngũ GV Bộ môn Kỹ thuật điện của Khoa được quy hoạch theo 3 hướng chuyên ngành bao gồm: Thiết bị điện; Hệ thống điện; Điều khiển và tự động hóa với mục đích chuyên môn hóa trong giảng dạy và đào tạo **[H6.06.01.03]**.

Để đảm bảo về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng dạy cho ngành đào tạo, Khoa luôn có kế hoạch tuyển dụng GV có trình độ chuyên môn về phục vụ giảng dạy tại Bộ môn. Đội ngũ GV của Trường nói chung và của Khoa KT&CN nói riêng đều được Nhà trường cử đi bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng tốt chuẩn yêu cầu GV giảng dạy của CTĐT ở bậc đại học **[H6.06.01.04]**, **[H6.06.01.05]**.

Hàng năm Nhà trường đã dành nhiều kinh phí để phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng và NCKH cho GV **[H6.06.01.06]**.

Quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Khoa đều thực hiện công khai, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Nhà trường. Nhà trường có Quyết định ban hành Quy định về tiêu chí và Quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý. Quy định này được thực hiện thống nhất trong Nhà trường **[H6.06.01.07]**.

Hàng năm Nhà trường cũng đã ban hành sổ tay năm học để cung cấp thông tin cho các GV cũng như công bố kế hoạch giảng dạy rõ ràng để GV thực hiện **[H6.06.01.0.8]**. Để đánh giá quá trình công tác cũng như ghi nhận sự đóng góp của đội ngũ GV, nghiên cứu viên, Nhà trường đã ban hành các quy định thi đua khen thưởng và thường xuyên cập nhật sửa đổi bổ sung **[H6.06.01.09]**.

Trên cơ sở yêu cầu vị trí việc làm từ các đơn vị, Nhà trường đã ban hành Đề án vị trí việc làm **[H6.06.01.10]** và có kế hoạch tuyển dụng phù hợp. Việc kéo dài thời gian công tác hay chấm dứt hợp đồng, nghỉ hưu của GV được thực hiện nghiêm túc đúng kế hoạch, đúng quy định của Nhà nước và của Trường. Nhà trường đã ban hành các Quy chế về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN **[H6.06.01.11]**; Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN **[H6.06.01.12]**. Khoa có kế hoạch cụ thể về việc kéo dài thời gian công tác hoặc chấm dứt hợp đồng đối với GV có trình độ tiến sĩ khi nghỉ hưu trình Hiệu trưởng duyệt. Việc chấm dứt, gia hạn hợp đồng hoặc nghỉ hưu đều được thông báo trước để đương sự biết và thực hiện. Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo

Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và theo các chính sách hiện hành của Nhà nước [H6.06.01.13].

Định kỳ, Nhà trường, lãnh đạo Khoa, lãnh đạo Bộ môn tiến hành khảo sát lấy ý kiến người học đánh giá hoạt động giảng dạy của GV, qua đó đánh giá chất lượng GV [H6.06.01.14]. Kết quả cho thấy đội ngũ GV đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các văn bản quy chế, quy định trong đó có quy trình, tiêu chí rõ ràng, công khai và minh bạch về tuyển dụng, bổ nhiệm GV, nghiên cứu viên và được phổ biến rộng rãi đến toàn thể viên chức của Trường. Trường đã có kế hoạch tuyển dụng và thực hiện tuyển dụng đúng quy định nên đã xây dựng được đội ngũ GV của Trường nói chung và của Khoa KT&CN nói riêng có trình độ chuyên môn cao đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

Bộ môn Kỹ thuật điện của Khoa KT&CN với đội ngũ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, sẵn sàng thực hiện tốt các hoạt động giảng dạy, NCKH.

## **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù GV giảng dạy ngành Kỹ thuật điện đã đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo nhưng chính sách ưu đãi, thu hút người tài, người có trình độ ngoại ngữ tốt và chuyên môn vững vàng từ những trường Đại học có uy tín trên thế giới chưa được quan tâm đúng mức. Chưa định hướng rõ ràng trong việc đào tạo cán bộ giảng dạy của khoa phù hợp với từng chuyên ngành, nhằm phát huy hết năng lực sở trường của từng cán bộ giảng viên và nghiên cứu viên.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa đề xuất với Nhà trường ban hành các chính sách ưu đãi để thu hút người có trình độ chuyên môn cao từ các trường Đại học uy tín trên thế giới về công tác tại Trường ĐHQN nói chung và Khoa KT&CN nói riêng. Xác định điểm mạnh của từng cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên để có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với từng chuyên ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 6/7**

***Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng***

### **1. Mô tả**

Tổng số viên chức trực tiếp tham gia đào tạo chuyên ngành thuộc Bộ môn Kỹ thuật điện của Khoa KT&CN hiện nay là 18 GV. Số GV đạt trình độ GS, PGS, Tiến sĩ là 11 (chiếm 61,1%); các GV khác đều có trình độ ThS [**H6.06.02.01**].

Ngoài ra, Bộ môn Kỹ thuật điện còn hợp tác với các GV kiêm nhiệm, thỉnh giảng các nhà khoa học, GV có uy tín từ nhiều trường Đại học, Viện nghiên cứu của các tổ chức trong nước và nước ngoài.

Tính đến năm học 2018 - 2019, ngành Kỹ thuật điện có tổng số 592 SV. Tỷ lệ quy đổi có xét đến nguồn GV tham gia đào tạo ngành Kỹ thuật điện là 20 SV/GV, đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành.

GV Bộ môn Kỹ thuật điện của Khoa làm việc với khối lượng, thời gian, định mức giờ chuẩn thực hiện theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT, Thông tư 47/2014/QĐ-BGDĐT, Quyết định số 155/QĐ-ĐHQN ban hành qui định về thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV [**H6.06.02.02**].

Nhà trường đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV, nghiên cứu viên theo chuẩn [**H6.06.02.03**]. Hầu hết GV Bộ môn Kỹ thuật điện hoàn thành vượt mức 270 tiết/năm và vượt hơn 90 giờ NCKH [**H6.06.02.04**].

Ngoài công tác quản lý chuyên môn trực tiếp từ lãnh đạo Bộ môn, Nhà trường còn có các đơn vị như Phòng Thanh tra - Pháp chế, Phòng KT&ĐBCL, Phòng QLKH&HTQT phối hợp giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ của GV nhằm mục đích nâng cao CLĐT, đảm bảo giờ giảng dạy và NCKH của GV. Chính quyền và Công đoàn Khoa thường xuyên phối hợp tổ chức dự giờ và họp tổng kết để góp ý cho các GV nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng giảng dạy. Việc làm thường niên này không chỉ giúp từng GV đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề xuất các giải pháp tự học tập nâng cao trình độ. Bên cạnh đó, hàng năm Khoa KT&CN lập kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nhằm phát triển đội ngũ giảng viên [**H6.06.02.05**]. Nhà trường thường xuyên quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng GV và hợp tác trong công tác NCKH [**H6.06.02.06**]. Nhiều công trình nghiên

cứu đã được GV và SV thực hiện đóng góp đáng kể trong công tác đào tạo và nhu cầu xã hội [H6.06.02.07].

Hàng năm Nhà trường cũng khảo sát YKPH của SV về hoạt động giảng dạy của GV, qua đó triển khai các giải pháp để cải tiến CLĐT [H6.06.02.08].

## **2. Điểm mạnh**

Tỉ lệ GV/người học của CTĐT đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành.

Nhà trường đã ban hành quy định số giờ tối thiểu và đã có tài liệu hướng số giờ giảng quy chuẩn đối với GV. Hàng năm đội ngũ GV phục vụ CTĐT đã thực hiện đầy đủ số giờ giảng tối thiểu quy định và hoàn thành tốt số giờ định mức về NCKH.

Nhiều công trình NCKH đã được công bố phục vụ cho công tác đào tạo và đáp ứng nhu cầu xã hội.

## **3. Điểm tồn tại**

GV phục vụ cho CTĐT đã hoàn thành nhiệm vụ về giảng dạy và NCKH hàng năm. Tuy nhiên số giờ giảng dạy phân công cho từng giảng viên còn chưa đồng đều làm ảnh hưởng ít nhiều đến chất lượng giảng dạy.

Nhiều đề tài NCKH đã được thực hiện thành công, có nhiều công trình đã được công bố trên các tạp chí có uy tín của quốc tế nhưng số công trình phục vụ cho cộng đồng chưa được nhiều.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019-2020, Lãnh đạo khoa tập trung thành lập các nhóm nghiên cứu để tiếp cận nhiều hơn với các tỉnh trong khu vực miền Trung - Tây Nguyên để đăng ký các đề tài nhằm phục vụ cho sự phát triển kinh tế, xã hội và phục vụ nhiều hơn cho cộng đồng.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

*Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai*

### **1. Mô tả**

Nhà trường đã ban hành Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý các đơn vị trực thuộc Trường, các

văn bản này được phổ biến rộng rãi đến toàn thể viên chức trong Nhà trường trong đó quy định cụ thể việc điều chuyển, bổ nhiệm GV rõ ràng, cụ thể về tư cách đạo đức, thành tích học tập, NCKH, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ, đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp và lý lịch bản thân rõ ràng. Tiêu chí tuyển dụng được điều chỉnh theo từng thời điểm, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ GV, phù hợp với xu thế phát triển chung của Nhà trường **[H6.06.03.01]**.

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị **[H6.06.03.02]**, Nhà trường đã thông báo công khai chỉ tiêu và các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV trên các phương tiện truyền thông đại chúng, website của Nhà trường... Trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng được thành lập nhằm đảm bảo việc tuyển dụng một cách công bằng và khách quan **[H6.06.03.03]**.

Kết quả thi tuyển được thông báo công khai trên website của Nhà trường và niêm yết trên bản tin của phòng Tổ chức cán bộ. Ứng viên được tuyển dụng phải trải qua thời gian tập sự 01 năm. Sau khi hết thời gian tập sự, người hướng dẫn giúp đỡ đã được lãnh đạo Bộ môn, lãnh đạo Khoa phân công có văn bản nhận xét, đánh giá chuyên môn, trên cơ sở đó lãnh đạo Khoa đề nghị Nhà trường ra quyết định chính thức bổ nhiệm vào ngạch bậc GV **[H6.06.03.04]**.

Công tác quy hoạch nhằm xây dựng đội ngũ quản lý có chất lượng được tiến hành công khai minh bạch, đảm bảo dân chủ, quy hoạch được những CB có năng lực, có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức, có đủ uy tín vào những vị trí quản lý cho từng nhiệm kỳ. Việc đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức và luân chuyển các chức vụ quản lý của Khoa được Nhà trường thực hiện đúng quy trình, quy định theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đảm bảo tính kế thừa và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị **[H6.06.03.05]**.

Hàng năm Nhà trường tổ chức đánh giá xếp loại viên chức một cách công khai và có quy định thi đua khen thưởng kịp thời cho các GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ **[H6.06.03.06]**.

## **2. Điểm mạnh**

Việc tuyển dụng viên chức hàng năm được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định, nghị định về tuyển dụng sử dụng và quản lý viên chức của Nhà nước và của Nhà trường.

Các ứng viên sau khi được tuyển dụng có đủ năng lực giảng dạy, có thành tích



trong NCKH và giảng dạy, tuân thủ nghiêm túc chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước, đạo đức nhà giáo...

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ quản lý được Nhà trường thực hiện đúng quy định pháp luật và quy định của Nhà trường.

### **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù, các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai, tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển vẫn còn chưa nhiều.

Tiêu chí tuyển dụng cao (chỉ tuyển người đã có trình độ TS), nên việc thu hút được GV đáp ứng tiêu chí này về công tác tại Khoa rất khó khăn.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019-2020, Nhà trường ban hành chủ trương chung và Khoa thực hiện nhiều buổi dự giờ để nâng cao kỹ năng giảng dạy cho GV. Xây dựng và ban hành kế hoạch phát triển chuyên môn, nghiệp vụ và đội ngũ kế thừa.

### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

#### ***Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá***

##### **1. Mô tả**

CLĐT là mục tiêu chính của trường đại học, trong đó GV đóng vai trò then chốt. Chính vì vậy, trong định hướng phát triển của Khoa, đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và chất lượng luôn là một trong những mục tiêu hàng đầu [**H6.06.04.01**], [**H6.06.04.02**].

Năng lực của người GV được tiếp cận theo 2 khía cạnh là năng lực sư phạm và năng lực NCKH.

Về năng lực sư phạm, bao gồm các khía cạnh: Năng lực chuẩn bị; Năng lực tổ chức; Năng lực sử dụng ngôn ngữ; Năng lực sử dụng các thiết bị và phương tiện dạy học; Năng lực hoạt động xã hội trong và ngoài trường; Năng lực đánh giá; Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục.

Về năng lực NCKH, bao gồm các khía cạnh: Năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề; Năng lực quan sát; Năng lực sáng tạo; Năng lực đọc và tìm kiếm thông tin; Năng lực tư duy; Năng lực thiết kế đề cương nghiên cứu; Năng lực viết báo cáo khoa học; Năng lực bảo vệ đề tài dự án.

Đối với Trường ĐHQN nói chung, Khoa KT&CN và các GV giảng dạy của ngành Kỹ thuật điện nói riêng thì năng lực chuẩn bị được thể hiện trong kế hoạch

giảng dạy chi tiết, năng lực sử dụng ngôn ngữ, sử dụng thiết bị và phương tiện dạy học, năng lực đánh giá được ưu tiên hơn các năng lực còn lại. Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục và năng lực tổ chức là 2 yếu tố không thể thiếu được đối với GV làm công tác CVHT và tư vấn học tập.

Nhà trường đã tổ chức triển khai các hoạt động nâng cao năng lực cho đội ngũ GV của Bộ môn, Khoa. Hầu hết GV của Khoa đều tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm, trao đổi nghiên cứu học thuật thông qua các hội thảo khoa học [H6.06.04.03]. Nhiều GV của Khoa tham gia các đề tài NCKH cấp trường, cấp bộ và có nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước [H6.06.04.04].

Hàng năm Nhà trường cùng với lãnh đạo Khoa, lãnh đạo Bộ môn tổ chức nhận xét, đánh giá xếp loại thi đua cho GV theo các mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Tất cả GV đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H6.06.04.05].

Việc đánh giá năng lực của GV từ phía SV cũng được thực hiện thường xuyên. Trên cơ sở đó Nhà trường, lãnh đạo Khoa có biện pháp nhắc nhở, trao đổi giúp đỡ các cán bộ GV có năng lực chưa cao, tự điều chỉnh để từng bước hoàn thiện và nâng cao năng lực nhằm đảm bảo tốt công tác giảng dạy và NCKH [H6.06.04.06].

## **2. Điểm mạnh**

Tỷ lệ GV có học hàm GS, PGS, TS của Bộ môn Kỹ thuật điện khá cao, có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và NCKH. Vì vậy kết quả đánh giá năng lực từ phía Nhà trường, lãnh đạo Khoa và từ phía người học đối với GV của Bộ môn luôn có kết quả cao.

## **3. Điểm tồn tại**

Phần lớn cán bộ giảng viên và nghiên cứu viên của Nhà trường và Khoa với năng lực sử dụng tiếng Anh chưa đồng đều. Điều này, làm ảnh hưởng đến quá trình tìm kiếm các nguồn tài liệu nước ngoài, vấn đề trao đổi học thuật và giao lưu quốc tế.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019-2020, Nhà trường thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng tiếng Anh giao tiếp cho các GV trong Trường và trong Khoa để có thể trao đổi học thuật, nghiên cứu và hội nhập quốc tế.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7**

***Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó***

**1. Mô tả**

Chiến lược phát triển đội ngũ được xác định rõ trong phương hướng nhiệm vụ của cả nhiệm kỳ dựa trên quy hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường [H6.06.05.01]. Căn cứ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ thông qua báo cáo đánh giá hàng năm, Khoa đã xây dựng lộ trình và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho từng CB theo từng năm học, theo giai đoạn và theo nhu cầu giảng dạy của các nhóm chuyên môn, hầu hết các giảng viên hoàn thành các chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch [H6.06.05.02], [H6.06.05.03].

Hiện tại Nhà trường chưa có hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV một cách thường xuyên nhưng chủ trương xây dựng, phát triển đội ngũ, nâng cao trình độ năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ là chủ trương xuyên suốt, trọng tâm của Nhà trường, của Khoa KT&CN và của ngành Kỹ thuật điện trong các năm học cũng như các nhiệm kỳ công tác. Nhà trường có hệ thống văn bản khuyến khích GV đi học tập, nâng cao trình độ, có đề án xây dựng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nâng cao CLĐT, NCKH và hội nhập quốc tế giai đoạn 2011-2018 [H6.06.01.04], có chính sách ưu đãi về tài chính, có ưu đãi về giờ giảng. Các GV trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được giảm 100% khối lượng công việc, được trả 40% mức lương hiện tại được hưởng và được đóng bảo hiểm xã hội. Trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước được giảm 100% khối lượng công việc và được hỗ trợ 100% học phí tối đa bằng mức học phí cùng bậc học của Nhà trường [H6.06.05.05].

Hiện tại đội ngũ GV của Khoa có 11 GS, PGS, TS; 7 ThS trong đó 2 ThS đang học NCS tại Trung Quốc và Ba Lan, các ThS còn lại đang lên kế hoạch đi học NCS ở các trường Đại học có uy tín. Trong thời gian 5 năm gần đây, 100% GV tham gia giảng dạy chuyên ngành Kỹ thuật điện đã được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ [H6.06.05.06], [H6.06.05.07].

**2. Điểm mạnh**

Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn cho đội ngũ GV Bộ môn Kỹ thuật điện luôn được xác định là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Khoa và luôn được Nhà trường khuyến khích, có cơ chế hỗ trợ cả kinh phí và thời gian cho GV có nhu cầu học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

### 3. Điểm tồn tại

Mặc dù đội ngũ GV của Khoa và Bộ môn Kỹ thuật điện đều được tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhưng tỷ lệ GV được đào tạo tại các cơ sở ngoài nước còn hạn chế.

### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2019-2020, Nhà trường, Khoa tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện để các GV đi học tập, đặc biệt là học ở nước ngoài, phần đầu mỗi năm có 01 GV được đi đào tạo, bồi dưỡng ở ngoài nước.

### 5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

*Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng*

#### 1. Mô tả

Theo quy định của Bộ GD&ĐT và cũng như các trường đại học khác trên cả nước, GV Trường ĐHQN được giao khối lượng công việc theo năm học (định mức giờ chuẩn giảng dạy và NCKH) [H6.06.06.01] và Nhà trường cũng đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ trong đó có hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV [H6.06.06.02].

Đầu mỗi năm học, các bộ môn thuộc ngành Kỹ thuật điện dựa trên khối lượng giảng dạy được Nhà trường giao, phân công khối lượng giờ giảng cho từng GV theo quy định về tổ chức đào tạo của Nhà trường [H6.06.06.03]. Quá trình thực hiện nhiệm vụ của GV được quản lý chặt chẽ [H6.06.06.04]. Kết quả thực hiện nhiệm vụ cuối mỗi học kỳ, mỗi năm học được sử dụng để Nhà trường cùng với lãnh đạo Khoa, lãnh đạo Bộ môn tổ chức nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xét hưởng thu nhập tăng thêm, danh hiệu thi đua, nâng lương trước thời hạn, xét kết nạp Đảng, bổ nhiệm vào các vị trí quản lý [H6.06.06.05], [H6.06.06.06]. Những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác được xem xét bình chọn các danh hiệu xứng đáng như: Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng.... Việc xem xét khen thưởng cho CB chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Những cá nhân có thành tích cao, xuất sắc sẽ được tăng lương trước hạn. Việc ghi nhận thành tích và khen thưởng kịp thời cho CB sẽ tạo động lực cho CB phát huy hết khả năng trong giảng dạy và NCKH.

Đối với những GV là đảng viên đều có nhận xét của địa phương nơi cư trú để Chi bộ có căn cứ đánh giá đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ cuối năm.

Nhà trường có quy định khen thưởng đối với các công trình khoa học đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành, có chỉ số trích dẫn cao (ISI, SCI, Scopus...), với các mức thưởng từ 10.000.000 đ/công trình, nhằm khích lệ GV tham gia nhiều hơn nữa trong NCKH, nâng cao vị thế của Nhà trường [H6.06.06.07], [H6.06.06.08].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường ban hành các quy định về đánh giá, phân loại và khen thưởng rõ ràng đây không chỉ là động lực để GV hoàn thành tốt nhiệm vụ mà còn giúp cho lãnh đạo Nhà trường và lãnh đạo Khoa quản trị công việc được tốt hơn. Do vậy mà GV Bộ môn Kỹ thuật điện hoàn thành nhiệm vụ theo quy định. Nhiều GV của Bộ môn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt được danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen các cấp và giấy khen của Hiệu trưởng.

## **3. Điểm tồn tại**

Nhiều công trình nghiên cứu còn mang tính chất riêng lẻ, chưa kết dính để tạo được nhóm nghiên cứu đồng bộ. Các đề tài nghiên cứu của GV chưa đi sâu vào các vấn đề tồn tại của doanh nghiệp và phục vụ tốt cộng đồng.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa xây dựng các nhóm nghiên cứu theo các hướng mang tính thời sự và thực tiễn. Tích cực tham gia bàn luận, trao đổi nghiên cứu với các đơn vị sử dụng lao động nhằm đưa lý thuyết đến gần với thực tế.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7**

*Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng*

### **1. Mô tả**

NCKH là hoạt động vô cùng quan trọng, giúp cho cán bộ GV hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao. Thông qua các Hội thảo, Hội nghị trao đổi học thuật giữa các nhà khoa học, quảng bá hình ảnh của Nhà trường, của Khoa. Nhà trường đã ban hành quy định định mức thời gian giảng dạy và NCKH của GV [H6.06.07.01].

Việc đăng ký xét duyệt đề tài khoa học các cấp được thực hiện thường xuyên hàng năm và theo đúng quy định: GV đăng ký đề tài NCKH theo thông báo của Phòng

QLKH&HTQT; Hội đồng Khoa tổ chức xét duyệt các đề tài đã đăng ký trên cơ sở bản thuyết minh khoa học của chủ nhiệm đề tài và gửi đến Nhà trường thông qua Phòng QLKH&HTQT. Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng xét chọn đề tài NCKH cấp trường, cấp bộ. Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài trên cơ sở kết quả xét duyệt của Hội đồng xét chọn đề tài. Những đề tài triển khai thực hiện phải được báo cáo theo tiến độ và được Hội đồng nghiệm thu nhận xét đánh giá rất chặt chẽ theo đúng quy trình, quy định [H6.06.07.02].

*Bảng 6.7. Một số công trình NCKH trong 5 năm trở lại đây [H6.06.07.03]*

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					
		2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	Tổng
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	01	0	0	0	0	1
3	Đề tài cấp trường	04	07	05	05	05	26
4	Tổng	05	07	05	05	05	27

Khoa thường xuyên tổ chức các Hội nghị khoa học, Hội thảo chuyên đề, các báo cáo khoa học của GV định mức 1 tháng/lần. Khoa có nhiều GV được Bộ GD&ĐT khen tặng là GV trẻ triển vọng trong giảng dạy và NCKH. Hàng năm có nhiều bài báo được đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước [H6.06.07.04].

Rất nhiều GV tham gia hướng dẫn NCKH cho SV và đã đạt được kết quả cao. Nhiều báo cáo NCKH của SV được đề cử tham gia báo cáo khoa học cấp bộ và đã đạt được giải nhất [H6.06.07.05].

Với các thành tích về NCKH nên nhiều GV đã được xếp loại viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và chiến sĩ thi đua hàng năm [H6.06.07.06].

## **2. Điểm mạnh**

GV luôn xem NCKH là một trong hai nhiệm vụ quan trọng nhất của người GV. Kết quả thống kê cho thấy nhiều GV đã công bố các công trình NCKH trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, SCOPUS và trên các tạp chí chuyên ngành được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm.

## **3. Điểm tồn tại**

Số lượng đề tài hàng năm được Nhà trường phân bổ về Khoa để GV và SV

nghiên cứu còn quá ít so với nhu cầu. Kinh phí dành cho các đề tài nghiên cứu còn hạn chế.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Khoa đề xuất với Nhà trường tăng cường kinh phí cho việc thực hiện đề tài NCKH cho GV và SV từ năm học 2019 - 2020 và các năm học tiếp theo.

#### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

##### **Kết luận về Tiêu chuẩn 6**

Đội ngũ GV, nghiên cứu viên Bộ môn Kỹ thuật điện của Khoa KT&CN, Trường ĐHQN có trình độ chuyên môn cao, có năng lực giảng dạy và NCKH, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo của ngành Kỹ thuật điện. Việc quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên được Khoa quan tâm và thực hiện thường xuyên nhằm đảm bảo tính kế thừa và tiến trình thực hiện CTĐT. Đội ngũ GV được phân công công việc phù hợp đảm bảo khối lượng giờ dạy và thời gian NCKH. Công tác bổ nhiệm, điều chuyển GV được Khoa thực hiện công khai, dân chủ, đúng tiêu chuẩn, tiêu chí quy định của Nhà trường, việc đánh giá, xếp loại viên chức công bằng, có hình thức biểu dương, khen thưởng kịp thời, tạo động lực phấn đấu tốt cho GV. Khoa luôn quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực cho đội ngũ GV của Khoa và luôn khuyến khích, động viên GV tích cực học tập, nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, NCKH góp phần nâng cao CLĐT ngành Kỹ thuật điện của Khoa và CLĐT chung của Trường.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa KT&CN đánh giá tiêu chuẩn 6 có 7 tiêu chí, trong đó có 1 tiêu chí đạt 6/7 điểm, 4 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 2 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

##### **Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên**

###### **Mở đầu**

Nhà trường và Khoa KT & CN luôn chú trọng việc quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Trong quá trình tuyển dụng, các tiêu chí và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Hàng năm, năng lực của đội ngũ nhân

viên được xác định và được đánh giá.

Nhà trường và Khoa luôn xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên và các hoạt động triển khai. Đồng thời, thường xuyên tiến hành triển khai việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên gồm cả khen thưởng và công nhận để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

***Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

### **1. Mô tả**

Trên cơ sở phân tích dự báo nhu cầu và đánh giá về thực trạng nhân sự, Nhà trường xác định mục tiêu và chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên theo Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 [H7.07.01.01]. Việc thực hiện quy hoạch đội ngũ nhân viên của Nhà trường căn cứ vào chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên nhằm đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Điều này, thể hiện qua Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN [H7.07.01.02]. Bên cạnh đó, Trường cũng có các chính sách đãi ngộ, thu hút đội ngũ nhân viên được xác định thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ như: thu nhập tăng thêm; hỗ trợ tiền phục vụ đào tạo; chế độ tham quan, du lịch trong và ngoài nước; học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ;... [H7.07.01.03].

Đội ngũ nhân viên của Trung tâm Thông tin tư liệu (Thư viện) được quy hoạch trên cơ sở Đề án đổi mới hoạt động Trung tâm Thông tin tư liệu theo hướng hiện đại [H7.07.01.04]. Hiện nay, Thư viện có 15 viên chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt yêu cầu khai thác tài liệu, sách, báo, giáo trình phục vụ công tác đào tạo, NCKH của CB, GV, HV và SV trong toàn trường nói chung và Khoa KT&CN nói riêng [H7.07.01.05], [H7.07.01.06]. Bên cạnh việc phục vụ yêu cầu cho công tác đào tạo và NCKH, đội ngũ nhân viên của Thư viện còn tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như: Ngày Hội sách (dành cho bạn đọc trên địa bàn tỉnh Bình Định),... [H7.07.01.07].



Đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng thí nghiệm của Khoa KT&CN hiện nay có 06 viên chức là kỹ sư, phụ trách 16 phòng thí nghiệm – thực hành, có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, đảm bảo về khối lượng và chất lượng công việc được phân công, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu, triển khai ứng dụng của GV, học viên và SV [H7.07.01.08]. Các kỹ sư làm việc ở các phòng thí nghiệm ngoài nhiệm vụ bảo quản và sửa chữa các thiết bị còn có khả năng triển khai ứng dụng dây chuyền tự động hóa, điều khiển thiết bị và mô hình kỹ thuật cao áp, hệ thống điện phục vụ cho công tác đào tạo và NCKH của chuyên ngành [H7.07.01.09]. Cụ thể: Phòng thí nghiệm ngành Kỹ thuật điện, có 02 CB kỹ sư chuyên trách, phụ trách 07 phòng chuyên môn; Phòng thí nghiệm ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông, có 02 CB kỹ sư chuyên trách, phụ trách 06 phòng chuyên môn; Phòng thí nghiệm ngành Công nghệ Kỹ thuật xây dựng, có 02 CB kỹ sư chuyên trách, phụ trách 03 phòng chuyên môn [H7.07.01.10].

Ngoài ra, Khoa KT&CN có đội ngũ nhân viên hỗ trợ gồm 01 thư ký và 01 trợ lý giáo vụ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm trong công tác, giúp giải quyết kịp thời các vấn đề về giảng dạy, học tập cho GV và người học như: quản lý điểm thi; đăng ký học; xét học bổng, ngừng học, thôi học, cảnh cáo học vụ, xét tốt nghiệp, phát giấy chứng nhận kết quả học tập; quản lý công tác NCKH SV; đánh giá điểm rèn luyện SV, giải đáp thắc mắc của SV,... [H7.07.01.08]. Để đáp ứng phát triển đội ngũ nhân viên, hàng năm các đơn vị cũng như Khoa trình lên Nhà trường về kế hoạch, nhu cầu tuyển dụng đội ngũ nhân viên cho đơn vị trực thuộc trường [H7.07.01.11].

Bên cạnh đó, nhằm đáp ứng mục tiêu đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, Nhà trường đã thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông với đội ngũ nhân viên của Trung tâm có trình độ từ đại học trở lên đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, hỗ trợ và phát triển hệ thống công nghệ thông tin, truyền thông theo xu hướng hiện đại [H7.07.01.11], [H7.07.01.12].

Căn cứ các dự báo về nhu cầu phát triển, bên cạnh việc đảm bảo đủ số lượng, Nhà trường còn chú trọng việc bồi dưỡng, phát triển năng lực công tác cho đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng chức năng trong Trường [H7.07.01.13], [H7.07.01.14]. Kết quả khảo sát chất lượng hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên

định kỳ cho thấy người học hài lòng với sự phục vụ, hỗ trợ của đội ngũ nhân viên của Nhà trường trong công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.12].

## **2. Điểm mạnh**

Hầu hết đội ngũ nhân viên của Trường ĐHQN có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng tốt công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

## **3. Điểm tồn tại**

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ.

Việc lấy YKPH của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Nhà trường rà soát lại đề án vị trí việc làm và trên cơ sở đó thực hiện công tác quy hoạch, bố trí đội ngũ nhân viên hợp lý hơn.

Thường xuyên khảo sát YKPH của các bên liên quan về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên nhằm có những biện pháp cải tiến kịp thời, hiệu quả.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7**

*Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai*

### **1. Mô tả**

Nhà trường và Khoa KT&CN rất chú trọng công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên nhằm đạt được sự hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường xác định rõ ràng, minh bạch thông qua Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức Trường ĐHQN [H7.07.02.01], Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN [H7.07.02.01]. Các ứng viên khi ứng tuyển vào vị trí viên chức hành chính cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học theo quy định. Mặt khác, việc lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm vào các vị trí Trưởng/Phó các đơn vị cũng cần đáp ứng các tiêu

chuẩn cụ thể về trình độ, năng lực và kinh nghiệm công tác,... Các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi trước khi chính thức ban hành và phổ biến trên website của Nhà trường [H7.07.02.02].

Hàng năm, trên cơ sở chiến lược phát triển nhân sự của Nhà trường, xét nhu cầu tuyển dụng đội ngũ nhân viên của các Phòng, Khoa, Viện, Trung tâm [H7.07.02.03], Nhà trường xây dựng và thông báo công khai kế hoạch tuyển dụng đội ngũ này với các chỉ tiêu và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, cụ thể và minh bạch trên trang thông tin điện tử, cũng như bảng tin của Nhà trường/Khoa [H7.07.02.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường thành lập các Hội đồng tuyển dụng viên chức để đảm bảo tính chính xác và khách quan trong quá trình tuyển dụng. Kết quả tuyển dụng được Nhà trường công bố công khai, rõ ràng và minh bạch [H7.07.02.05], [H7.07.02.06].

Các Quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên hàng năm được phổ biến công khai đến các đơn vị trong toàn Trường [H7.07.02.07].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng. Các tiêu chí tuyển dụng nhân viên được quy định cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai. Kế hoạch/Thông báo cũng như kết quả tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc và công khai, minh bạch.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên còn hạn chế. Việc bổ nhiệm nhân viên giữ chức vụ lãnh đạo ở các đơn vị còn ít, chưa được quan tâm.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Nhà trường chú trọng việc thực hiện khảo sát nhu cầu và ý kiến của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên và quan tâm hơn nữa đến công tác bổ nhiệm, luân chuyển nhân viên cho phù hợp với nhu cầu của công việc.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7**

### ***Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá***

#### **1. Mô tả**

Hàng năm, căn cứ Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHQN

và các văn bản hướng dẫn của phòng chức năng về việc đánh giá, xếp loại viên chức, các đơn vị trong Trường tổ chức thực hiện việc đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên trong đơn vị theo quy trình, phương pháp và các tiêu chí đánh giá được xác định rõ ràng, cụ thể [H7.07.03.01], [H7.07.03.02]. Trong mỗi năm học, trên cơ sở nhiệm vụ cụ thể được lãnh đạo đơn vị phân công, việc đánh giá năng lực của nhân viên được Khoa/Phòng thực hiện theo các bước: nhân viên tự đánh giá, đồng nghiệp đánh giá và ban lãnh đạo Khoa/Phòng đánh giá [H7.07.03.03]. Ngoài ra, trong quá trình đánh giá, năng lực của đội ngũ nhân viên còn được đơn vị xem xét thông qua kết quả khảo sát sự hài lòng của GV và SV đối với hoạt động hỗ trợ, phục vụ đào tạo. YKPH của các bên liên quan là cơ sở để các đơn vị và đội ngũ nhân viên có những biện pháp cải tiến thiết thực, nâng cao hiệu quả công tác nhằm phục vụ các yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng tốt hơn [H7.07.03.04]. Kết quả đánh giá viên chức các đơn vị được Hội đồng xét thi đua khen thưởng cấp trường tổ chức họp bình xét và thông qua [H7.07.03.05].

Hiện nay Khoa KT&CN có 06 cán bộ phụ trách 16 phòng thí nghiệm - thực hành và 02 cán bộ hỗ trợ: 01 thư ký và 01 trợ lý, đều có trình độ từ đại học trở lên theo đúng chuyên môn. Trong 5 năm qua, đội ngũ nhân viên của Khoa KT&CN hàng năm đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, trong đó có nhân viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, gương mặt trẻ tiêu biểu và được nâng lương trước thời hạn. Các kết quả này là sự ghi nhận, khen thưởng của Khoa và Nhà trường đối với những đóng góp và thành tích của đội ngũ nhân viên hỗ trợ trong việc hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ được giao [H7.07.03.06].

## **2. Điểm mạnh**

Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên của Trường nói chung và của Khoa KT&CN nói riêng được thực hiện thường xuyên hàng năm.

Các tiêu chuẩn đánh giá được quy định cụ thể. Kết quả đánh giá đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

## **3. Điểm tồn tại**

Tuy hàng năm Nhà trường có đánh giá, xếp loại viên chức, có xét tặng các danh hiệu thi đua nghiêm túc nhưng vẫn chưa phát huy hết năng lực của đội ngũ nhân viên.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực của

viên chức chi tiết hơn để công tác đánh giá, xét thi đua khen thưởng đạt kết quả cao hơn, phù hợp với từng đối tượng, đồng thời có tác dụng động viên, khuyến khích đội ngũ này hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

***Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó***

### **1. Mô tả**

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là hoạt động rất quan trọng trong duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ CB, GV và nhân viên. Vì vậy công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ được Nhà trường và Khoa xác định và có kế hoạch thực hiện nghiêm túc. Thông qua việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức hành chính của các đơn vị, Nhà trường triển khai các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu của đội ngũ nhân viên [H7.07.04.01], [H7.07.04.02].

Trong 5 năm qua, các viên chức của Nhà trường nói chung, của Khoa KT&CN nói riêng thường xuyên được Nhà trường và Khoa cử tham gia các đợt học tập, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ ngay tại trường hoặc tại các tỉnh/thành phố khác như: Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh [H7.07.04.03].

Giai đoạn 2014 - 2019, Nhà trường có phân bổ ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên [H7.07.04.04], có các cơ chế khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho nhân viên được đi học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H7.07.04.05]. Điều này góp phần thúc đẩy đội ngũ nhân viên có động lực học tập nâng cao các kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ để hoàn thành tốt/xuất sắc nhiệm vụ được giao, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

### **2. Điểm mạnh**

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên các đơn vị trong trường được xác định.

Nhà trường có triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng

chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.

### **3. Điểm tồn tại**

Tuy Nhà trường đã tổ chức nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên nhưng các hoạt động này chưa phong phú và thường xuyên.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa KT&CN xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên của Khoa và đề nghị Nhà trường thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác đào tạo và NCKH của Khoa và của Trường.

### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

***Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

#### **1. Mô tả**

Chất lượng, hiệu quả công việc của đội ngũ nhân sự nói chung, của viên chức hành chính nói riêng đóng vai trò rất quan trọng đối với CLĐT và sự phát triển của Nhà trường. Nhằm đảm bảo và góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác của đội ngũ viên chức, Nhà trường có *Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHQN*, trong đó xác định các nguyên tắc bình xét thi đua, khen thưởng; nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức cá nhân trong công tác này cũng như các tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn riêng đối với từng Danh hiệu thi đua của cá nhân như: Danh hiệu Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc,... [H7.07.05.01].

Hàng năm, dựa trên khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên đã được xác định và phân công phù hợp, Trưởng các đơn vị Phòng/Khoa chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc cụ thể của từng nhân viên theo kế hoạch công tác [H7.07.05.02]. Trên cơ sở đó, hàng tháng Khoa tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện công tác và báo cáo Nhà trường bằng văn bản hoặc qua các cuộc họp giao ban [H7.07.05.03].

Bên cạnh đó, cuối mỗi năm học, căn cứ các Quy định về công tác thi đua, khen thưởng; các văn bản hướng dẫn, triển khai việc bình xét các danh hiệu thi, khen thưởng của Nhà trường, mỗi nhân viên thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện

nhiệm vụ của mình, sau đó Khoa tổ chức họp lấy ý kiến đánh giá của đồng nghiệp và của cấp trên đối với từng viên chức; thống nhất kết quả đánh giá và bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng đối với từng cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao [H7.07.05.04], [H7.07.05.05]. Kết quả này được Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Trường họp xét duyệt và thông qua [H7.07.05.06].

Ngoài việc công nhận và khen thưởng, Nhà trường còn có quy định về việc xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với các nhân viên đạt được các danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ nhân viên phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H7.07.05.07].

Nhằm đạt được sự đồng thuận và thống nhất của đội ngũ viên chức trong Nhà trường về các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác. Trước khi ban hành các văn bản quy định chính thức, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý của toàn thể viên chức trong toàn trường cho bản Dự thảo quy định do Phòng chức năng soạn thảo dựa trên các văn bản quy định của cấp trên hoặc tiếp thu ý kiến của các cán bộ viên chức về công tác thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn trong quá trình thực hiện thông qua các Hội nghị CB, công chức, viên chức hàng năm hoặc các kiến nghị từ Công đoàn/Ban Thanh tra Nhân dân để có những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp [H7.07.05.08], [H7.07.05.09].

## **2. Điểm mạnh**

Công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng và công khai, góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên chưa dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với từng vị trí việc làm nên việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên chưa thực sự hiệu quả.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 – 2020, Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc theo từng vị trí việc làm (KPIs) để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 3/7**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 7**

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHQN và của Khoa KT&CN đảm bảo về chất và lượng và được tuyển dụng đúng quy trình của Nhà trường, được công bố công khai. Trường ĐHQN và Khoa KT&CN có cơ chế tạo điều kiện và khuyến khích đội ngũ nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng và nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa KT&CN hiện nay đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Khoa và Trường. Trong năm học tới, Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc theo từng vị trí việc làm để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa KT&CN đánh giá tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí, trong đó có 2 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 2 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 1 tiêu chí đạt mức 3/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

### **Mở đầu**

Trong những năm học qua, Khoa KT&CN đã xây dựng một chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển công khai, hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học một cách minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện một cách kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh đẹp, tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao CLĐT nói chung.

### ***Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật***

#### **1. Mô tả**

Trong những năm gần đây, ngành Kỹ thuật điện được tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.01]. Hàng năm, hình thức, chỉ tiêu, quy trình xét tuyển và các thông tin liên quan được xác định và ghi trong đề án tuyển sinh, thông báo tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.02], [H8.08.01.03], [H8.08.01.04]; công bố trên website của Nhà trường, niêm yết tại bảng tin; giới thiệu cho học sinh trong các buổi tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh Bình Định do Nhà trường tổ chức [H8.08.01.05], [H8.08.01.06]. Các thông tin tuyển sinh được cập nhật thường xuyên và công bố rộng



rãi trên công thông tin tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.07], [H8.08.01.08].

Ngoài ra, Nhà trường còn phối hợp với các đơn vị như Báo tuổi trẻ tổ chức Chương trình Ngày hội tuyển sinh ngay tại Trường ĐHQN [H8.08.01.09], [H8.08.01.10]. Trường ĐHQN thực hiện tuyển sinh ngành Kỹ thuật điện theo 2 phương thức xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia và xét tuyển theo học bạ THPT [H8.08.01.02]. Ngoài ra, các thông tin tuyển sinh còn được giới thiệu đến các thí sinh qua Sổ tay tuyển sinh, tờ rơi tuyển sinh của Khoa, Trường [H8.08.01.11], [H8.08.01.12].

Phương thức đầu tiên xét tuyển căn cứ theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia của thí sinh theo tổ hợp môn xét tuyển, và số lượng SV cho chương trình này sẽ được ban hành hàng năm. Trong khi đó, phương thức thứ hai căn cứ vào điểm trung bình chung 3 môn học trong tổ hợp môn xét tuyển năm lớp 12 lớn hơn hoặc bằng 6,0 (theo thang điểm 10). Tổ hợp môn xét tuyển vào ngành Kỹ thuật điện là A00 và A01, đến kỳ tuyển sinh năm 2018 được bổ sung thêm tổ hợp môn D07 [H8.08.01.02] như được mô tả trong bảng 8.1.1.

*Bảng 8.1.1. Các tổ hợp môn xét tuyển vào ngành Kỹ thuật điện*

STT	Tổ hợp môn	Môn 1	Môn 2	Môn 3
1	A00	Toán	Lý	Hóa
2	A01	Toán	Lý	Anh
3	D07	Toán	Hóa	Anh

Học sinh đạt giải trong các cuộc thi quốc gia hoặc quốc tế của các môn học gồm Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Anh văn, Tin học và Ngữ văn được xét tuyển thẳng vào Trường mà không cần xét kết quả kỳ thi THPT Quốc Gia hoặc kết quả xét học bạ THPT [H8.08.01.13], [H8.08.01.14]. Hơn nữa, Trường ĐHQN có chính sách quan trọng để khuyến khích các thí sinh đạt điểm cao trong đợt xét tuyển hàng năm, cụ thể là các thí sinh sẽ nhận được học bổng và vinh danh từ Trường ĐHQN tại các buổi lễ Khai giảng năm học mới hàng năm [H8.08.01.15]. Các SV có điểm đầu vào cao nhất ngành Kỹ thuật điện cũng được khen thưởng và vinh danh tại Chương trình Chào tân SV của Khoa KT&CN tổ chức hàng năm [H8.08.01.16].

Nhà trường tổ chức họp lấy ý kiến các bên liên quan về chính sách tuyển sinh hàng năm, có sự góp ý của GV ở cuộc họp cấp khoa và của Hội đồng tuyển sinh

trường [H8.08.01.17]. Chính sách tuyển sinh hàng năm được cập nhật dựa trên các thông tin dự báo về nguồn nhân lực của từng ngành, theo từng thời điểm cụ thể. Theo đó, nhu cầu về nhân lực ngành Kỹ thuật điện là ổn định và có xu hướng tăng trong thời gian tới với các chính sách của Chính phủ về xây dựng và phát triển các nguồn năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió. Bên cạnh đó, địa bàn Nam trung bộ, đặc biệt là tỉnh Bình Định, có lợi thế lớn trong phát triển các nguồn năng lượng trên với sự xuất hiện của một số dự án lớn như Dự án điện mặt trời đầm Trà Ổ, Bình Định, Nhà máy điện mặt trời và điện gió Fujiwara Bình Định,... đòi hỏi nguồn nhân lực lớn về kỹ thuật điện [H8.08.01.18].

Với chính sách tuyển sinh như trên, trong 5 năm qua, Trường ĐHQN đã có số lượng thí sinh được tuyển và số lượng SV theo học ngành Kỹ thuật điện như thống kê ở bảng 8.1.2 [H8.08.01.19], [H8.08.01.20], [H8.08.01.21]:

*Bảng 8.1.2. Tình hình tuyển sinh của ngành Kỹ thuật điện trong 5 năm qua*

Năm học	Ứng viên		
	Số lượng nộp đơn dự tuyển (người)	Số lượng trúng tuyển (người)	Số lượng nhập học thực tế (người)
2013 – 2014	212	202	191
2014 – 2015	252	241	231
2015 – 2016	320	284	188
2016 – 2017	280	198	143
2017 – 2018	277	186	114

## 2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của Trường ĐHQN nói chung và của ngành Kỹ thuật điện mang tính lượng hóa (quy định về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh) giúp cho Nhà trường có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, đánh giá năng lực từ cao xuống thấp; chính sách tuyển sinh còn được công khai và cập nhật thường xuyên từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực ở SV ngay từ năm thứ nhất.

## 3. Điểm tồn tại

Số lượng sinh viên nhập học chưa đạt so với chỉ tiêu tuyển sinh của Khoa hàng năm. Số lượng thí sinh nhập học hàng năm gần đây giảm do sự thay đổi trong cơ chế

tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, cũng như xu hướng học sinh giảm đăng ký tuyển sinh đại học mà tham gia vào các Trường đào tạo nghề.

Hình ảnh và thông tin về ngành học, về đơn vị đào tạo chưa được hấp dẫn và chi tiết.

Chưa có các hình thức quảng bá để thu hút được những thí sinh giỏi, có năng lực và sự đam mê về ngành Kỹ thuật điện vào học.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 – 2020, Khoa sẽ bổ sung thêm các bài viết, hình ảnh hoạt động của Khoa, các tổ chức đoàn thể, các CLB học thuật trên trang web của khoa, trang mạng xã hội của khoa. Đồng thời sẽ thực hiện một Video clip giới thiệu về các ngành đào tạo, các kết quả NCKH của SV, cơ hội việc làm của SV sau khi tốt nghiệp,... để quảng bá rộng rãi đến các em học sinh THPT trên địa bàn tỉnh Bình Định và các tỉnh thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

Khoa thực hiện kết nối với Fanpage của các Trường THPT trên địa bàn tỉnh Bình Định và các tỉnh thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên để cung cấp các thông tin trực tiếp về các ngành đào tạo, CSVC, cơ hội việc làm,... và các thông tin tuyển sinh liên quan của Khoa và Trường.

#### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

***Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá***

##### **1. Mô tả**

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Khoa và Nhà trường xác định và ghi rõ trong CTĐT, chính sách tuyển sinh, có tổ chức thi và xét tuyển. Cụ thể là từ năm học 2014 – 2015 về trước, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh theo hình thức cũ, ngành Kỹ thuật điện tuyển thí sinh dự thi khối A và A1; thí sinh được tuyển dựa vào kết quả kỳ thi chung do Bộ GD&ĐT tổ chức [H8.08.02.01], từ năm học 2015 - 2016, công tác tuyển sinh của Khoa thực hiện theo chính sách tuyển sinh mới của Bộ GD&ĐT, từ tuyển sinh theo hình thức ba chung của Bộ GD&ĐT sang hình thức tổ chức kỳ thi quốc gia, xét tuyển dựa theo kết quả thi THPT quốc gia [H8.08.02.02]. Tiêu chí và phương thức tuyển chọn được Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường ĐHQN đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh, bổ sung kịp thời theo từng năm [H8.08.02.02].

Chỉ tiêu tuyển sinh của Trường ĐHQN được Bộ GD&ĐT quy định dựa theo năng lực của Nhà trường tại thời điểm tuyển sinh, trung bình khoảng 4.500 chỉ tiêu cho tất cả các ngành đào tạo trình độ đại học, trong đó chỉ tiêu tuyển sinh của ngành Kỹ thuật điện là khoảng 200 SV mỗi năm [H8.08.02.03], như mô tả trong Bảng 8.2. Số lượng SV nhập học ngành Kỹ thuật điện thay đổi theo hàng năm do phụ thuộc vào chất lượng SV đầu vào và các vấn đề khác.

Nhà trường đã ban hành quy trình xây dựng tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học dựa trên ý kiến các bên liên quan [H8.08.02.04], [H8.08.02.05]. Trong đó, Nhà trường tiến hành thống kê và phân loại thông tin của thí sinh nộp hồ sơ vào Trường và các thí sinh trúng tuyển như thuộc địa phương, đối tượng ưu tiên, khối ngành học nào,... để rà soát, đánh giá và có sự điều chỉnh hàng năm về tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học [H8.08.02.04].

Chính sách và kế hoạch tuyển sinh hàng năm được xây dựng dựa trên việc khảo sát và phân tích nhu cầu nhân lực thông qua các chính sách, chủ trương phát triển kinh tế của Chính phủ liên quan đến ngành điện, đặc biệt là trong lĩnh vực năng lượng tái tạo. Ngoài ra, việc nắm bắt nguyện vọng của học sinh thông qua các đợt tư vấn tuyển sinh cũng là một kênh thông tin quan trọng để Nhà trường xây dựng chính sách và kế hoạch tuyển sinh cho phù hợp. Có nhiều phương pháp tuyển chọn người học được Nhà trường sử dụng như dựa trên xét điểm thi THPT quốc gia, học bạ THPT, hoặc xét tuyển thẳng học sinh có giải thưởng từ các cuộc thi quốc gia/quốc tế. Ngoài ra Nhà Trường còn có quy định rõ ràng về ưu tiên xét tuyển, trong đó các thí sinh đoạt giải trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia,... tùy theo thành tích sẽ được cộng điểm vào tổng điểm 3 môn xét tuyển [H8.08.02.02]. Đối với thủ tục tuyển sinh, thí sinh có thể gửi hồ sơ qua bưu điện, hoặc nộp trực tiếp tại Trường ĐHQN.

Chương trình tư vấn tuyển sinh trực tiếp được thực hiện thông qua các đoàn đi tư vấn tuyển sinh của Nhà trường tới các Trường THPT trên địa bàn tỉnh Bình Định và các tỉnh lân cận như Phú Yên, Gia Lai, Khánh Hòa, Đắk Lắk,... [H8.08.02.06]. Bên cạnh đó, chương trình Ngày hội tư vấn tuyển sinh được tổ chức tại Trường ĐHQN với sự tham gia đông đảo các học sinh từ khắp các địa bàn trên tỉnh Bình Định tham dự [H8.08.02.07]. Thông qua các chương trình này, Khoa KT&CN đã tổ chức gian hàng trưng bày các sản phẩm thiết kế kỹ thuật của các SV ngành Kỹ thuật điện nhằm giúp

các thí sinh hiểu rõ hơn về CTĐT [H8.08.02.08]. Với phương pháp tuyển sinh đã triển khai, chương trình ngành Kỹ thuật điện của Khoa KT&CN, Trường ĐHQN đã thu được kết quả tuyển sinh tương đối ổn định trong nhiều năm qua [H8.08.02.09], thể hiện trong bảng 8.2.

*Bảng 8.2. Thống kê số lượng SV ngành Kỹ thuật điện*

Năm học	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
Số lượng SV	191	231	188	143	114

Việc lấy YKPH của các bên liên quan đến tiêu chí nguồn nhân lực được Khoa thực hiện qua phiếu khảo sát đối với các doanh nghiệp sử dụng lao động và đối tác của Khoa [H8.08.02.10].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được rà soát, đánh giá hàng năm. Nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về tiêu chí tuyển chọn đầu vào qua phiếu khảo sát doanh nghiệp sử dụng lao động.

## **3. Điểm tồn tại**

Số thí sinh được công nhận trúng tuyển và số thí sinh đăng ký nhập học không khớp với nhau, tỷ lệ thí sinh đăng ký nhập học thấp;

Chất lượng đầu vào thấp dẫn đến kết quả học tập chưa cao.

Nhà trường chưa ban hành văn bản quy định về quy trình xây dựng tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa sẽ tiến hành đẩy mạnh công tác quảng bá tuyển sinh bằng nhiều hình thức, qua nhiều kênh thông tin khác nhau, xác định mục tiêu ưu tiên là các đối tượng học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định và các tỉnh lân cận.

Kết hợp với Nhà trường đưa ra các hình thức thu hút các SV có điểm đầu vào cao nhập học như tặng học bổng, có chính sách ưu tiên phù hợp cho đối tượng này.

Từ năm học 2019 - 2020, Nhà trường ban hành văn bản quy định về quy trình xây dựng tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7**

### ***Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học***

#### **1. Mô tả**

Ngành Kỹ thuật điện cùng với các ngành khác của Trường ĐHQN bắt đầu chuyển qua hình thức đào tạo tín chỉ từ năm 2010, trong hình thức đào tạo này người học phải hoàn thành 160 tín chỉ (các khóa từ năm 2010 đến 2014) và 150 tín chỉ (các khóa từ năm 2015 đến nay) trong 4,5 năm [H8.08.03.01], [H8.08.03.02], [H8.08.03.03]. Kết quả học tập cuối cùng của một học phần trong chương trình học được đánh giá theo 3 loại thang điểm là thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ. Hình thức đào tạo tín chỉ là hình thức đào tạo tiên tiến và để phát huy được lợi ích của hình thức đào tạo này. Hàng năm, Nhà trường đều có quyết định phân công giảng viên của khoa làm CVHT nhằm giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV [H8.08.03.04]. Thường xuyên đánh giá kết quả học tập và tư vấn khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ kịp thời để SV có thể điều chỉnh việc học của mình. Hệ thống giám sát cấp Trường và Khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập được ghi cụ thể, chi tiết trong từng môn học, trong CTĐT của Khoa và quy chế học sinh, SV do Trường ĐHQN ban hành [H8.08.03.05] và các nhóm theo từng khóa học được lập thông qua trang mạng xã hội.

Về công tác NCKH, Nhà trường luôn dành ra một khoản kinh phí theo quy định để đầu tư cho công tác NCKH của SV [H8.08.03.06], đây là một thuận lợi rất lớn đối với SV toàn trường cũng như SV của ngành Kỹ thuật điện.

Theo thiết kế của CTĐT, khối lượng học tập mỗi học kỳ đối với ngành Kỹ thuật điện không vượt quá 21 tín chỉ [H8.08.03.03]. Khối lượng này là vừa đủ để người có học lực trung bình có đủ thời gian để theo học trên lớp và thời gian để tự học theo yêu cầu của học chế tín chỉ. Ngoài ra, các học phần cũng được phân bổ đều giờ học suốt 15 tuần của học kỳ giúp người học có đủ thời gian để nắm bắt và theo được nội dung học phần, từ đó hoàn thành chương trình học đúng thời hạn. Trường ĐHQN xây dựng hệ thống website, phần mềm quản lý đào tạo phục vụ cho công tác đào tạo theo học chế tín chỉ của nhà trường [H8.08.03.07].

Cuối mỗi kỳ, Nhà trường xét kết quả học tập của SV và cảnh báo cho những SV có kết quả học tập kém để SV có kế hoạch học tập cải thiện điểm. Đồng thời, Nhà trường thông báo cho phụ huynh của SV biết để theo dõi, giám sát việc học tập của

con em mình và cùng với Nhà trường nhắc nhở các em chú tâm hơn trong học tập. Bên cạnh đó, Khoa cũng yêu cầu CVHT gọi điện trực tiếp cho phụ huynh các SV có kết quả học tập kém để gia đình quan tâm, giám sát hơn nữa tình hình học tập của SV.

Trường ĐHQN cũng chú trọng đến quy trình giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học qua đội ngũ cố vấn học tập [H8.08.03.04]. Bên cạnh đó, Khoa cũng nắm bắt tiến độ của người học thông qua hệ thống website, phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường. Ngoài ra, nhằm theo dõi kỹ hơn về sự tiến bộ của người học, Nhà trường cũng tiến hành thu thập cơ sở dữ liệu cần thiết liên quan đến người học bao gồm kết quả học tập, kết quả rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học của người học nhằm theo dõi sự tiến bộ của người học [H8.08.03.08].

Định kỳ mỗi tháng, Nhà trường tổ chức các buổi sinh hoạt lớp [H8.08.03.09] để CVHT của khoa nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, quá trình học tập của SV. Qua đó phối hợp với Ban chủ nhiệm khoa để có hướng điều chỉnh và hỗ trợ SV tốt nhất. Đồng thời SV cũng có cơ hội để gặp mặt lãnh đạo của Nhà trường [H8.08.03.10], đây là một kênh chính thức để Nhà trường tiếp nhận các YKPH của người học. Thông qua hoạt động trên, SV được bày tỏ nguyện vọng và giải đáp các thắc mắc của mình.

Nhờ thực hiện tốt công tác hỗ trợ SV mà hàng năm tỷ lệ SV của khoa được khen thưởng, nhận học bổng từ Nhà trường luôn ở mức cao [H8.08.03.11], [H8.08.03.12], đây cũng là phần thưởng cũng vừa là động lực để thúc đẩy SV của khoa phấn đấu ngày một tốt hơn.

## **2. Điểm mạnh**

Đội ngũ CVHT chuyên trách của Nhà trường nói chung và của Khoa KT&CN nói riêng là những người có nhiệt huyết và kinh nghiệm trong công tác của mình, luôn sẵn sàng hỗ trợ và tư vấn kịp thời cho người học khi cần thiết. Có hệ thống giám sát quá trình học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

## **3. Điểm tồn tại**

CTĐT được phân bố hợp lý nhưng nội dung trong từng học phần còn nặng tính lý thuyết, mang tính hàn lâm nên người có học lực trung bình hoàn thành khóa học đúng thời hạn khó khăn.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa yêu cầu Bộ môn Kỹ thuật điện rà soát lại đề

cương các học phần, điều chỉnh việc phân bổ các môn học, điều tra và đánh giá nguyên nhân khiến cho SV hoàn thành khóa học chưa đúng hạn; để đảm bảo người học đạt mục tiêu mang tính ứng dụng và hoàn thành khóa học đúng hạn mà không phải quá khó khăn.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

***Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học***

### **1. Mô tả**

Người học được tư vấn, hỗ trợ kịp thời và có hiệu quả trong suốt quá trình học tập, sinh hoạt ngoại khóa. Việc tư vấn, hỗ trợ người học được Nhà trường chú trọng và triển khai đồng bộ, huy động nguồn lực từ các đơn vị chức năng, khoa quản lý SV đến đội ngũ CVHT, các tổ chức đoàn thể như Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, các CLB học thuật, kỹ năng,... Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho cố vấn học tập chịu trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ học tập cho người học, phối hợp với các bộ phận liên quan nhằm tăng cường công tác quản lý, hỗ trợ và tư vấn cho SV trong quá trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H8.08.04.01], [H8.08.04.02].

Với SV mới nhập học để giúp các em có thể sớm hòa nhập với môi trường học tập trong trường đại học thì Nhà trường đã phổ biến nội quy, quy chế [H8.08.04.03], [H8.08.04.04], hướng dẫn tư vấn phương pháp học tập cho SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm học.

Đối với những SV khóa mới, sau một tháng học tập, Lãnh đạo Khoa chỉ đạo Liên chi đoàn, Liên chi hội khoa tổ chức cuộc gặp mặt SV khóa mới để giới thiệu về lịch sử phát triển, cơ cấu tổ chức, đội ngũ GV, chương trình đào tạo, phương thức đào tạo, định hướng học tập trong trường đại học và một số lưu ý trong quá trình học. Trong chương trình gặp mặt tân SV của khoa, luôn có mặt đại diện Lãnh đạo khoa, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo để giải đáp, tư vấn cho SV [H8.08.04.05].

CVHT khuyến khích, tạo điều kiện và tư vấn cho SV tham gia các hoạt động học thuật, rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, tiếp cận doanh nghiệp thông qua đơn vị chức năng của Nhà trường [H8.08.04.06]. Trong hoạt động NCKH, làm khóa luận tốt nghiệp, sau khi SV đăng ký đề tài, Lãnh đạo khoa phân công GV tư vấn, hướng dẫn SV thực hiện đề tài nghiên cứu, ĐATN, hướng dẫn SV viết đề cương



nghiên cứu, cách thu thập dữ liệu từ thực tế, cách viết báo cáo [H8.08.04.07]. Trong các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng, CVHT tư vấn và hướng dẫn cho những SV gặp khó khăn trong việc lựa chọn và đăng ký học phần, đổi học phần, tạm dừng học tập, bảo lưu kết quả học tập hoặc thôi học, quá hạn thời gian đào tạo. Sau mỗi học kỳ, CVHT nhận từ trợ lý đào tạo của khoa danh sách những SV có kết quả chưa đạt yêu cầu để tư vấn và hỗ trợ riêng cho những SV này trong các buổi sinh hoạt lớp [H8.08.04.08].

Ngoài ra, Nhà trường thực hiện việc khen thưởng, cấp học bổng, hỗ trợ đối với người học có thành tích học tập, NCKH và đoạt giải thi Olympic theo đúng quy định khen thưởng với mục đích khuyến khích SV nâng cao hơn nữa kết quả học tập, rèn luyện của mình [H8.08.04.09].

SV được tham gia các hoạt động ngoại khóa lành mạnh như chương trình các cuộc thi tìm hiểu kiến thức về an toàn giao thông, SV 2016, cuộc thi khởi nghiệp; các chương trình văn nghệ gây quỹ ủng hộ SV nghèo vượt khó của LCH như chương trình “Lễ hội hóa trang Halloween”, “Đêm nhạc Tình hồng” nhằm gây quỹ ủng hộ SV nghèo vượt khó của LCH [H8.08.04.10]. Ngoài ra, các CLB trực thuộc LCH [H8.08.04.11] cũng đã tổ chức rất nhiều hoạt động ý nghĩa, bổ ích giúp phát triển các kỹ năng thiết kế chuyên ngành, kỹ năng phỏng vấn, kỹ năng hoạt động CLB cho SV trong khoa như “Robot dò đường”, “Thiết kế Banner” “Led design”, các buổi tập huấn kỹ năng viết CV và phỏng vấn xin việc [H8.08.04.12]. Duy trì tổ chức các hoạt động tình nguyện như chương trình “Tiếng gọi biển đảo” 4 năm liên tiếp tại xã đảo Nhơn Châu, chương trình “Thanh niên về nguồn” năm 2017 tại xã Cát Tiến – Phù Cát – Bình Định, chương trình “Vì Lý Sơn không rác” tại huyện đảo Lý Sơn – Quảng Ngãi, chương trình “Ngọn lửa vùng cao” 2 năm liên tiếp tại xã Kon Gang – Đăk Đoa và xã Zun – Chư Sê – Gia Lai,... [H8.08.04.13]. Hàng năm, SV của khoa luôn tích cực tham gia hiến máu tình nguyện do Đoàn trường tổ chức [H8.08.04.14]. Để tăng cường khả năng có việc làm của người học, Nhà trường và Khoa thường xuyên tổ chức ngày hội việc làm, khóa học ngắn hạn, kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp việc làm [H8.08.04.15]. Nhà trường và Khoa chủ động ký thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức tuyển dụng việc làm thường xuyên cho SV [H8.08.04.16].

Trong quá trình học tập, SV được Khoa cung cấp thông tin đầy đủ về các mẫu báo cáo thực tập thực tế, khóa luận tốt nghiệp, tư vấn cho SV lựa chọn hướng chuyên ngành: Hệ thống điện, tự động hóa, thiết bị điện (trước khi SV đăng ký chuyên ngành,

đại diện lãnh đạo Bộ môn của Khoa, CVHT gặp gỡ trực tiếp và tư vấn cho SV). Khi SV đi thực tập, thực tế, Lãnh đạo Khoa và Trưởng bộ môn phân công CB, GV của bộ môn liên lạc và đưa SV đi thực tập, thực tế tại các cơ sở GV hướng dẫn SV đi thực tập, thực tế là những CB có kinh nghiệm thực hành, quản lý SV và mối quan hệ thân tình với các cơ sở tiếp nhận SV đến thực tập [H8.08.04.17], [H8.08.04.18], [H8.08.04.19].

Hàng năm, Nhà trường có tổ chức lấy YKPH của SV về hoạt động liên quan đến tư vấn và hỗ trợ người học về giảng dạy [H8.08.04.20] để thực hiện cho phù hợp. Bên cạnh đó, thông qua các buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt CLB Đoàn, Hội, các ý kiến phản hồi của người học cũng được CVHT, cán bộ Đoàn, Hội tiếp nhận và chuyển đến Lãnh đạo đơn vị, Nhà trường qua các cuộc họp giao ban hàng tháng của đơn vị và Nhà trường.

Ngoài ra, Khoa còn chủ động thực hiện khảo sát việc làm của SV ngành Kỹ thuật điện sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.21], từ đó thực hiện việc hỗ trợ việc làm cho SV đạt hiệu quả cao nhất.

## **2. Điểm mạnh**

Có đầy đủ thông tin về lịch sử phát triển của Nhà trường, của Khoa; Kịp thời tháo gỡ những khó khăn liên quan đến lựa chọn học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập, thực tế.

Tiếp cận và sử dụng một cách hiệu quả sự trợ giúp của cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, NCKH, ban chấp hành liên chi đoàn, liên chi hội, GV.

Nhà trường, Khoa, ngành đã có nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ SV tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập giúp SV nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường.

## **3. Điểm tồn tại**

Sự tham gia của các SV vào các hoạt động NCKH SV là không nhiều. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến người học về học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ SV khác chưa được thực hiện liên tục.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Nhà trường, Khoa tiếp tục phối hợp với đội ngũ CVHT tiếp tục duy trì, khuyến khích hoạt động NCKH trong SV; lấy YKPH của SV về các hoạt động liên tục hơn.

Tiếp tục tổ chức các hoạt động rèn luyện, nâng cao kỹ năng của SV bao gồm các

kỹ năng mềm (giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm) và các kỹ năng cứng (lập trình, thiết kế phần cứng) thông qua các hoạt động của CLB và của Đoàn, Hội.

Tiếp tục tổ chức các chương trình giao lưu, định hướng nghề nghiệp với các đối tác, đơn vị sử dụng lao động nhằm cung cấp kịp thời các thông tin về nghề nghiệp, xu hướng phát triển ngành nghề trong thời đại công nghiệp 4.0.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

### ***Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học***

#### **1. Mô tả**

Hiện nay, khuôn viên của Trường được phân rõ thành bốn khu vực: một khu vực gồm các dãy giảng đường dành cho đào tạo, thực hành, thí nghiệm; một khu vực dành cho các phòng làm việc của GV, khối hành chính; một khu vực gồm các dãy KTX; một khu thư viện. Trường có không gian thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, có vườn hoa, tượng đài, ghế đá, khu tập luyện thể thao gồm sân bóng đá mini, sân bóng chuyên, bóng rổ, cầu lông, tennis, nhà tập luyện bóng bàn có công năng sử dụng cho luyện tập thể dục thể thao, hội trường lớn. Kiến trúc của nhà trường được công bố rộng rãi trên Website của trường cũng như trên các tấm pano, áp phích trong trường để SV thuận tiện đến phòng học và các phòng chức năng [H8.08.05.01]. Tại các dãy giảng đường đều có sơ đồ để SV và học viên thuận tiện trong việc học tín chỉ [H8.08.05.02].

Trong những năm qua, Nhà trường đầu tư xây dựng mới, sửa chữa nhiều giảng đường, hội trường, nhà luyện tập thể dục thể thao, mua sắm nhiều trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người học. Thư viện không ngừng mở rộng diện tích sử dụng, trang bị sách, tài liệu phục vụ người học [H8.08.05.03].

Nhà trường hiện có 6 khu KTX với sức chứa hơn 3.000 chỗ ở cho SV được trang bị Wi-Fi, cung cấp nước máy, đảm bảo tốt công tác an ninh an toàn cho người học. Các loại hình dịch vụ như giữ xe, nhà ăn, căn tin, quầy văn phòng phẩm, photocopy được Nhà trường tổ chức đấu thầu với giá cả hợp lý, chất lượng phục vụ tốt. Các khu nhà chức năng được bố trí phù hợp, tiện cho SV trong học tập và sinh hoạt [H8.08.05.01].

Nhà trường có quy định văn hóa công sở trong đó nhấn mạnh đến văn hóa ứng xử trong Nhà trường [H8.08.05.04], ban hành các nội quy giảng đường, nội quy phòng

thí nghiệm, nội quy Thư viện và nội quy KTX [H8.08.05.05]. Trong tiến trình xây dựng Trường trở thành trường đại học định hướng ứng dụng, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường nhấn mạnh đến triết lý khai phóng trong giáo dục, tạo động lực mới và sự thoải mái trong tư tưởng của toàn thể CB, GV và SV.

Khoa và Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, an toàn giao thông và nhiều cuộc thi bổ ích khác để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho SV, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng SV trong trường [H8.08.05.06]. Các cuộc thi này được tổ chức tại Hội trường A, Hội trường B với sức chứa khoảng 500 người và nhà thi đấu thể thao, sân bóng ngoài trời [H8.08.05.01]. Khoa KT&CN nằm ở tầng 10 nhà 15 tầng, khuôn viên xung quanh Khoa rất đẹp, tạo sự thuận tiện cho người học đến liên hệ công việc. Ban chấp hành liên chi đoàn, Ban thư ký Hội SV có thể họp tại nhà A7, GV có thể hẹn gặp một nhóm SV ở phòng làm việc A7 để trao đổi, thảo luận, sửa bài.

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, Nhà trường duy trì tổ chức hoạt động khám sức khỏe cho SV mới nhập học hàng năm, tổ chức chương trình tư vấn, chia sẻ kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho nữ SV [H8.08.05.07]. Công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm tại các Căn tin và Trung tâm phục vụ SV của Nhà trường cũng được thường xuyên quan tâm [H8.08.05.08].

Ngoài ra, công tác phòng chống cháy nổ trong Nhà trường cũng được thực sự quan tâm. Hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy tại các giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, các phòng làm việc, KTX ... được trang bị đầy đủ, được lực lượng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy kiểm tra định kỳ [H8.08.05.09]. Lực lượng bảo vệ Nhà trường là thành viên đội phòng cháy chữa cháy, kịp thời xử lý khi có tình huống cháy xảy ra [H8.08.05.10], [H8.08.05.11].

Nhà trường thực hiện lấy YKPH của các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong nhà trường thông qua các hoạt động phối hợp với công an địa phương về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, phối hợp kiểm tra công tác SV nội trú, ngoại trú [H8.08.05.12]; tổ chức các Hội nghị giao ban công tác quản lý SV nội trú, ngoại trú [H8.08.05.13] nhằm nắm bắt tâm lý, hiện trạng xã hội tại nơi cư trú của SV, tạo môi trường học tập, làm việc thuận lợi, thoải mái người học.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có CSVC đầy đủ và hiện đại, đáp ứng tốt nhất nhu cầu học tập, sinh hoạt và rèn luyện của người học.

Trong môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch và đẹp, SV ngành Kỹ thuật điện được phát triển đầy đủ cả về thể chất và tinh thần, phát huy tính chủ động trong học tập và NCKH. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan cho SV luôn được Khoa KT&CN và Nhà trường quan tâm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo và NCKH.

## **3. Điểm tồn tại**

Không gian làm việc của Khoa còn chật hẹp, Khoa KT&CN và cũng như các Khoa khác chỉ có một phòng làm việc dẫn đến những khó khăn và bất tiện trong việc gặp gỡ SV, học viên sau đại học.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Nhà trường tiến hành bố trí thêm các phòng làm việc để các GV có môi trường làm việc thuận lợi, nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV. Nhà trường thực hiện định kỳ lấy ý kiến người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 8**

Trong những năm qua, chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học được khoa KT&CN xác định là một trong những khâu then chốt trong hoạt động đào tạo của Khoa. Chính sách tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn người học được công bố công khai, cập nhật thường xuyên và thực hiện đúng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Từ khi nhập học đến khi kết thúc quá trình học tập, người học luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn gặp phải, hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện đã được xây dựng và công bố công khai, khối lượng học tập được phân bổ đồng đều giữa các năm giúp người học không bị quá tải ở một học kỳ. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh Trường đẹp đã phát huy sự sáng tạo và tạo sự thoải mái trong tâm trí của người học.

Tuy nhiên, đứng trước sự thay đổi về phương thức tuyển sinh, số lượng thí sinh thi và đăng ký xét tuyển vào học ở Trường và Khoa giảm; Khoa chưa có nhiều chiến lược hành động để thu hút được nhiều học sinh khá, giỏi vào học tại khoa. Trước sự

gia tăng số lượng SV thuộc diện cảnh báo, buộc thôi học, Khoa cũng chưa có những giải pháp mang tính đồng bộ để giải quyết vấn đề này. Trong năm học tới, Khoa cần có những chiến lược phát huy hơn nữa thành tích đã đạt được trong tiêu chuẩn 8 và các giải pháp mang tính đồng bộ giải quyết những vấn đề còn tồn đọng, chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học được nâng cao, góp phần vào sự lớn mạnh của Khoa KT&CN.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa KT&CN đánh giá tiêu chuẩn 8 có 5 tiêu chí, trong đó có 4 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 1 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

### **Mở đầu**

Trường ĐHQN là một cơ sở GDĐH có hệ thống CSVC và các trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của Nhà trường nói chung và ngành Kỹ thuật điện nói riêng. Trong những năm gần đây, nhằm góp phần nâng cao CLĐT, Nhà trường đã tập trung đầu tư cải tạo, sửa chữa các khu làm việc, giảng đường, thí nghiệm, thực hành với hệ thống CNTT và các trang thiết bị phù hợp cho hoạt động đào tạo và NCKH của ngành Kỹ thuật điện. Trung tâm Thông tin tư liệu có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, các báo và tạp chí cần thiết; cảnh quan môi trường được xây dựng xanh - sạch - đẹp, đảm bảo về sức khỏe và trật tự, an ninh, an toàn cho CB, GV, SV, học viên.

Nhà trường đã và đang triển khai công tác quy hoạch mặt bằng tổng thể và các khu chức năng, trên cơ sở đó tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, nhà luyện tập thể dục, thể thao... với các trang thiết bị theo hướng ngày càng hiện đại; hoàn thiện các quy định về quản lý nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng.

***Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

### **1. Mô tả**

Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo theo quy định hiện hành. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị, bao gồm bàn ghế, tủ hồ sơ, máy tính, máy in, hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn... phù hợp

để hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Nhà trường bố trí 01 phòng lớn cho Ban Chủ nhiệm khoa và Văn phòng khoa tại nhà 15 tầng [H9.09.01.01]. Ngoài việc sử dụng Văn phòng khoa, các bộ môn của Khoa KT&CN còn được bố trí các phòng làm việc tại các phòng thực hành ở nhà A7 [H9.09.01.02]. Phòng làm việc của các bộ môn có diện tích khoảng 30m<sup>2</sup>, Văn phòng khoa có diện tích khoảng 100m<sup>2</sup> được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, có kết nối mạng Internet, mạng WiFi, ... phù hợp với định mức của Nhà trường [H9.09.01.03], [H9.09.01.04]. Hệ thống máy tính tại văn phòng Khoa được cài đặt các phần mềm quản lý hoạt động đào tạo như đăng ký tín chỉ, quản lý thi học phần... [H9.09.01.05].

Nhà trường hiện có 144 phòng học từ 30 chỗ ngồi đến trên 200 chỗ ngồi [H9.09.01.06], đủ để đáp ứng các hoạt động đào tạo của Khoa KT&CN. Các phòng học lớn, nhỏ và phòng thực hành, phòng NCKH được bố trí hợp lý [H9.09.01.02], [H9.09.01.07]; được trang bị đầy đủ bảng, bàn ghế, quạt, máy chiếu, thiết bị âm thanh, hệ thống chiếu sáng, hệ thống WiFi [H9.09.01.04], [H9.09.01.08].

Phòng hội thảo khoa học bao gồm 3 phòng ở nhà 15 tầng, 01 phòng nhà 4 tầng, 3 hội trường lớn, được trang bị đầy đủ CSVC và hệ thống WiFi [H9.09.01.04]. Phòng đọc phục vụ NCKH tại Trung tâm Thông tin tư liệu có 700 chỗ ngồi, với hệ thống máy tính được kết nối internet, kết nối hệ thống học liệu quốc gia, quốc tế, đáp ứng được nhu cầu khai thác tài liệu của CB, GV, SV và học viên [H9.09.01.04], [H9.09.01.09].

Hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính, đều có sổ theo dõi tần suất sử dụng [H9.09.01.10]. Các bộ phận chức năng của Nhà trường thường xuyên tiến hành khảo sát YKPH của CB, GV, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng làm việc, phòng học, giảng đường và các trang thiết bị [H9.09.01.11], [H9.09.01.12], [H9.09.01.13]. Thông qua đó, Nhà trường dành ngân sách đầu tư CSVC và trang thiết bị, Khoa KT&CN cùng với Nhà trường xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị, nâng cấp hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính [H9.09.01.14], [H9.09.01.15], [H9.09.01.16].

Nhìn chung, CB, GV, nhân viên và người học của Khoa KT&CN hài lòng với CSVC phục vụ hoạt động giảng dạy, nghiên cứu [H9.09.01.13], [H9.09.01.14], [H9.09.01.15].

## **2. Điểm mạnh**

Số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng và các trang thiết bị luôn được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đã đáp ứng tốt các hoạt động đào tạo, NCKH,... của Trường và Khoa KT&CN.

Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý đào tạo, quản lý thiết bị để quản lý và khai thác có hiệu quả các phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng.

### **3. Điểm tồn tại**

Việc quản lý và khai thác các phòng làm việc, phòng chức năng chưa thực sự hiệu quả.

Một số ít phòng học ở giảng đường A2, A5 chưa đáp ứng được tiêu chuẩn của phòng học hiện đại.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa KT&CN sẽ áp dụng biện pháp quản lý và khai thác hiệu quả các phòng làm việc, phòng chức năng để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của CB, GV và người học. Bố trí các phòng tự học nhiều hơn để đáp ứng tốt nhu cầu học tập của SV.

Nhà trường nâng cấp các phòng học chưa đủ tiêu chuẩn, bố trí linh hoạt các phòng tự học cho SV tại các giảng đường, tạo điều kiện thuận lợi cho SV học tập, nghiên cứu.

### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

***Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

#### **1. Mô tả**

Với mục tiêu lấy người học làm trung tâm, ngay từ những ngày đầu mới đào tạo ngành Kỹ thuật điện, Nhà trường đã rất chú trọng đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống thư viện nhằm cung cấp sách báo, tài liệu phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu, phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo trong học tập của người học. Trung tâm Thông tin tư liệu là đơn vị tổ chức và quản lý các hoạt động thông tin - thư viện, phục vụ công tác đào tạo, NCKH của cán bộ, GV và SV, học viên trong trường. Trung tâm Thông tin tư liệu có tổng diện tích sàn xây dựng là 3.339 m<sup>2</sup>, bao gồm tòa nhà Thư viện trung tâm 3 tầng và dãy nhà trệt nằm liền kề. Trung tâm có 1 phòng giáo trình, 2 phòng đọc mở, 1 phòng mượn, 1 phòng seminar toán học, 2 phòng truy cập Internet với 60 máy tính được nối mạng tốc độ cao, 1 phòng đọc thân thiện, 7 phòng tự học



[H9.09.02.01], [H9.09.02.02], [H9.09.02.03]. Tất cả các phòng đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động, bao gồm chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính, thiết bị, phần mềm tra cứu [H9.09.02.04]. Trung tâm Thông tin tư liệu có nội quy, quy định, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng; Trung tâm mở cửa từ 7h00 sáng đến 17h00 chiều, tạo điều kiện thuận lợi cho GV và người học khai thác tài liệu phục vụ việc học tập và nghiên cứu [H9.09.02.05].

Trung tâm Thông tin tư liệu cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trong những năm gần đây, nguồn học liệu của Trung tâm không ngừng được bổ sung và đa dạng hóa. Hiện tại, Trung tâm đang phục vụ gần 30.000 đầu sách (gồm sách Việt văn và Ngoại văn), hơn 2.500 luận văn, luận án, đồ án các loại, gần 100 đầu báo và tạp chí trong nước và nước ngoài [H9.09.02.02]. Khoảng 15% nguồn tài liệu nói trên phục vụ trực tiếp và đáp ứng đầy đủ những yêu cầu cơ bản cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành Kỹ thuật điện [H9.09.02.03].

Hàng năm, vào đầu năm học, Trung tâm trực tiếp giới thiệu và hướng dẫn SV cách sử dụng thư viện [H9.09.02.04]. Các văn bản như nội quy, quy định, giới thiệu sách mới, hướng dẫn tra cứu, hướng dẫn khai thác cơ sở dữ liệu trực tuyến... đều được thông báo công khai trên website của Trung tâm (<http://lib.qnu.edu.vn/thu-vien>) [H9.09.02.04], [H9.09.02.05], [H9.09.02.06].

Để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành Kỹ thuật điện, hàng năm Khoa KT&CN xác định danh mục tài liệu bổ sung cho từng môn học, từng chuyên ngành đào tạo, đề nghị Trung tâm mua và cập nhật [H9.09.02.07]. Nhờ đó nguồn tài liệu, tạp chí,... của Trung tâm luôn luôn được đổi mới đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV và SV. Trung tâm Thông tin tư liệu đã hợp tác với Trung tâm học liệu trường Đại học Cần Thơ về quyền khai thác các cơ sở dữ liệu điện tử, tham gia hệ thống Liên hiệp thư viện Việt Nam, mua dùng chung 3 cơ sở dữ liệu: Cơ sở dữ liệu Proquest Central, Cơ sở dữ liệu STD (Tài liệu KH & CN Việt Nam), Cơ sở dữ liệu KQNC (Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu). Ngoài ra, Trung tâm cũng được quyền khai thác Cơ sở dữ liệu MathSciNet (do American Mathematical Society phát hành), mua quyền khai thác tài liệu tại Thư viện pháp luật trực tuyến [H9.09.02.06].

Theo YKPH của CB, GV, người học về mức độ đáp ứng của thư viện và các nguồn học liệu dành cho ngành Kỹ thuật điện, đa số các chuyên ngành đào tạo của

ngành đều có đủ nguồn tài liệu để phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu [H9.09.02.03], [H9.09.02.08]. Số lượt bạn đọc đến tham khảo và khai thác thông tin là khoảng 90.000 lượt CB và SV vào năm học 2013 - 2014, 2014 - 2015, 2015 - 2016, 2016 - 2017, 2017 - 2018 [H9.09.02.09]. Điều này càng chứng tỏ mức độ phong phú nguồn tài liệu của thư viện. Trong những đợt sinh hoạt chính trị đầu năm học mới, Trung tâm thường xuyên tổ chức trao đổi, lấy ý kiến mức độ hài lòng của bạn đọc. Kết quả cho thấy trên 90% số lượng bạn đọc đánh giá thư viện có đủ không gian cho học tập và tra cứu tài liệu, đáp ứng đủ tài liệu,... [H9.09.02.10].

## **2. Điểm mạnh**

Trung tâm Thông tin tư liệu của Nhà trường có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú, được bổ sung, cập nhật hàng năm để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường và Khoa.

## **3. Điểm tồn tại**

Cách quản lý của Trung tâm Thông tin tư liệu chưa được hiện đại hóa.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa đề nghị Nhà trường triển khai dự án xây dựng thư viện điện tử, phát triển kho tài nguyên số.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7**

*Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu*

### **1. Mô tả**

Ngành Kỹ thuật điện hiện có 7 phòng thí nghiệm cấp bộ môn và 1 phòng thực hành máy tính với tổng diện tích là 500m<sup>2</sup> [H9.09.03.01], [H9.09.03.02]. Các phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị các thiết bị hiện đại phục vụ cho việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu gắn liền với thực tế thiết kế và bố trí khoa học, có sơ đồ hệ thống đáp ứng được các tiêu chuẩn về phòng thí nghiệm, thực hành [H9.09.03.03], [H9.09.03.04], [H9.09.03.05]. Đặc biệt, năm 2018 ngành Kỹ thuật điện được thụ hưởng dự án Hệ thống Lưới điện thông minh và tính toán mô phỏng với số tiền lên tới 30 tỷ đồng từ Bộ GD&ĐT [H9.09.03.06], giúp SV ngành Kỹ thuật điện hình thành các kỹ năng thực hành, kỹ năng sử dụng thiết bị hiện đại đáp ứng được yêu cầu của các đơn vị sử dụng lao động, đồng thời nâng cao năng lực nghiên cứu của GV.

Nhà trường luôn quan tâm đến hiệu quả công tác quản lý, sử dụng các phòng thí

nghiệm và trang thiết bị nhằm phục vụ tốt nhất công tác học tập, giảng dạy và NCKH. Tại các phòng thí nghiệm, thực hành luôn có các sổ theo dõi tần suất sử dụng [H9.09.03.07], tất cả thiết bị thí nghiệm, thực hành được quản lý bằng phần mềm chuyên dụng [H9.09.03.08]. Khoa KT&CN đã tổ chức biên soạn các quy định quản lý các phòng thí nghiệm, thực hành; tài liệu hướng dẫn quy trình thí nghiệm, thực hành [H9.09.03.09], [H9.09.03.10], [H9.09.03.11]. Định kỳ, Phòng CSVC và Khoa KT&CN tiến hành kiểm kê, rà soát chất lượng và bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị thí nghiệm, thực hành [H9.09.03.12], [H9.09.03.13].

Hàng năm, Khoa xây dựng kế hoạch mua mới, bổ sung và nâng cấp nhằm thay thế các trang thiết bị đã hỏng, hết hạn sử dụng [H9.09.03.14], [H9.09.03.15], [H9.09.03.16]. Nhà trường bố trí một khoản kinh phí khá lớn để sửa chữa, đầu tư, nâng cấp các phòng thí nghiệm và thực hành cho phù hợp với nhiệm vụ, kế hoạch, quy mô đào tạo [H9.09.03.17], [H9.09.03.18], [H9.09.03.19], [H9.09.03.20].

Định kỳ, Nhà trường và các bộ môn của Khoa tiến hành khảo sát YKPH của CB, GV, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thí nghiệm, phòng thực hành và các trang thiết bị. GV và SV đều đánh giá đáp ứng tốt và rất tốt với tỷ lệ trên 70% [H9.09.03.21], [H9.09.03.22]. Khoa KT&CN được toàn thể CB, CNV và SV đánh giá là đơn vị có hệ thống phòng thí nghiệm, phòng thực hành đầy đủ, hiện đại và đáp ứng tốt nhu cầu học tập và NCKH của GV và người học.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã quan tâm đầu tư, nâng cấp các phòng thí nghiệm, thực hành với các trang thiết bị mới, hiện đại, đáp ứng tốt các hoạt động đào tạo và NCKH.

Nhà trường và Khoa đã ban hành các quy định về quản lý và sử dụng tài sản công và hướng dẫn quy trình khai thác, sử dụng trang thiết bị thí nghiệm, thực hành đảm bảo an toàn và hiệu quả.

## **3. Điểm tồn tại**

Vẫn còn một số thiết bị cũ chưa được bổ sung và thay thế kịp thời.

Công tác duy tu, bảo dưỡng thiết bị đôi lúc chưa được kịp thời.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa sẽ rà soát, đánh giá toàn bộ các thiết bị thí nghiệm, thực hành, xây dựng kế hoạch đề xuất Nhà trường thay thế các thiết bị đã cũ.

Nhà trường thành lập Tổ bảo trì, sửa chữa để đảm bảo công việc bảo dưỡng, sửa

chữa thường xuyên các thiết bị phục vụ giảng dạy và NCKH.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

***Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

### **1. Mô tả**

Hệ thống CNTT của Nhà trường đã được tập trung đầu tư và có khả năng đáp ứng khá tốt nhu cầu giảng dạy, đào tạo và NCKH của Khoa cũng như Nhà trường [H9.09.04.01], [H9.09.04.02]. Về hạ tầng mạng, Nhà trường hiện sử dụng 2 đường cáp quang tốc độ cao (FTTH) để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng Lab, nhà làm việc, hội trường [H9.09.04.03] và phủ sóng WiFi toàn trường [H9.09.04.04]; 01 đường truyền kênh riêng cho các máy chủ để cung cấp các dịch vụ như website [H9.09.04.05], Trung tâm Thông tin tư liệu hay các dịch vụ tiện ích khác phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH [H9.09.04.06].

Trường hiện có 14 phòng máy tính với 715 máy tại nhà A7 và nhà 4 tầng để phục vụ hoạt động thực hành tin học đại cương và tin học chuyên ngành cho nhiều ngành khác nhau, đảm bảo 100% SV có máy tính để thực hành; 02 phòng máy tính với 60 máy tại Trung tâm Thông tin tư liệu đáp ứng yêu cầu khai thác tư liệu của SV [H9.09.04.07], [H9.09.04.08]. Ngoài ra, các phòng học đều có máy chiếu, micro, loa để phục vụ công tác giảng dạy [H9.09.04.09]. Trường đã trang bị 308 máy tính tại các phòng ban và các khoa [H9.09.04.08]. Nhà trường sử dụng các phần mềm máy tính có bản quyền để phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy và NCKH như phần mềm kế toán Misa, phần mềm diệt vi-rút BKAV, phần mềm quản lý đào tạo,... [H9.09.04.01], [H9.09.04.10]. Toàn bộ các công nghệ thông tin, hệ thống email công vụ, các phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên, đồng thời có hệ thống an ninh mạng tốt để đảm bảo hoạt động thông suốt của Nhà trường cũng như Khoa KT&CN [H9.09.04.11]. Đồng thời quá trình sử dụng các thiết bị CNTT đều được ghi chép trong các sổ theo dõi [H9.09.04.12], [H9.09.04.13], [H9.09.04.14]. Các bộ phận chuyên trách thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế kịp thời, đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động hiệu quả.

Thực hiện kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng CNTT, Nhà trường đã tăng cường đầu tư về hạ tầng CNTT. Từ năm học 2017 - 2018, Nhà trường đã hợp đồng với Công ty PSC nâng cấp và hoàn thiện website của Trường, Khoa; hoàn thiện và đưa vào sử

dụng các phần mềm quản lý đào tạo, tính thù lao giảng dạy (PMS), quản trị nhân sự (HRM), khảo sát ý kiến (eSurvey), quản lý tạp chí (JMS), dạy học trực tuyến (eLearning), quản lý tài sản [H9.09.04.09], [H9.09.04.15], [H9.09.04.16], [H9.09.04.17].

Toàn thể CB, GV, nhân viên của Nhà trường đều được trang bị email công vụ [H9.09.04.18]; được hỗ trợ kỹ thuật về kỹ thuật CNTT; Nhà trường đã thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông có trách nhiệm duy trì hoạt động website của Nhà trường, là đầu mối tiếp nhận và xử lý các vấn đề kỹ thuật về đường truyền, mạng máy tính. Trung tâm đã bố trí chuyên viên phụ trách hệ thống mạng, phụ trách hệ thống máy tính, phụ trách phần mềm với trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt giúp hệ thống hoạt động ngày càng hiệu quả [H9.09.04.11].

Hàng năm Nhà trường, Khoa tổ chức lấy YKPH của CB, GV, SV về hệ thống máy tính, phần mềm, website và các trang thiết bị tin học. Kết quả khảo sát cho thấy CB, GV, người học hài lòng với hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường [H9.09.04.19], [H9.09.04.20].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường tăng cường đầu tư hiện đại hóa hạ tầng cho CNTT, hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Toàn trường đã được phủ sóng WiFi, tạo điều kiện rất thuận lợi cho CB, GV, SV trong việc cập nhật, chia sẻ thông tin.

## **3. Điểm tồn tại**

Máy tính tại một vài phòng làm việc đã được sử dụng nhiều năm, cấu hình thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu làm việc của CB, GV.

Nhà trường đã triển khai đề án dạy học trực tuyến nhưng chưa hoàn thành.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, đề nghị Nhà trường tiếp tục triển khai đề án dạy học trực tuyến, nâng cấp chất lượng truy cập WiFi ở một số khu vực còn yếu.

Tiếp tục rà soát, bổ sung, nâng cấp và thay thế số máy tính cấu hình thấp.

Khoa KT&CN vận dụng các biện pháp nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống CNTT trong công tác đào tạo và NCKH.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 6/7**

## ***Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật***

### **1. Mô tả**

Trường ĐHQN là một cơ sở giáo dục có môi trường xanh - sạch - đẹp và an toàn. Nhà trường đã ban hành các quy định về an ninh, trật tự, an toàn; về bảo vệ môi trường, rèn luyện sức khỏe; về phòng cháy, chữa cháy; về vệ sinh an toàn thực phẩm... [H9.09.05.01]. Tất cả các khu nhà làm việc, giảng đường, thí nghiệm, thực hành, thể dục thể thao, KTX, nhà ăn, căn tin... đều có công khai các bảng nội quy, quy định [H9.09.05.02]. Bên cạnh đó Khoa KT&CN cũng ban hành văn bản quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn trong thực hành thí nghiệm, thực hành [H9.09.05.03]. Những văn bản quy định của Nhà trường và Khoa phù hợp với các quy định của Chính phủ và các bộ ngành liên quan [H9.09.05.04].

Với 13.000 SV, 1.000 học viên sau đại học, 750 CB, GV, có thể nói Trường ĐHQN là nơi tập trung đông người của thành phố Quy Nhơn, vì thế Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm. Nhà trường đã phối hợp với cảnh sát phòng cháy, chữa cháy tỉnh Bình Định tổ chức tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ [H9.09.05.05], [H9.09.05.06]. Thực hiện đề án môi trường chi tiết, trong khuôn viên của Nhà trường, hệ thống cây xanh, thảm cỏ được trồng và chăm sóc tỉ mỉ, tạo không gian thoáng mát cho CB, GV và người học. Hệ thống nước thải sinh hoạt và các khu thí nghiệm đều được xử lý trước khi thải ra môi trường.

Hàng năm, Trạm y tế phối hợp với các bệnh viện, định kỳ khám sức khỏe cho CB, GV và SV. Đặc biệt, những SV khuyết tật được Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện ở KTX tầng 1, được khám sức khỏe theo nhu cầu. Trạm y tế thường xuyên kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tại nhà ăn SV, căn tin, phun thuốc diệt muỗi, phòng chống mối... [H9.09.05.07].

Lực lượng bảo vệ đủ để đảm trách công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Trường, có trách nhiệm trực bảo vệ 24/24 giờ trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Hàng năm, lực lượng này đều được tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Trong các dịp nghỉ lễ, nghỉ Tết, Nhà trường đều có thông báo kế hoạch bảo vệ, trực chỉ huy, trực lãnh đạo đến các đơn vị và CB, GV. Nhà trường đã phối hợp tốt với Công an Phường Nguyễn Văn Cừ và các phường lân cận trong công

tác bảo đảm an ninh, trật tự; giải quyết kịp thời những sự vụ, góp phần giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực Trường [H9.09.05.08], [H9.09.05.09].

Nhà trường tiến hành khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi của CB, GV và SV về chất lượng môi trường, về an toàn, an ninh, trật tự; trên cơ sở đó, tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp và vận dụng những biện pháp quản lý mới nhằm gìn giữ và phát triển môi trường thiên nhiên và môi trường văn hóa trong nhà trường [H9.09.05.10], [H9.09.05.11].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường rất quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB và SV; khuôn viên Nhà trường luôn xanh - sạch - đẹp, tạo môi trường tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Định kỳ Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, GV và SV, phun thuốc diệt côn trùng.

## **3. Điểm tồn tại**

Đã có chính sách quan tâm đến người khuyết tật nhưng còn hạn chế.

Hiện tượng vi phạm nội quy trong KTX vẫn còn xảy ra. Một số SV vẫn chưa mua bảo hiểm y tế.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Nhà trường đầu tư sửa chữa, nâng cấp KTX, có biện pháp đổi mới cách quản lý KTX, tạo điều kiện tốt nhất về nơi ăn ở cho SV.

Triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 9**

Khoa KT&CN có đầy đủ CSVC và trang thiết bị đáp ứng tốt cho nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của ngành Kỹ thuật điện. Phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng được đầu tư, sửa chữa và nâng cấp; phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị các thiết bị hiện đại; Trung tâm Thông tin tư liệu của Nhà trường có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo; Hệ thống CNTT hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH. Nhà trường có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi cho CB, GV và SV rèn luyện sức khỏe. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất

cho CB, GV và SV làm việc và học tập, nghiên cứu.

Công tác quản lý, khai thác sử dụng CSVC và các trang thiết bị của Nhà trường và Khoa vẫn còn một số hạn chế. Từ năm học 2019 - 2020, Nhà trường và Khoa sẽ khắc phục triệt để, nhằm nâng cao CLĐT, phát huy thế mạnh của ngành Kỹ thuật điện.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa KT&CN đánh giá tiêu chuẩn 9 có 5 tiêu chí, trong đó có 1 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 3 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 1 tiêu chí đạt 6/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

### **Mở đầu**

Tầm nhìn của Trường ĐHQN được xác định đến năm 2030 sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế. Do vậy, Nhà trường rất chú trọng việc nâng cao chất lượng ở các ngành đào tạo. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (GV, người học, cựu SV, nhà quản lý, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển CTDH đến việc ĐBCL trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

***Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học***

### **1. Mô tả**

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện được thiết kế và liên tục cập nhật, điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu xã hội. Theo Quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN, CTĐT ngành Kỹ thuật điện được định kỳ điều chỉnh 2 năm/lần. Từ năm 2015 đến năm 2018 Nhà trường đã tiến hành 2 lần cập nhật, điều chỉnh CTĐT ngành Kỹ thuật điện [H10.10.01.01]. Quá trình điều chỉnh CTĐT đều được thực hiện dựa trên các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học [H10.10.01.02].

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan bao gồm nhà sử dụng lao



động, GV, chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học, các Viện nghiên cứu, cán bộ quản lý, cựu SV và SV đang học tập tại trường, được Khoa sử dụng trong quá trình thiết kế và điều chỉnh CTĐT trình độ đại học ngành Kỹ thuật điện. Trên cơ sở *Kế hoạch Đảm bảo chất lượng giáo dục* hàng năm, Nhà trường tiến hành các loại khảo sát, xác định đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin và báo cáo kết quả khảo sát [H10.10.01.03]. Việc thu thập YKPH của các bên liên quan gồm: nhà tuyển dụng, GV, chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học, các Viện nghiên cứu, cán bộ quản lý, cựu SV và SV được triển khai thực hiện một cách hệ thống với nhiều hình thức khác nhau như: Khảo sát trực tuyến, gửi phiếu khảo sát; phỏng vấn trực tiếp hoặc gián tiếp qua điện thoại; tổ chức hội thảo,... theo quy định của Nhà trường, cụ thể:

Đối với SV đang học, hàng năm Nhà trường tiến hành khảo sát YKPH của tất cả SV về hoạt động giảng dạy học phần của GV [H10.10.01.04] và của sinh viên năm cuối về CTĐT [H10.10.01.05] trên phần mềm khảo sát trực tuyến thông qua tài khoản cá nhân của SV [H10.10.01.06], [H10.10.01.07].

Đối với cựu SV, Khoa xây dựng mạng lưới liên kết cựu SV bằng các công cụ mạng xã hội. YKPH về CTĐT của cựu SV được Khoa thu thập thông qua fanpage và nhóm Facebook cựu SV của Khoa [H10.10.01.08].

Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CTĐT, bên cạnh các ý kiến của các chuyên gia giáo dục, cán bộ quản lý và GV trong các bộ môn [H10.10.01.09], Khoa tiến hành thu thập ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu SV bằng nhiều hình thức: gửi phiếu khảo sát trực tiếp, qua email hoặc phỏng vấn qua điện thoại [H10.10.01.10]; tổ chức các hội thảo về đào tạo gắn với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu xã hội. Trong các hội thảo này, đại diện các cơ sở thực tập - đồng thời là người sử dụng lao động đã, đang sử dụng SV tốt nghiệp của Khoa hoặc tiếp nhận SV đang học của Khoa đến thực tập - đã nêu các ý kiến và trao đổi trực tiếp với lãnh đạo, GV và SV của Khoa về nhu cầu thực tế đối với CTĐT theo chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H10.10.01.11]. Bên cạnh đó, hàng năm, theo quy định của Nhà trường khi kết thúc mỗi đợt thực tập, các cơ sở thực tập đều gửi nhận xét, đánh giá về CTĐT và năng lực SV để Khoa có cơ sở điều chỉnh CTĐT cho phù hợp thực tiễn [H10.10.01.12].

Trên cơ sở các YKPH của SV được Nhà trường tổng hợp và gửi tới các Khoa, kết hợp với các ý kiến trao đổi, góp ý và nhu cầu của các bên liên quan như các chuyên

gia, CB quản lý, GV, cựu SV và nhà truyền dựng, đồng thời tham khảo các chương trình Kỹ thuật điện của các trường đại học tiên tiến trong và ngoài nước, Khoa đã thực hiện việc rà soát và điều chỉnh CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội [H10.10.01.13].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan với hình thức đa dạng, phân công nhiệm vụ rõ ràng.

Khoa duy trì kênh liên lạc thường xuyên với các doanh nghiệp, cơ sở thực tập trong khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên và mạng lưới cựu SV. Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được thực hiện thường xuyên. Thông tin phản hồi được phân loại, xử lý, phân tích với tính khoa học, độ tin cậy cao.

CTĐT ngành Kỹ thuật điện được thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển dựa trên thông tin phản hồi của các bên liên quan và tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học tiên tiến trong và ngoài nước.

## **3. Điểm tồn tại**

Số lượng doanh nghiệp tham gia đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật điện chưa nhiều, phạm vi khảo sát mới chỉ giới hạn ở các doanh nghiệp trong khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên.

Nhà trường chưa có nhiều văn bản kí kết hợp tác với đơn vị tuyển dụng hoặc có tiềm năng tuyển dụng.

## **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2019 - 2020, Nhà trường tiến hành khảo sát các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực kỹ thuật điện, điện tử trong cả nước. Trên cơ sở thông tin khảo sát Nhà trường tiến hành ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác với các đối tác phù hợp.

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa tiếp tục hoàn thiện các kênh thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan thông qua các công cụ trực tuyến như website, email và mạng xã hội.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7**

***Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến***

### **1. Mô tả**

Trên cơ sở YKPH của các bên liên quan, CTĐT trình độ đại học ngành Kỹ thuật

điện định kỳ 2 năm/lần được điều chỉnh và đánh giá tính phù hợp với nhu cầu xã hội. Theo giai đoạn 5 năm gần đây, chương trình Kỹ thuật điện đã được Khoa điều chỉnh, cập nhật vào năm 2015 và 2018 [H10.10.02.01], [H10.10.02.02].

Trong mỗi lần điều chỉnh, Khoa đã thực hiện trình tự các bước theo quy định về quy trình thiết kế và phát triển CTDH của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Nhà trường [H10.10.02.03], [H10.10.02.04]. Trước tiên, Khoa tiến hành khảo sát YKPH của nhà tuyển dụng, GV, chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học, các Viện nghiên cứu, cán bộ quản lý, cựu SV và SV đối với CTĐT hiện hành. Bộ môn nghiên cứu đề xuất dự thảo CTĐT sửa đổi trên cơ sở tổng hợp các YKPH thu thập được và tham khảo CTĐT của các trường đại học tiên tiến trong và ngoài nước như: Đại học Bách Khoa Hà Nội, Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Viện Công nghệ Massachusetts, Đại học Công nghệ Sydney [H10.10.02.05]. Sau đó, Hội đồng Khoa thảo luận để thống nhất bản dự thảo sửa đổi CTĐT. Bước tiếp theo Khoa tổ chức hội thảo lấy ý kiến phản biện của nhà tuyển dụng, GV, chuyên gia cùng chuyên ngành, cựu SV về các nội dung dự kiến chỉnh sửa trước khi thẩm định [H10.10.02.06]. Tiếp theo, Nhà trường lập hội đồng thẩm định nghiệm thu CTĐT sửa đổi, bổ sung và đề cương chi tiết học phần. Hội đồng có nhiệm vụ nhận xét, góp ý và đánh giá CTĐT [H10.10.02.07]. Sau khi thẩm định, Bộ môn tiếp thu ý kiến góp ý của Hội đồng khoa học cấp Trường và chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản để Nhà trường chính thức ban hành CTĐT sau khi điều chỉnh [H10.10.02.08].

Kết quả sau quá trình điều chỉnh, CTĐT Kỹ thuật điện được áp dụng từ năm 2015 đã có những thay đổi trong việc phân bổ các học phần theo kỳ học hợp lý hơn, tăng cường số tín chỉ cho các học phần chuyên ngành và các học phần thực hành, thực tập tại cơ sở. Những học phần không phù hợp đã được lược bỏ khỏi CTĐT. Chương trình được áp dụng từ 2019 cũng có sự điều chỉnh phù hợp hơn với xu thế tăng cường khối kiến thức chuyên ngành, giảm bớt khối kiến thức cơ sở ngành (Bảng 10.2.1). Bên cạnh đó CTĐT được chỉnh sửa năm 2019 đã bổ sung thêm học phần phát triển kỹ năng mềm cho SV, tích hợp các học phần đồ án và cập nhật một số học phần mới theo xu hướng phát triển của công nghệ, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của Việt Nam (Bảng 10.2.2). Đặc biệt, chương trình 2019 đã được xây dựng, điều chỉnh theo phương pháp tiếp cận Conceice - Design - Implement – Operate (CDIO).

Bảng 10.2.1. So sánh số tín chỉ của các học phần trong CTĐT trước và sau khi điều chỉnh

Khối kiến thức	Chương trình áp dụng trước 2015 (đv: tín chỉ)	Chương trình từ 2015 - 2018	Chương trình sau 2019
Kiến thức chung	26	22	22
Kiến thức cơ sở ngành	58	66,5	63,5
Kiến thức chuyên ngành	60	49,5	64,5

Từ năm học 2019 - 2020, Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh và phát triển CTĐT theo mô hình CDIO [H10.10.02.09]. Khoa KT&CN đã ban hành CDR trình độ đại học theo CDIO cho ngành Kỹ thuật điện [H10.10.02.10]. Trên cơ sở CDR của CTĐT, Khoa tiến hành đánh giá việc thực hiện CDR trong việc biên soạn đề cương chi tiết các học phần, giáo trình đáp ứng CDR mới. Hội đồng nghiệm thu có trách nhiệm đánh giá tính cần thiết, chất lượng chuyên môn, sự cân đối giữa nội dung đào tạo, tính hiện đại, mức độ khả thi để có thể đưa vào vận hành trong CTĐT. Trong quá trình thực hiện CTĐT, Nhà trường và Khoa định kỳ tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến của GV và SV về chất lượng CTĐT, tính thiết yếu của các học phần trong chương trình để thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo CLĐT, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của SV và đáp ứng yêu cầu của xã hội [H10.10.02.11].

Bảng 10.2.2. Các học phần được điều chỉnh trong CTĐT

TT	CTĐT năm 2015	Số TC	CTĐT năm 2019	Số TC	Điều chỉnh
1	Kỹ thuật đo lường và cảm biến	3	Kỹ thuật đo lường	2	Giảm số TC
2			Kỹ năng mềm	1	Thêm HP
3	Đồ án Máy điện	1	Đồ án Thiết bị điện	1	Thay đổi tên HP và giảm số TC
	Đồ án Điện tử công suất	1	Đồ án Hệ thống tự động hóa công nghiệp	1	

	Đồ án Mạng và cung cấp điện	1	Đồ án Hệ thống điện	1	
	Đồ án Điều khiển logic	1			
	Đồ án Phân điện nhà máy điện và trạm biến áp	1			
8	Vật liệu điện	2	Kỹ thuật điện lạnh	2	Thay đổi tên HP
9	Lý thuyết điều khiển tự động	3	Lý thuyết điều khiển tự động	2	Giảm số TC
10	Ổn định trong hệ thống điện	2	Quản lý và lập dự toán công trình điện	2	Thay đổi tên HP
11	Giải tích và mô phỏng hệ thống điện	2	Lưới điện thông minh	2	Thay đổi tên HP
12			Thực hành Lưới điện thông minh	0,5	Thêm HP
13	Máy điện trong thiết bị ĐK tự động	2	Tích hợp điện gió, điện mặt trời	3	Thay đổi tên HP và tăng số TC
14			Thực hành Mạng truyền thông công nghiệp và SCADA	0.5	Thêm HP

## 2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập trên cơ sở mục tiêu đào tạo rõ ràng. CTDH thường xuyên được đánh giá bởi các bên liên quan và cải tiến định kỳ 2 năm/lần với quy trình chặt chẽ, thống nhất trong toàn trường. Nhà trường đã áp dụng phương pháp tiếp cận CDIO trong việc thiết kế và phát triển CTĐT.

## 3. Điểm tồn tại

CTDH chưa nhận được nhiều ý kiến đánh giá của các chuyên gia trong lĩnh vực kỹ thuật điện, điện tử

## 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa tăng cường tổ chức các buổi hội thảo mời các

chuyên gia đóng góp ý kiến phản biện để cải tiến CTDH phù hợp với nhu cầu thực tế.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7**

***Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra***

### **1. Mô tả**

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV là một khâu rất quan trọng không thể thiếu trong quá trình đào tạo tại Trường ĐHQN nói chung và đào tạo ngành Kỹ thuật điện nói riêng. Nó là khâu cuối cùng, không chỉ có ý nghĩa đánh giá độ tin cậy kết quả học tập của quá trình dạy và học mà còn có tác dụng điều tiết trở lại hết sức mạnh mẽ đối với quá trình đào tạo. Kết quả kiểm tra, đánh giá không chỉ phản ánh năng lực học tập của SV mà còn phản ánh một phần phương pháp dạy học của GV, bởi vì kiểm tra, đánh giá gắn liền và quan hệ trực tiếp với việc đổi mới phương pháp dạy học của GV và đổi mới phương pháp học tập của SV.

Để đảm bảo đáp ứng mục tiêu đào tạo của Nhà trường và Khoa, quá trình dạy và học thường xuyên được rà soát thông qua các đợt khảo sát YKPH của SV về hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm của GV vào cuối mỗi học kỳ/1 năm học theo Quy định của Nhà trường [H10.10.03.01]. Theo đó, sau khi nhận được Kết quả khảo sát từ Phòng KT&ĐBCL, Trưởng Khoa tổ chức họp trao đổi với GV về các ý kiến đánh giá, góp ý của người học để có những điều chỉnh, cải tiến hoạt động giảng dạy/hướng dẫn thực hành, thí nghiệm phù hợp.

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được Nhà trường quy định rõ trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ và Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHQN [H10.10.03.02]. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: đánh giá chuyên cần, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của GV và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm. Đề cương chi tiết của các học phần thể hiện rõ phương pháp kiểm tra đánh giá cũng như hình thức, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá [H10.10.03.03].

Bên cạnh đó, Kế hoạch kiểm tra, đánh giá được Nhà trường xây dựng và công bố

vào đầu mỗi năm học. Việc quản lý dữ liệu kiểm tra, đánh giá được thực hiện trên phần mềm tín chỉ UIS của trường, qua đó Nhà trường, Khoa, GV và SV đều có thể xem và theo dõi kế hoạch kiểm tra đánh giá theo từng học kỳ, năm học [H10.10.03.04].

Ngoài ra, căn cứ vào kế hoạch đào tạo năm học, Phòng Thanh tra – Pháp chế xây dựng kế hoạch thanh tra năm học nhằm rà soát kiểm tra công tác quản lý chất lượng trong quá trình dạy – học [H10.10.03.05]. Cuối mỗi năm học, Phòng Thanh tra - Pháp chế đều có báo cáo kết quả công tác thanh tra năm học để báo cáo thanh tra Bộ GD&ĐT, Hiệu trưởng và gửi về các đơn vị, phòng ban trong Trường [H10.10.03.06]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn thành lập Ban tổ chức kỳ thi kết thúc học phần từng học kỳ nhằm tổ chức kỳ thi học phần theo đúng quy chế, quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H10.10.03.07]. Và sau khi kết thúc kỳ thi, Ban tổ chức kỳ thi phải báo cáo với Hiệu trưởng, để Hiệu trưởng và các đơn vị phòng ban liên quan trong Nhà trường kịp thời nhận ra những tồn tại, thiếu sót trong kỳ thi nhằm khắc phục trong các kỳ thi tiếp theo [H10.10.03.08]. Về phía Khoa, hoạt động giảng dạy của GV được báo cáo hàng tháng thông qua các cuộc họp của bộ môn. Qua đó, GV cần giải trình nếu việc giảng dạy, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV không đúng theo kế hoạch để Khoa kịp thời điều chỉnh.

Mặt khác, kết thúc mỗi học kỳ, Nhà trường thành lập Hội đồng tiến hành xét kết quả học tập cho sinh viên. Những SV bị cảnh báo 3 lần liên tiếp sẽ bị buộc thôi học. Đối với những SV bị cảnh báo dưới 3 lần Nhà trường, Khoa và CVHT sẽ có những biện pháp điều chỉnh, hỗ trợ kịp thời để giúp sinh viên tiến bộ [H10.10.03.09], [H10.10.03.10]. Ngoài ra, Phòng KT&ĐBCL của Nhà trường hàng kỳ đều phối hợp với Khoa tiến hành lấy YKPH của người học về hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động kiểm tra đánh giá. 100% các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành Kỹ thuật điện đều được lấy ý kiến. Kết quả khảo sát đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được Khoa thông báo đến từng GV để kịp thời điều chỉnh phương pháp giảng dạy cho phù hợp [H10.10.03.11].

Bên cạnh việc đánh giá kết quả học tập, việc đánh giá kết quả rèn luyện của người học cũng được Khoa và Nhà trường thực hiện thường xuyên. Kết thúc mỗi học kỳ, Khoa tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của từng SV, sau đó trình Hội đồng xét kết quả rèn luyện của Trường để thông qua. Kết quả phân loại rèn luyện theo học kỳ

và năm học là một trong những tiêu chuẩn bắt buộc để xét thi đua khen thưởng, học bổng tài trợ ngoài ngân sách, học tiếp hay dừng học... [ H10.10.03.12].

Ngoài ra, hai năm một lần Khoa tổ chức hội thảo về công tác ĐBCL với nội dung bàn về việc đổi mới phương pháp dạy và học, quy trình kiểm tra đánh giá, phương pháp kiểm tra đánh giá và tự đánh giá của SV. Đại diện các bên liên quan gồm doanh nghiệp, cựu SV, SV và các GV bộ môn Kỹ thuật điện đều được mời tham gia hội thảo. Tất cả các ý kiến phản hồi đều được Khoa tiếp thu để xây dựng kế hoạch hành động, cải tiến chất lượng của CTĐT [ H10.10.03.13], [ H10.10.03.14].

## **2. Điểm mạnh**

Quá trình dạy và học các học phần trong CTĐT được rà soát và đánh giá thường xuyên theo từng kỳ học, đảm bảo thực hiện mục tiêu của CTĐT. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá được định kỳ rà soát và điều chỉnh linh hoạt để đảm bảo tính tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT, đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả GV và người học.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc lấy YKPH của các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học chưa được đồng bộ, mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của SV là chủ yếu, chưa có nhiều YKPH từ các nhà tuyển dụng, các chuyên gia giáo dục, các cán bộ quản lý.

Các văn bản quy định việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của nhà trường, Khoa còn chưa đồng bộ, thống nhất.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa tăng cường việc lấy ý kiến của các doanh nghiệp, các chuyên gia giáo dục và các bên liên quan về công tác dạy học, đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT.

Nhà trường và Khoa sẽ tiến hành rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định liên quan đến các hoạt động dạy và học, đánh giá kết quả học tập để đảm bảo tính hệ thống, thống nhất và cập nhật.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**



## ***Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học***

### **1. Mô tả**

Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động NCKH, Nhà trường và Khoa KT&CN luôn coi công tác NCKH là một nhiệm vụ quan trọng cùng với quá trình đổi mới nội dung và phương pháp dạy học. Theo quy định của Nhà trường, NCKH là nhiệm vụ bắt buộc đối với tất cả các viên chức giảng dạy [H10.10.04.01], [H10.10.04.02]. Hoạt động NCKH của GV và SV được triển khai thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: Chủ trì, tham gia đề tài NCKH các cấp, viết bài đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, viết sách tham khảo, hướng dẫn SV NCKH...

Trong giai đoạn từ năm 2014 đến nay các GV của Khoa đã thực hiện khoảng 30 đề tài khoa học các cấp, công bố gần 200 bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước [H10.10.04.03]. Trong các đề tài KHCN cấp trường có nhiều đề tài được Khoa đưa vào ứng dụng trực tiếp trong hoạt động dạy và học của ngành Kỹ thuật điện như Bảng 10.4 [H10.10.04.04].

*Bảng 10.4. Một số đề tài tiêu biểu được ứng dụng trong hoạt động dạy và học*

<b>TT</b>	<b>Tên đề tài</b>	<b>Năm nghiệm thu</b>	<b>Ứng dụng</b>
1	Nghiên cứu triển khai MSM trong thiết kế, điều khiển robot và dây chuyền sản xuất công nghiệp	2015	Các kết quả nghiên cứu được ứng dụng trực tiếp cho SV ngành Kỹ thuật điện trong học phần Đồ án môn học Hệ thống tự động hóa công nghiệp và ĐATN
2	Nghiên cứu ảnh hưởng của nhà máy phát điện chạy bằng sức gió ở Tuy phong - Bình Thuận đến chất lượng điện năng lưới điện được kết nối	2015	Kết quả nghiên cứu được bổ sung vào phần lý thuyết và thực tế của học phần Mạng và cung cấp điện của

			ngành Kỹ thuật điện
3	Ứng dụng phương pháp số để mô phỏng quá trình điện và lực cơ khí ngắn mạch của máy biến áp lõi thép vô định hình	2016	Các bước thực hiện mô phỏng và các kết quả nghiên cứu được bổ sung vào học phần Máy điện, Thiết kế tự động thiết bị điện và Đồ án Điện công nghiệp.
4	Nghiên cứu xây dựng mô hình role quá dòng có hướng bảo vệ lưới điện thông minh trong thời gian thực bằng Matlab/Simulink	2016	Mô hình mô phỏng của nghiên cứu được bổ sung vào nội dung giảng dạy học phần Bảo vệ role trong hệ thống điện
5	Nghiên cứu, triển khai và ứng dụng một số thiết bị trong “Dự án tăng cường năng lực nghiên cứu PTN Kỹ thuật điện” vào thí nghiệm thực hành xây dựng và lắp đặt các bài thí nghiệm Vật liệu điện và cao áp	2016	Xây dựng bài thí nghiệm Kỹ thuật điện cao áp, phục vụ học phần Thí nghiệm Kỹ thuật điện cao áp
6	Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật cho hệ thống phát điện hỗn hợp gió - diesel nối lưới cô lập.	2017	Mô hình mô phỏng của nghiên cứu được sử dụng giảng dạy trong học phần Mạng và cung cấp điện
7	Nâng cao chất lượng dạy học ngành Kỹ thuật điện - điện tử tại Khoa KT&CN, Trường ĐHQN.	2018	Cải tiến việc dạy và học cho SV ngành Kỹ thuật điện. Chính sửa CTĐT ngành Kỹ thuật điện 2018

Công tác NCKH cho SV được thực hiện thường xuyên. Hàng năm, Nhà trường thông báo SV đăng ký đề tài NCKH. Các đề tài NCKH được Khoa xét duyệt, phù hợp với chuyên ngành và đáp ứng các yêu cầu liên quan đến việc dạy và học các học phần chuyên ngành Kỹ thuật điện, trong đó có nhiều đề tài NCKH của SV đạt giải thưởng SV NCKH [H10.10.04.05].

Tổng kết năm học, Nhà trường tổ chức tổng kết kinh nghiệm, phổ biến các kết quả nghiên cứu, đồng thời tuyên dương các cá nhân và tập thể có nhiều thành tích trong hoạt động NCKH [H10.10.04.06]. Khoa cũng tổ chức các buổi seminar để áp dụng kết quả nghiên cứu đề tài NCKH vào cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV ngành Kỹ thuật điện [H10.10.04.07].

## **2. Điểm mạnh**

Khoa đã xây dựng được phong trào NCKH trong toàn thể GV và SV. Đa số GV có nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ NCKH và nắm vững các phương pháp NCKH, tạo điều kiện thuận lợi cho Khoa trong tổ chức và triển khai hoạt động NCKH.

Hầu hết các đề tài NCKH đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và phục vụ cộng đồng. Do vậy, kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học đều được ứng dụng vào việc giảng dạy các học phần lý thuyết cũng như các học phần thực hành, thực tập thực tế của SV.

## **3. Điểm tồn tại**

Trong 5 năm gần đây, các đề tài NCKH của Khoa KT&CN chủ yếu là đề tài cấp Trường với nguồn kinh phí hạn chế. GV trong Khoa chưa có những đề tài lớn (đề tài cấp nhà nước, cấp bộ) với nguồn kinh phí cao để thu hút sự tham gia của đông đảo GV và SV của ngành.

Chất lượng các đề tài còn nhiều mặt hạn chế, chưa có nhiều đề tài phục vụ trực tiếp việc cải tiến việc dạy và học.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa xây dựng kế hoạch thành lập các nhóm nghiên cứu, tập trung các nguồn lực, tìm kiếm các nguồn tài trợ từ Quỹ KH&CN Quốc gia - Nafosted, các doanh nghiệp; tăng cường liên kết với các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu, doanh nghiệp đối tác... để có thể thực hiện các đề tài nghiên cứu nhằm cải tiến việc dạy và học với quy mô lớn, nâng cao chất lượng đề tài.

Khoa tăng cường các đề tài nghiên cứu về các công nghệ mới để ứng dụng cho

việc dạy và học.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7**

***Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến***

### **1. Mô tả**

Xác định công tác thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và cải tiến chất lượng đào tạo của Nhà trường. Giai đoạn 2014 - 2018, Nhà trường xác định rõ nội dung của công tác này trong Kế hoạch ĐBCL giáo dục cấp trường hàng năm và quy định cụ thể trong văn bản *Quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tại Trường Đại học Quy Nhơn* [H10.10.05.01].

Trong đó, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được Nhà trường giám sát, đánh giá thông qua các đợt khảo sát ý kiến của SV năm cuối về chất lượng CTĐT (10 tiêu chí) [H10.10.05.02]. SV sắp tốt nghiệp là người đã trải qua từ 4 - 4,5 năm học tập tại trường nên sự hài lòng và các ý kiến đóng góp của họ là cơ sở thiết thực và quan trọng đối với sự cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường. Kết quả khảo sát SV năm cuối năm học 2017 - 2018 cho thấy: tỷ lệ SV toàn trường *rất hài lòng và hài lòng* về các hoạt động hỗ trợ chiếm tỷ lệ 64,7% và *tạm hài lòng* chiếm 23,1% [H10.10.05.02]. Trong đó, tỷ lệ SV ngành Kỹ thuật điện *rất hài lòng và hài lòng* về các hoạt động hỗ trợ chiếm tỷ lệ 71,9% và *tạm hài lòng* chiếm 14,9% [H10.10.05.03]. Qua kết quả khảo sát sự hài lòng cùng với các ý kiến góp ý khác của SV năm cuối, Nhà trường/Khoa có những biện pháp cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đáp ứng tốt hơn nhu cầu của SV.

Ngoài ra, Nhà trường cũng thực hiện việc khảo sát sự hài lòng của GV và SV các khóa về hoạt động hỗ trợ đào tạo định kỳ trong các đợt tự đánh giá cấp Trường hoặc cấp CTĐT để có được thông tin toàn diện hơn [H10.10.05.04].

Bên cạnh đó, hàng tháng Nhà trường duy trì chế độ sinh hoạt lớp thường xuyên. Trong các buổi sinh hoạt lớp này, các YKPH của SV về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích sẽ được ghi vào biên bản sinh hoạt lớp. Phòng CTSV sẽ tập hợp các YKPH của SV và phản ánh trong các cuộc họp giao ban của Nhà trường [H10.10.05.05].

Nhằm khảo sát, đánh giá tính hiệu quả của phòng thí nghiệm, bên cạnh các ý

kiến phản hồi của GV và SV về CSVC của các phòng thí nghiệm, Khoa còn có sổ theo dõi việc GV giảng dạy thí nghiệm - thực hành [H10.10.05.06]. Trên cơ sở đó, Khoa thường xuyên rà soát và kiến nghị nhà trường đầu tư, cải tiến các trang thiết bị phòng thí nghiệm, giáo trình đáp ứng CTĐT của Khoa. Việc bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị phòng thí nghiệm cũng được Khoa đề xuất với Nhà trường thực hiện định kỳ vào thời gian nghỉ hè trong năm hoặc sửa chữa đột xuất kịp thời khi xảy ra sự cố [H10.10.05.07]. Ngoài ra, các thiết bị phục vụ việc dạy và học được bảo quản, sử dụng, thanh lý và thay thế mới theo quy định của Bộ Tài chính. Hàng năm, Nhà trường thành lập Tổ kiểm kê tài sản cố định đến các đơn vị trong trường để kiểm tra đánh giá chất lượng của trang thiết bị, những thiết bị cũ, hư hỏng nhiều sẽ được thanh lý và thay thế trang thiết bị mới [H10.10.05.08].

Về thư viện, Trường ĐHQN có một Trung tâm thông tin tư liệu với hơn 700 chỗ ngồi (được sắp xếp trong các phòng tự học thoáng đãng, yên tĩnh), 1 kho sách Phòng giáo trình, 1 kho sách Phòng Đọc, 1 kho sách Phòng mượn, 1 kho Báo - Tạp chí, 2 phòng truy cập Internet với 60 máy tính kết nối mạng [H10.10.05.09]. Ngoài ra, Trung tâm còn có các cơ sở dữ liệu điện tử của Trung tâm học liệu - Đại học Cần Thơ; Cơ sở dữ liệu điện tử ProQuest Central, Cơ sở dữ liệu thư viện Pháp luật online và Pháp lý khởi nghiệp [H10.10.05.10]. Để nâng cao chất lượng phục vụ hàng năm Nhà trường đều có tổ chức lấy ý kiến đánh giá, phản hồi của người đọc về các hoạt động của thư viện. Từ đó, Nhà trường có biện pháp cải thiện và nâng cao chất lượng phục vụ của thư viện [H10.10.05.11], [H10.10.05.12].

Về hệ thống CNTT, Nhà trường đã chú trọng xây dựng hệ thống CNTT để quản lý và phục vụ hoạt động dạy và học từ năm 2011. Các văn phòng làm việc của trường đều được trang bị máy tính, máy in cấu hình đồng bộ và kết nối mạng internet tốc độ cao. Các hoạt động tổ chức đào tạo đều được quản lý bằng phần mềm. Năm 2015, Nhà trường đã đầu tư nâng cấp phần mềm Quản trị trường đại học, liên kết sử dụng dữ liệu thống nhất giữa các đơn vị trong trường [H10.10.05.13], [H10.10.05.14].

Nhà trường cũng ký Hợp đồng định kỳ với một số đối tác để cung cấp dịch vụ Internet tốc độ cao cho SV. Mạng WiFi đã được phủ sóng ở tất cả các phòng làm việc, thư viện, giảng đường và KTX. YKPH của người học, GV trong các đợt khảo sát hàng năm sẽ là cơ sở để Nhà trường ký kết Hợp đồng với các công ty cung cấp dịch vụ [H10.10.05.15].

Ngoài việc lấy ý kiến đánh giá của SV về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc học, Khoa KT&CN cũng đánh giá những hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến đời sống của SV [H10.10.05.16]. Những dịch vụ này (như chất lượng phòng ở KTX, hiệu quả của công tác chăm sóc sức khỏe cho SV, của công tác cố vấn học tập) cũng ít nhiều có ảnh hưởng đến chất lượng học tập của SV và cảm nhận hài lòng của SV về môi trường đại học nói chung, về Khoa KT&CN nói riêng [H10.10.05.17].

Kết quả khảo sát cho thấy, GV và người học hài lòng về sự phục vụ của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Người học được tạo điều kiện thuận lợi để sử dụng các trang thiết bị thí nghiệm, thư viện, phòng máy tính... để phục vụ cho các hoạt động học tập [H10.10.05.16].

Các dịch vụ hỗ trợ khác trong Nhà trường như căn tin ký túc xá, quây tập hóa... Nhà trường đều tổ chức đấu giá công khai và rộng rãi qua Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản nhằm đảm bảo giá cả và chất lượng phục vụ cho sinh viên [H10.10.05.18].

## **2. Điểm mạnh**

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho người học được đánh giá thường xuyên theo kế hoạch. Việc đánh giá được thực hiện dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan thông qua các cuộc họp, hội nghị, phiếu khảo sát. Trên cơ sở các ý kiến đánh giá Nhà trường đã tiến hành các biện pháp để cải tiến, nâng cao chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho hoạt động dạy và học.

## **3. Điểm tồn tại**

Tốc độ truy cập mạng WiFi tại các giảng đường còn chậm.

Việc cải tiến chất lượng một số dịch vụ hỗ trợ người học như máy chiếu, quạt... còn chậm.

Nguồn học liệu phục vụ học tập và giảng dạy ngành Kỹ thuật điện chưa thật sự phong phú và bắt kịp đặc thù sự phát triển của ngành kỹ thuật.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019-2020, Nhà trường tiến hành rà soát hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ người học. Khoa thực hiện thường xuyên các dịch vụ hỗ trợ người học tại các phòng thí nghiệm - thực hành, phòng thực hành máy tính: mở cửa các ngày trong tuần các phòng thí nghiệm - thực hành của Khoa cho SV vào học tập nghiên cứu.

Khoa đề xuất Nhà trường mua bổ sung học liệu chuyên ngành Kỹ thuật điện.

Nhà trường phối hợp với các đơn vị cung cấp dịch vụ Internet cải thiện tốc độ

truy cập Wifi tại các giảng đường.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7**

### ***Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến***

#### **1. Mô tả**

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác ĐBCL đối với sự phát triển của Nhà trường, từ năm 2009 Nhà trường đã thành lập Phòng KT&ĐBCL trên cơ sở tách bộ phận Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục ra từ Phòng Đào tạo Đại học và Sau đại học. Phòng KT&ĐBCL có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác KT&ĐBCL giáo dục của Nhà trường. Hiện nay, Phòng là đầu mối xây dựng các quy định về việc lấy YKPH của các bên liên quan về chương trình đào tạo, CĐR; chất lượng hoạt động giảng dạy của GV; hoạt động phục vụ và hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên; tình hình việc làm của SV tốt nghiệp, ...[H10.10.06.01].

Giai đoạn 2010-2012, việc lấy YKPH của các bên liên quan chủ yếu được thực hiện dựa trên yêu cầu của Bộ GD&ĐT hoặc Nhà trường như: khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV, khảo sát ý kiến SV tốt nghiệp sau một năm ra trường; khảo sát ý kiến của các đơn vị tuyển dụng SV khối ngành sư phạm trong quá trình tự đánh giá các CTĐT giáo viên THPT ...[H10.10.06.02] và việc khảo sát chủ yếu được các đơn vị chức năng thực hiện thông qua hình thức phát phiếu hỏi, nhập số liệu, tổng hợp kết quả khảo sát và Báo cáo Bộ GD&ĐT hàng năm.

Đến năm 2013, nhằm đảm bảo việc thu thập thông tin phản hồi từ người học về quá trình dạy-học mang tính hệ thống, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của công tác, Nhà trường đã ban hành *Quy định về việc lấy YKPH từ người học về hoạt động giảng dạy của GV*, xác định rõ ý nghĩa, mục đích, đối tượng của khảo sát cũng như nội dung, công cụ, phương pháp, quy trình thu thập, sử dụng thông tin phản hồi và trách nhiệm của các bên liên quan [H10.10.06.03].

Qua quá trình khảo sát thực tế, Phòng KT&ĐBCL đã thực hiện việc cải tiến công tác này thông qua đề tài NCKH cấp trường: “Xây dựng hệ thống khảo sát trực tuyến YKPH từ người học về hoạt động giảng dạy của GV và về chất lượng ngành học tại Trường Đại học Quy Nhơn”. Kết quả của đề tài giúp Nhà trường xây dựng được phần mềm thu thập YKPH của SV về hoạt động giảng dạy của GV và về chất lượng ngành đào tạo một cách hệ thống, khoa học với hình thức online trên trang web của Phòng

KT&ĐBCL [H10.10.06.04]. Tuy nhiên, bên cạnh những tính năng hiệu quả, phương pháp khảo sát hoạt động giảng dạy online qua phần mềm cũng bộc lộ những mặt tồn tại như: tỷ lệ SV tự nguyện tham gia khảo sát thấp, tốc độ đường truyền không đảm bảo,... Hàng năm, Phòng KT&ĐBCL đều báo cáo Nhà trường về tình hình, kết quả khảo sát cùng với các đề xuất, kiến nghị cải tiến công tác này trong thời gian tới [H10.10.06.05].

Cho đến nay, để khắc phục những tồn tại trong công tác lấy YKPH của các bên liên quan, Nhà trường đã đầu tư xây dựng Phần mềm khảo sát E-survey tích hợp cùng với Phần mềm Quản lý đào tạo của Nhà trường giúp cho công tác thu thập thông tin phản hồi mang tính hệ thống và đạt hiệu quả cao hơn [H10.10.06.06].

Bên cạnh đó, cơ chế phản hồi của các bên liên quan cũng được Nhà trường cụ thể hóa trong văn bản “*Quy định lấy YKPH của các bên liên quan tại Trường ĐHQN*” nhằm đảm bảo việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng trình tự, khoa học; phương pháp đa dạng; công cụ khảo sát có độ tin cậy cao, nội dung được cập nhật; có thể đối sánh được ý kiến của các bên liên quan trong nhiều năm. Văn bản này quy định mục đích, yêu cầu, quy trình tổ chức thực hiện và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong công tác lấy YKPH của các bên liên quan tại Trường ĐHQN về *chất lượng hoạt động giảng dạy; CTĐT, CĐR; tình hình việc làm; các hoạt động dịch vụ hỗ trợ đào tạo* một cách rõ ràng, cụ thể và công khai minh bạch [H10.10.06.07]. Đồng thời, Nhà trường còn tiếp nhận YKPH của SV thông qua các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng, các buổi đối thoại giữa SV với lãnh đạo Trường, Trưởng các phòng ban chức năng, Ban chủ nhiệm khoa... [H10.10.06.08].

Trong các giai đoạn điều chỉnh, cập nhật CTĐT trình độ đại học ngành Kỹ thuật điện, kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh khối lượng kiến thức các học phần trong chương trình, điều chỉnh CĐR... Trong các lần điều chỉnh, hệ thống bảng câu hỏi và khảo sát cũng có sự điều chỉnh phù hợp nhằm thu thập được các thông tin chuẩn xác nhất. Ngoài ra, Khoa còn tiến hành thu thập YKPH của các bên liên quan đối với CTĐT thông qua nhiều hoạt động khác nhau như: Hội thảo, các đợt thực tập tốt nghiệp, các chương trình ngày hội việc làm, tuyên dụng... [H10.10.06.09].

## **2. Điểm mạnh**

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan của Nhà trường được quy định bằng văn



bản, có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến thường xuyên.

Nhà trường có hệ thống phần mềm hỗ trợ việc lấy YKPH của các bên liên quan đảm bảo tính hệ thống và khoa học.

### **3. Điểm tồn tại**

Ý thức của SV trong việc tham gia các khảo sát của Nhà trường chưa cao;

Các bên liên quan như nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu SV còn thiếu nhiệt tình tham gia đánh giá.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Nhà trường tiến hành các biện pháp kỹ thuật tích hợp Phần mềm khảo sát E-survey với Công thông tin sinh viên. Mỗi sinh viên cần phải thực hiện ít nhất 01 khảo sát để có thể đăng nhập vào tài khoản cá nhân trên hệ thống.

Khoa tăng cường tổ chức các hội thảo với nhà sử dụng lao động, cựu SV để thu thập các YKPH được đầy đủ hơn.

### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7**

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 10**

Nhà trường và Khoa KT&CN đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc nhằm đảm bảo và nâng cao CLĐT. Cụ thể, việc thiết kế CTĐT được tuân thủ theo đúng quy trình: (1) xây dựng chương trình trên cơ sở so sánh/đối chiếu với CTĐT ngành Kỹ thuật điện của các trường đại học kỹ thuật tiên tiến trong và ngoài nước; (2) lấy thông tin phản hồi từ nhà tuyển dụng, GV, cựu SV và SV làm cơ sở để điều chỉnh chương trình; (3) hàng năm có cập nhật các nghiên cứu mới, các học phần mới của ngành Kỹ thuật điện trên thế giới (không quá 20% CTĐT); định kỳ 2 năm/lần tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT cập nhật theo hướng hiện đại, phù hợp nhu cầu thực tiễn; (4) thường xuyên ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học của các cán bộ trong Khoa vào nội dung của các học phần trong CTĐT.

Quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng được đa dạng hóa, đảm bảo tính liên tục, sự nghiêm túc, khách quan theo đúng quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT và những quy định của Trường; công tác coi thi, chấm thi ở tất cả các kỳ thi, kiểm tra đều được thực hiện nghiêm túc; các hình thức thi, kiểm tra đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của người học ở từng học phần theo CDR.

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, nhìn chung, đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của SV đạt chất lượng tốt. Cơ chế phản hồi của các bên

liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Một số tồn tại cần khắc phục trong lộ trình cải tiến CLĐT trong thời gian tới như: (1) cần chủ động và mở rộng phạm vi trong việc lấy thông tin phản hồi từ các bên liên quan về cả CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ; (2) đẩy mạnh việc biên soạn bài giảng, giáo trình theo một chuẩn thống nhất; (3) rà soát lại để bổ sung phần thực hành của một số môn học còn nặng về lý thuyết, tăng cường thời lượng cho các học phần thực tập nghề nghiệp tại cơ sở; (4) tìm kiếm và thực hiện các đề tài khoa học lớn gắn với việc cải tiến CTĐT và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào công tác đào tạo; (5) Bổ sung thêm các học phần phát triển kỹ năng mềm cho SV vào CTĐT; (6) đề nghị Nhà trường mua một số cơ sở dữ liệu (database) tiên tiến tạo điều kiện cho GV và SV cập nhật các tài liệu, nghiên cứu mới trên thế giới; (7) tổ chức và thực hiện tốt hơn các loại hình hỗ trợ SV như cố vấn học tập, các hoạt động ngoại khóa phát triển kỹ năng mềm cho SV.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa KT&CN đánh giá tiêu chuẩn 10 có 6 tiêu chí, trong đó có 1 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 5 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

### **Mở đầu**

Kết quả đầu ra là thước đo phản ánh CLĐT của Nhà trường. Do vậy Trường ĐHQN và Khoa KT&CN luôn coi trọng công tác đánh giá chất lượng, giám sát kết quả đầu ra, tổ chức thống kê tỉ lệ SV tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học và số lượng SV có việc làm để làm cơ sở cho việc cải tiến CLĐT, nâng cao sự hài lòng của người học và các bên liên quan.

Các hoạt động NCKH cho SV được tổ chức có hệ thống, đảm bảo phù hợp với CDR của CTĐT ngành Kỹ thuật điện. Nhà trường và Khoa đã xây dựng hệ thống quản lý thông tin quá trình đào tạo, phân tích, thống kê và đo lường sự hài lòng của SV, GV và các bên liên quan làm cơ sở đảm bảo và nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà trường.

### ***Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

#### **1. Mô tả**

Để quản lý và giám sát cơ sở dữ liệu học tập của người học Nhà trường đã xây

dựng hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. Phòng đào tạo đại học là đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ quản lý công tác này [H11.11.01.01]. Kết thúc mỗi kỳ học, Nhà trường tiến hành xét kết quả học tập, xét tốt nghiệp theo quy chế đào tạo tín chỉ để đánh giá kết quả học tập của SV, đặc biệt là tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp. Việc áp dụng phần mềm trong việc quản lý kết quả học tập của SV giúp đánh giá kết quả với độ chính xác cao hơn [H11.11.01.02]. Từ các kết quả này, Nhà trường chỉ đạo các Khoa phối hợp với Phòng Đào tạo đại học, CVHT tiến hành các biện pháp hỗ trợ người học, cải tiến chất lượng để giúp SV tiếp tục học, tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn và giảm tỷ lệ thôi học. Cụ thể thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua bảng số liệu sau:

*Bảng 11.1. Tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học trong 5 năm gần đây*

Năm học	Số lượng SV toàn khóa	Tỷ lệ % người học hoàn thành chương trình trong thời gian		Tỷ lệ % thôi học	
		4,5 năm	>4,5 năm	<= năm 3	> năm 3
2018-2019	122	58,2	41,8	5,74%	0,00%
2017-2018	103	66,02%	33,98%	6,33%	0,83%
2016-2017	107	57,94%	42,06%	5,31%	0,00%
2015-2016	91	57,14%	42,86%	6,19%	0,00%
2014-2015	169	77,51%	22,49%	-	6,11%

Trên cơ sở các số liệu về tỷ lệ SV tốt nghiệp và thôi học các năm trước, Khoa tiến hành dự báo tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học cho năm tiếp theo. Tỷ lệ tốt nghiệp năm sau ít nhất không nhỏ hơn năm trước. Nếu tỷ lệ SV tốt nghiệp thực tế nhỏ hơn dự báo Khoa sẽ tìm cách cải thiện tỷ lệ tốt nghiệp trong năm tiếp theo. Chẳng hạn, Khoa tiến hành trao đổi với các thầy cô trong bộ môn cũng như các CVHT trong các cuộc họp của khoa để tìm ra nguyên nhân và đưa ra các biện pháp cải thiện tỷ lệ tốt nghiệp. Qua khảo sát Khoa nhận thấy nhiều SV có điểm trung bình học tập tốt nhưng không tốt nghiệp đúng hạn vì còn nợ một số học phần như thực tập, đồ án môn học hoặc đồ án tốt nghiệp. Khoa đã tiến hành cải tiến cách đánh giá học phần, xây dựng các tiêu chí đánh giá cụ thể công khai đến người học để giúp người học, cũng như GV chủ động trong học tập và giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Qua bảng số liệu về tỷ lệ SV tốt nghiệp trong 5 năm gần đây, có thể thấy: Đa số SV của Khoa KT&CN hoàn thành CTĐT đúng thời hạn các học phần trong CTĐT [H11.11.01.03]. Khoa KT&CN luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV thông qua CVHT, Trợ lý đào tạo. Ban chủ nhiệm khoa có các buổi họp với Cán sự lớp, CVHT, Trợ lý đào tạo vào các kỳ học để nắm được tình hình học tập của SV [H11.11.01.04].

Các SV bị buộc thôi học phần lớn là do các em định hướng nghề nghiệp ban đầu không tốt nên thấy chán nản trong quá trình học, hoặc do gia đình có định hướng khác cho SV. Một số trường hợp nghỉ học vì lý do cá nhân [H11.11.01.05]. Nhìn chung tỉ lệ SV bị buộc thôi học thấp là do hệ thống CVHT, Bộ môn, Khoa và Nhà trường thường xuyên giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV và có những giải pháp cụ thể để hỗ trợ SV hoàn thành chương trình học như: gặp gỡ, trao đổi trực tiếp hoặc tư vấn cho người học khi gặp khó khăn, duy trì chế độ sinh hoạt lớp định kỳ hàng tháng [H11.11.01.06], [H11.11.01.02].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã ứng dụng CNTT trong quản lý và giám sát kết quả học tập của SV, thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỉ lệ SV thôi học, bỏ học và tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn.

Nhà trường duy trì cơ chế sinh hoạt lớp hàng tháng để thông báo, nhắc nhở kịp thời tình hình học tập của SV, đồng thời qua đó các CVHT trao đổi nắm tình hình, hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho các em, cũng như có những đề xuất kịp thời với Nhà trường.

## **3. Điểm tồn tại**

Công tác CVHT còn bị động, chưa phát huy hiệu quả trong việc tư vấn cho SV lập kế hoạch học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ. SV còn chủ quan trong việc hoàn thành các điều kiện CĐR về ngoại ngữ và tin học theo quy định.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ học kỳ 2 năm học 2019 - 2020, Nhà trường yêu cầu các CVHT thực hiện báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV

Nhà trường tạo điều kiện để SV đăng ký và hoàn thành các học phần còn nợ môn, thống kê số lượng SV năm ba, năm tư đủ điều kiện về CĐR như anh văn, tin học. Từ đó đưa ra các thông báo kịp thời đến SV thông qua các CVHT để đảm bảo việc tốt

nghiệp đúng thời hạn.

## 5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí: 5/7

### *Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng*

#### 1. Mô tả

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho những SV bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Phòng Đào tạo đại học là đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ quản lý, giám sát thời gian tốt nghiệp của SV [H11.11.02.01].

Từ năm 2011, Khoa KT&CN bắt đầu thực hiện quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo phương thức đào tạo tín chỉ. Để tốt nghiệp SV phải hoàn thành 150 tín chỉ (quy đổi 1 tín chỉ bằng 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thảo luận, thực hành, bài tập) trong thời gian khóa học quy định là 4,5 năm (9 kỳ học). Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình là 7 năm [H11.11.02.02], [H11.11.02.03]. Trong 5 năm học gần đây, hàng năm (tính 02 đợt xét tốt nghiệp) có hơn 85% SV tốt nghiệp (Bảng 11.2.1). Việc tốt nghiệp đúng tiến độ chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như: thực hiện việc đăng ký môn học theo học chế tín chỉ, thực hiện đúng kế hoạch học tập của năm học do Phòng Đào tạo đại học lên kế hoạch đầu mỗi năm học [H11.11.02.04], hệ thống các phòng thí nghiệm đầy đủ góp phần làm cho tiến độ học tập của SV được đúng tiến độ.

*Bảng 11.2.1. Bảng thống kê thời gian tốt nghiệp của SV ngành Kỹ thuật điện 5 năm gần đây*

Năm học	Số lượng SV cuối khóa	SV tốt nghiệp hàng năm			
		Đợt 1		Đợt 2	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
2018-2019	122	84	68,85%	-	-
2017-2018	103	68	66,02%	21	20,39%
2016-2017	107	62	57,94%	34	31,78%
2015-2016	91	52	57,14%	34	37,36%
2014-2015	169	131	77,51%	33	19,53%

Bên cạnh đó, tỷ lệ SV tốt nghiệp trễ hơn so với thời gian yêu cầu vẫn còn khá cao, trên 30% nguyên nhân có thể là do có một số môn học khó, nhiều SV có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên phải làm thêm để trang trải cuộc sống [H11.11.02.05]. Trên cơ sở tìm hiểu các nguyên nhân dẫn đến SV tốt nghiệp trễ hạn, Nhà trường và Khoa đã đề ra những biện pháp giúp SV hoàn thành các môn học, nâng cao tỉ lệ SV thi đạt và tỉ lệ SV đạt điểm khá, giỏi (Bảng 11.2.2). Trên thực tế, Khoa và Nhà trường đã có những kế hoạch để thông báo cho SV nắm thông tin, chủ động hoàn thành chương trình học để tốt nghiệp đúng tiến độ [H11.11.02.06].

*Bảng 11.2.2. Các biện pháp hỗ trợ SV tốt nghiệp đúng hạn*

<b>TT</b>	<b>Lý do</b>	<b>Giải pháp</b>	<b>Cải thiện</b>
1	SV chưa nắm rõ các yêu cầu của CTĐT và các CDR	CVHT tăng cường gặp gỡ, tư vấn cho SV	SV hiểu rõ yêu cầu của CTĐT và chủ động chuẩn bị các chứng chỉ đáp ứng CDR
2	SV học lại học phần	Nhà trường tạo điều kiện cho SV đăng ký học phần trong học kỳ phụ để cải thiện điểm. Đối với các lớp sĩ số ít nhà trường mở các lớp ôn tập để SV có thể đăng ký	SV có thể đăng ký học các học phần để cải thiện điểm hoặc học vượt để rút ngắn thời gian tốt nghiệp
3	SV không nắm được thông tin đăng ký tín chỉ	Nhà trường chủ động thông báo SV kế hoạch đăng ký tín chỉ trên phần mềm quản lý đào tạo và website, facebook	SV nắm bắt thông tin kịp thời. Trên 95% SV hoàn thành đăng ký tín chỉ trong đợt đầu tiên

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã có hệ thống quản lý, giám sát kế hoạch học tập và thời gian tốt nghiệp của SV. Phòng Đào tạo đại học và Khoa KT&CN đã có những biện pháp giúp SV hoàn thành các học phần, từ đó rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình, nâng cao tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn.

## **3. Điểm tồn tại**

SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, mặc dù đã hoàn thành các môn học trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện CDR.

Đối với việc trả nợ một số học phần, SV gặp khó khăn vì số lượng đăng ký học phần ít không đủ mở lớp dẫn đến việc kéo dài thời gian hoàn thành chương trình học của SV.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 – 2020, Khoa tiến hành phối hợp với Phòng Đào tạo đại học mở các lớp sĩ số ít tạo điều kiện cho SV nợ môn có thể đăng ký và trả nợ, hoàn thành chương trình học đúng tiến độ. Tăng cường nhắc nhở SV về điều kiện tốt nghiệp trong các buổi sinh hoạt lớp, thời hạn phải nộp các chứng chỉ để xét tốt nghiệp.

#### **5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí: 5/7**

*Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng*

##### **1. Mô tả**

Để đánh giá một CTĐT thì khả năng làm việc của SV sau khi ra trường là một thước đo quan trọng để đánh giá. Bên cạnh đó mục tiêu của người học sau khi tốt nghiệp là có việc làm đúng ngành nghề đào tạo, thu nhập phù hợp và môi trường ổn định và đó cũng là mục tiêu của Khoa và Nhà trường. Nhà trường đã có hệ thống giám sát quá trình học tập cũng như tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp của người học, đối sánh giữa các năm để tìm ra biện pháp cải tiến. Điều đó đã và đang được thực hiện bằng nhiều biện pháp khác nhau như khảo sát trực tuyến, thông qua các hội nghị, hội thảo. Đồng thời, Nhà trường đã thành lập Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp để nắm bắt một cách chính xác số lượng và công việc của SV sau khi ra trường để phục vụ cho công tác điều chỉnh CDR, điều chỉnh CTĐT, đề cương chi tiết học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá kết quả học phần [H11.11.03.01], [H11.11.03.02], [H11.11.03.03].

Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp thường xuyên liên hệ với các nhà tuyển dụng để tìm kiếm các thông tin việc làm cung cấp kịp thời cho các SV năm cuối. SV năm cuối được hỗ trợ tư vấn việc làm, giới thiệu đến các doanh nghiệp [H11.11.03.04]. Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp của SV [H11.11.03.04]. Kết quả khảo sát các bên liên quan cho thấy người học ngành Kỹ thuật điện nhanh chóng có việc làm sau khi tốt nghiệp và đa phần được làm

việc đúng với chuyên ngành đào tạo như nhà máy thủy điện, nhiệt điện, vận hành và bảo trì hệ thống điện trong nhà máy và xí nghiệp... [H11.11.03.05], [H11.11.03.06].

Việc kết nối với các doanh nghiệp trong hỗ trợ đào tạo, tuyển dụng SV ngành Kỹ thuật điện được Nhà trường quan tâm và tiến hành thường xuyên. Từ kết quả thống kê tỷ lệ người học có việc làm như bảng 11.3.1. Khoa tiến hành rà soát danh sách các đơn vị mà phần lớn SV sau khi tốt nghiệp tham gia làm việc. Khoa sẽ mời các đơn vị đang sử dụng lao động, tham gia các chương trình ngày hội kết nối việc làm, các chương trình giao lưu định hướng nghề nghiệp [H11.11.03.07], [H11.11.03.08], [H11.11.03.09], [H11.11.03.10]. Qua các hoạt động trên giúp Nhà trường và Khoa đánh giá được CLĐT hiện tại, từ đó có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho SV.

Nhà tuyển dụng hài lòng với kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học đạt được sau khi hoàn thành CTĐT ngành, tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay trong 3 năm gần đây là trên 70%.

*Bảng 11.3.1. Thống kê tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp đại học hệ chính quy của ngành Kỹ thuật điện*

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp	
	2016	2017
1. Tỷ lệ người học có việc làm (%)	73,55	72,96
2. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%)	67,8	48,64

## 2. Điểm mạnh

Đa số SV tốt nghiệp ngành Kỹ thuật điện đều có việc làm phù hợp sau khi ra trường đáp ứng được yêu cầu về kỹ sư điện cho khu vực miền Trung và Tây Nguyên và cả nước. Một trong những lý do đó là CTĐT được tăng cường thực hành thực tế, SV có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp. Khoa và Nhà trường tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp về tình trạng việc làm từ đó có thông tin đầy đủ về tình trạng tốt nghiệp để giám sát đối sánh nhằm cải tiến chất lượng.

Mặt khác, Khoa đã tạo quan hệ với nhiều doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn và có nhiều đơn vị tuyển dụng gửi thư mời tuyển dụng SV của Khoa và tuyển



dụng trực tiếp đối với SV năm cuối. Đây cũng chính là cầu nối, là cơ hội cho nhiều SV sớm tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp.

### **3. Điểm tồn tại**

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo còn chưa cao.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Nhà trường tiếp tục duy trì khảo sát về tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp ra trường hàng năm nhằm cải tiến chất lượng CTĐT, đào tạo người học ra trường đáp ứng CĐR và nhu cầu xã hội.

Tiếp tục cập nhật đổi mới CTĐT theo hướng thực tế, tăng cường các hoạt động kết nối doanh nghiệp, tăng thời gian thực tập, thực tế tại doanh nghiệp.

### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

*Tiêu chí 11.4. Loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng*

#### **1. Mô tả**

Sứ mệnh và tầm nhìn của Trường ĐHQN được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu của các công ty, doanh nghiệp công nghiệp và thị trường lao động khu vực miền Trung - Tây Nguyên và mở rộng ra cả nước theo xu hướng chuyển giao công nghệ [H11.11.04.01].

Khoa KT&CN hiện nay có 3 bộ môn với tổng số cán bộ là 56, trong đó có GS, TS, ThS. Hầu hết các CB của đơn vị trẻ, năng động, nhiệt tình và yêu nghề đều được đào tạo đúng chuyên ngành Kỹ thuật được phân công. Không chỉ thực hiện xuất sắc nhiệm vụ đào tạo, GV của Khoa còn tích cực tham gia NCKH với những công trình khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành và hội thảo quốc tế. Bên cạnh đó, các CB của Khoa còn tích cực tham gia hướng dẫn SV NCKH. Hàng năm số lượng đề tài NCKH SV của Khoa KT&CN đều ở mức cao so với các khoa khác trong trường [H11.11.04.02]. Loại hình NCKH của SV tập trung chủ yếu vào hướng ứng dụng với các đề tài có sản phẩm thực tế, có tính thực tiễn cao [H11.11.04.03].

Để duy trì thường xuyên hoạt động NCKH trong SV, Nhà trường hàng năm đều dành khoản kinh phí hỗ trợ thực hiện các đề tài NCKH SV, cũng như khen thưởng các SV đạt Giải thưởng “SV NCKH cấp Trường” [H11.11.04.04]. Ngoài phần kinh phí hỗ trợ từ Nhà trường, Khoa KT&CN cũng dành một phần kinh phí để hỗ trợ cho các đề tài NCKH SV của Khoa không thuộc danh mục hỗ trợ kinh phí của Nhà trường.

Nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao CLĐT và NCKH theo mô hình ứng dụng, SV của Khoa được khuyến khích tham gia NCKH ngay từ năm thứ nhất dưới sự hướng dẫn của GV trong Khoa. Theo định kỳ hàng năm, Nhà trường sẽ thông báo đến toàn bộ SV các khoa về kế hoạch đăng ký đề tài NCKH SV [H11.11.04.05]. Nhà trường ban hành các hướng dẫn để SV triển khai đề tài NCKH của mình theo đúng quy định [H11.11.04.06]. Bên cạnh đó, hệ thống giám sát việc thực hiện đề tài NCKH SV cũng được thực hiện định kỳ thông qua kiểm tra tình hình thực hiện đề tài của các SV [H11.11.04.07].

Hàng năm, Khoa tổ chức hội đồng nghiệm thu để đánh giá kết quả thực hiện của các đề tài NCKH SV. Thông qua đó, Khoa lựa chọn các đề tài xuất sắc để gửi dự thi cấp Trường [H11.11.04.08] và định hướng cho hoạt động NCKH của SV năm tiếp theo cho phù hợp với mục tiêu đào tạo của Khoa. Song song với hoạt động của Khoa, Nhà trường cũng tổ chức Hội nghị tổng kết công tác NCKH SV [H11.11.04.09]. Qua hội nghị này, Nhà trường tiến hành khen thưởng các SV và tập thể GV hướng dẫn đạt giải thưởng SV NCKH các cấp, đồng thời đưa ra các biện pháp nhằm cải tiến chất lượng NCKH trong SV [H11.11.04.04].

*Bảng 11.4. Hoạt động NCKH SV từ năm 2011 đến năm 2018*

<b>Hoạt động nghiên cứu</b>	<b>2011 - 2012</b>	<b>2012 - 2013</b>	<b>2013 - 2014</b>	<b>2014 - 2015</b>	<b>2015 - 2016</b>	<b>2016- 2017</b>	<b>2017 - 2018</b>
Cấp trường	5	7	11	3	9	7	17
Giải thưởng	1 giải Vifotech, 1 giải 3 cấp bộ	1 giải nhất, 1 giải khuyến khích cấp Trường	1 nhì, 2 giải 3 cấp Trường	1 giải nhất cấp Trường	2 giải nhất cấp Trường		1 giải 3 cấp Bộ, 1 giải khuyến khích Eureka, 2 giải nhất, 1 giải nhì, 1 giải cấp Trường

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có kế hoạch phát triển NCKH SV rõ ràng, tập trung các hướng nghiên cứu ứng dụng, có tính thực tiễn cao.

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động NCKH của SV. Các GV trong Khoa có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong hướng dẫn SV NCKH. CSVC phòng thí nghiệm với nhiều thiết bị hiện đại và đầy đủ chức năng, giúp cho SV có nhiều thuận lợi trong việc nghiên cứu và thực hành.

Các CLB học thuật của Khoa thường xuyên tổ chức các hoạt động để trao đổi, định hướng nghiên cứu với các SV trong Khoa, đặc biệt là các SV năm nhất.

Bên cạnh đó, Khoa còn có những hỗ trợ về tài chính, tăng kinh phí hỗ trợ SV nghiên cứu, tập trung đầu tư có trọng điểm cho những đề tài nghiên cứu có tính khả thi, được đánh giá cao, tăng số lượng giải thưởng... nhằm động viên tinh thần SV.

## **3. Điểm tồn tại**

Tỷ lệ SV tham gia NCKH chưa cao, kinh phí nghiên cứu còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa sẽ đẩy mạnh việc NCKH trong SV bằng một số biện pháp như: Triển khai hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò của NCKH trong giai đoạn hiện nay khi các doanh nghiệp tuyển dụng rất quan tâm và ưu tiên lựa chọn các SV đã tham gia NCKH. Tổ chức định hướng nghiên cứu các đề tài triển khai để đạt hiệu quả cao qua sinh hoạt chuyên môn của các CLB, lồng ghép các cuộc thi phát triển kỹ năng, chuyên môn trong các hoạt động của các CLB trong Khoa.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

*Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng*

### **1. Mô tả**

Như đã đề cập ở tiêu chuẩn 10, với mục tiêu xây dựng, điều chỉnh CTDH theo hướng tiếp cận yêu cầu thực tế của doanh nghiệp và thị trường lao động, Khoa KT&CN đã xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển CTĐT trong đó có xác lập mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động đào tạo. Cụ thể Khoa đã tổ chức các buổi hội thảo đào tạo theo nhu cầu xã hội, NCKH, chuyển giao công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội đồng thời khảo sát ý kiến của người học, GV, cựu SV, nhà tuyển dụng lao động về mục tiêu đào tạo, CDR, cấu trúc CTĐT, phương pháp dạy và

học, khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội của CTĐT, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, CSVC của Nhà trường, chất lượng đội ngũ GV trong đào tạo và NCKH, môi trường cảnh quan học tập, nơi làm việc của người học sau tốt nghiệp... [H11.11.05.01].

Phòng KT&ĐBCL là đầu mối thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan. Việc lắng nghe tất cả các ý kiến đóng góp từ các bên liên quan được thực hiện một cách cầu thị, tiếp thu nghiêm túc qua phiếu khảo sát trực tiếp và online và các ý kiến đóng góp này cũng là cơ sở quan trọng để điều chỉnh CTĐT [H11.11.05.02], [H11.11.05.03]. Trong trường hợp có những ý kiến đóng góp mà chưa đáp ứng được ngay thì Nhà trường cũng có phản hồi kịp thời. Với các giải pháp, lộ trình, chủ trương kịp thời và phù hợp, đến thời điểm này, hình ảnh và vị thế của Nhà trường trong lĩnh vực đào tạo nói chung và đào tạo ngành Kỹ thuật điện nói riêng ngày càng được nâng lên. Mức độ hài lòng của các bên liên quan cũng là thước đo rất quan trọng để Nhà trường tiếp tục có những cải tiến phù hợp theo định hướng chung của Nhà trường.

Khoa KT&CN thường xuyên tổ chức các hoạt động khảo sát, tiếp nhận YKPH của doanh nghiệp, cựu SV, GV và SV thông qua các Hội thảo về xây dựng CTĐT, Hội thảo về đào tạo ngành Kỹ thuật điện gắn với thực tiễn [H11.11.05.04]. Nhà trường cũng thường xuyên khảo sát sự hài lòng của GV, SV về CSVC tại trường phục vụ cho hoạt động giảng dạy và NCKH [H11.11.05.05], [H11.11.05.06].

Nhà trường đã xác định đánh giá hoạt động giảng dạy của GV là nhiệm vụ hàng năm của Nhà trường. Kết quả đánh giá là cơ sở để Khoa cập nhật, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá. Năm 2013, Nhà trường đã ban hành Quy định lấy YKPH từ người học về hoạt động giảng dạy của GV [H11.11.05.01], [H11.11.05.02]. Từ năm học 2013 - 2014 đến nay, hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch và định kỳ lấy YKPH của SV về hoạt động giảng dạy của tất cả GV theo từng học kỳ bằng hình thức khảo sát trực tuyến. Nội dung khảo sát gồm có 2 phần: trắc nghiệm và nêu ý kiến. Phần trắc nghiệm là các câu hỏi xoay quanh hoạt động giảng dạy của GV trong đó có các nội dung đánh giá về phương pháp giảng dạy của GV; khả năng khuyến khích sáng tạo và tư duy độc lập của người học; sự công bằng của GV trong kiểm tra đánh giá quá trình và đánh giá kết quả học tập của người học; năng lực tư vấn và tổ chức, hướng dẫn hoạt động học tập và nghiên cứu của người học; tạo ra môi trường học tập tích cực,... Phần nêu ý kiến là câu hỏi mở để người học có thể bày tỏ cụ thể các ý kiến khác nhằm góp ý cho GV cải tiến và nâng cao chất lượng hoạt

động giảng dạy [H11.11.05.03].

Sau khi kết thúc đợt khảo sát, Phòng KT&ĐBCL của Trường tiến hành thu thập, xử lý dữ liệu, phân tích, tổng hợp và báo cáo kết quả khảo sát cho lãnh đạo Nhà trường và gửi kết quả cho các Trường khoa. Căn cứ kết quả đánh giá của SV, Trường khoa có biện pháp quản lý cụ thể, giúp GV phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm còn tồn tại trong quá trình giảng dạy [H11.11.05.02].

Định kỳ hàng năm, Nhà trường và Khoa tiến hành khảo sát YKPH của SV năm cuối, cựu SV và doanh nghiệp về chất lượng ngành học. Trên cơ sở đó Nhà trường điều chỉnh CTĐT cho phù hợp hơn với yêu cầu của người học, điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng lao động [H11.11.05.07]. Hàng năm, Nhà trường thường xuyên tổ chức các chương trình về định hướng nghề nghiệp và tuyển dụng [H11.11.05.07]. Ngoài việc tạo cơ hội cho SV tiếp cận doanh nghiệp và được tuyển dụng thì những thông tin phản hồi từ các doanh nghiệp cũng là cơ sở quan trọng để Nhà trường và Khoa cập nhật và cải tiến nâng cao CLĐT.

Nhìn chung, các kết quả khảo sát cho thấy ý kiến của các nhà tuyển dụng là hài lòng về những kiến thức chuyên môn mà SV tốt nghiệp ngành Kỹ thuật điện tại Trường ĐHQN. Trong các buổi hội thảo góp ý về CTĐT ngành Kỹ thuật điện đều có sự tham gia của các nhà tuyển dụng, cựu SV, GV và SV. Với YKPH từ nhà sử dụng lao động, đa số đều đánh giá cao kiến thức của SV ngành Kỹ thuật điện được đào tạo, SV có phẩm chất đạo đức tốt, ham học hỏi, có tinh thần cầu thị... Đây là nguồn thông tin quan trọng để Trường và Khoa cải tiến CTĐT và cải thiện chất lượng giáo dục cho phù hợp với yêu cầu xã hội [H11.11.05.02], [H11.11.05.08].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có phương pháp triển khai tiếp nhận YKPH từ các bên liên quan qua khảo sát trực tiếp và online.

Mức độ hài lòng của người học, cựu người học, GV, nhà tuyển dụng đối với CTĐT ngành Kỹ thuật điện được Nhà trường, Khoa được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT ngành.

## **3. Điểm tồn tại**

Một số hoạt động khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với các hoạt động của Nhà trường, Khoa, ngành chưa được thực hiện thường xuyên.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa KT&CN phối hợp với Phòng KT&ĐBCL tổ chức lấy YKPH của các bên liên quan đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để đảm bảo tính cập nhật hàng năm.

Đưa học phần Kỹ năng mềm vào CTĐT ngành Kỹ thuật điện. Tổ chức các hoạt động nâng cao kỹ năng mềm cho SV thông qua các hoạt động ngoại khóa.

#### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

##### **Kết luận về Tiêu chuẩn 11**

SV ngành Kỹ thuật điện có tỷ lệ tốt nghiệp tương đối cao, tỷ lệ có việc làm sau 12 tháng là trên 70%. Trong quá trình học tập, SV ngành Kỹ thuật điện được tạo điều kiện tham gia NCKH SV, và các nhóm nghiên cứu của GV trong khoa. Theo kết quả đánh giá chung, SV ngành Kỹ thuật điện nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng đánh giá tham gia ý kiến để cải tiến CTĐT. Tuy nhiên, để có thể khắc phục một số hạn chế, Khoa cần tăng cường thời lượng thực tập thực tế, phát triển phong trào NCKH trong toàn thể SV trong khoa, đẩy mạnh việc đào tạo kỹ năng mềm... nhằm trang bị cho SV những kiến thức và kỹ năng cần thiết để các em đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa KT&CN đánh giá tiêu chuẩn 11 có 5 tiêu chí và cả 5 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

### **Phần III: KẾT LUẬN**

Việc triển khai tự đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật điện là khâu quan trọng trong việc đảm bảo CLĐT của Khoa KT&CN cũng như của Nhà trường. Dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác đã tự xem xét, báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT ngành Kỹ thuật điện, qua đó thấy được những mặt mạnh, những mặt tồn tại để Khoa xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Sau đây là tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần khắc phục và kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành Kỹ thuật điện.

#### **1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành Kỹ thuật điện**

##### ***1.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo***

Mục tiêu của CTĐT ngành Kỹ thuật điện được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHQN, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học và mục tiêu đào tạo của Khoa.

CĐR của CTĐT ngành Kỹ thuật điện được xác định rõ ràng, thể hiện rõ các yêu cầu về trình độ kiến thức chuyên môn, năng lực, kỹ năng thực hành, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe đối với người học khi tốt nghiệp; được định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến, các YKPH từ các nhà tuyển dụng lao động, người học, cựu người học và được công bố công khai theo quy định.

##### ***1.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo***

Bản mô tả CTĐT ngành Kỹ thuật điện thể hiện đầy đủ thông tin, tích hợp những nội dung mới nhất liên quan; thể hiện rõ ma trận CĐR và được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo hiện đại. Đề cương chi tiết các học phần thể hiện rõ mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, cụ thể hóa CĐR và liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển về các lĩnh vực liên quan đến ngành Kỹ thuật điện.

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, đặc biệt để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

### ***1.3. Về cấu trúc và nội dung CTDH***

CTDH ngành Kỹ thuật điện được thiết kế dựa trên mục tiêu đào tạo và bám sát CDR, đảm bảo tính hợp lý và logic giữa các học phần. Các học phần trong CTDH được cấu trúc hợp lý, gắn kết giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên môn ngành. Mục tiêu và nội dung chi tiết của từng học phần đảm bảo và thể hiện rõ yêu cầu cần đạt của CDR.

CTDH ngành Kỹ thuật điện có cấu trúc, trình tự logic hợp lý, chặt chẽ; có cập nhật các nội dung mới nhất của chuyên ngành Kỹ thuật điện, các học phần có tính tích hợp nội môn và liên môn và gắn với thực tế. Sau khi hoàn thành chương trình, SV ra trường có thể đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng thực hành đối với nguồn nhân lực ngành Kỹ thuật điện.

### ***1.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học***

Mục tiêu giáo dục ngành Kỹ thuật điện được tuyên bố rõ ràng và cụ thể hóa trong đề cương các học phần, được phổ biến rộng rãi tới người học, GV, cộng đồng và xã hội. Các hoạt động dạy và học, nhất là các phương pháp dạy học lý thuyết và thực hành của các học phần được GV trong Khoa lựa chọn sử dụng đa dạng, tương thích với CDR. Các thiết bị thí nghiệm hiện đại được sử dụng trong các giờ thực hành đã giúp SV vận dụng kiến thức lý thuyết và rèn luyện các kỹ năng thực hành tốt nhất. Việc thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy và học được các GV thực hiện đều chú trọng tạo điều kiện cho người học rèn luyện được các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

### ***1.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học***

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu CDR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Các quy định về đánh giá kết quả học tập được thể hiện rõ trong các đề cương học phần, CTĐT và được thông báo công khai tới người học. Các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng (kiểm tra viết, vấn đáp, bài tập lớn, đồ án, đánh giá qua các hoạt động thuyết trình...); đề thi được Bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng nên đảm bảo độ tin cậy, khách quan. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Khoa luôn tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập và đã giải quyết tốt các trường hợp cụ thể.

### ***1.6. Về đội ngũ GV, nghiên cứu viên***



Đội ngũ GV, nghiên cứu viên của Khoa để thực hiện CTĐT ngành Kỹ thuật điện được quy hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH. Tỷ lệ GV/người học của CTĐT đảm bảo theo quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo, đáp ứng khối lượng của CTĐT; trong đó tỷ lệ GV có học hàm, học vị GS, PGS, TS của Bộ môn Kỹ thuật điện khá cao. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm GV, nghiên cứu viên của Khoa và ngành Kỹ thuật điện theo kế hoạch, quy hoạch của Trường, của Khoa và tuân thủ quy trình, tiêu chí rõ ràng, công khai theo quy định của Nhà trường đã ban hành. Đội ngũ GV phục vụ CTĐT thực hiện đủ định mức giờ giảng và NCKH theo quy định của Nhà trường. Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV Bộ môn Kỹ thuật điện đã được xác định; đồng thời Khoa và Nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện hỗ trợ cả về thời gian và lẫn kinh phí.

Hàng năm, kết quả công việc và năng lực của đội ngũ GV đều được đánh giá, xếp loại danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; trong đó chú trọng kết quả NCKH, vì vậy kết quả thống kê những năm gần đây cho thấy số lượng các công bố khoa học của GV bộ môn trên các tạp chí trong danh mục ISI, SCOPUS ngày càng tăng.

### ***1.7. Về đội ngũ nhân viên***

Đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH. Các văn bản, tiêu chí, quy trình tuyển dụng nhân viên được Nhà trường quy định cụ thể và được công bố công khai. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên được thực hiện thường xuyên hàng năm và theo các tiêu chuẩn được quy định cụ thể về thi đua, khen thưởng, đảm bảo chính xác, công bằng, công khai. Nhà trường và đơn vị xác định nhu cầu và có các hoạt động cụ thể để triển khai kế hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên.

### ***1.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học***

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công khai và cập nhật thường xuyên; các tiêu chí và phương thức tuyển chọn mang tính lượng hóa, giúp cho Nhà trường và Khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, đánh giá năng lực từ cao xuống thấp. Đội ngũ CVHT của Khoa là những người có nhiệt huyết và kinh nghiệm trong công tác của mình, luôn hỗ trợ, tư vấn kịp thời cho người học về ngành học, CTĐT, hoạt động NCKH, ngoại khóa..., và luôn theo dõi kết quả, sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, vì vậy tạo ra tâm thế học tập tích cực ở SV

ngay từ năm thứ nhất. Bên cạnh đó, các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội SV của Trường, của Khoa đã tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, tư vấn phương pháp học tập, phong trào thi đua, các chương trình hỗ trợ SV tìm hiểu thực tế, giới thiệu tìm kiếm cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp... đã giúp SV không chỉ cải thiện, nâng cao thành tích học tập mà còn đem lại khả năng có việc làm khi ra trường.

Ngoài ra, Trường có một cảnh quan xanh - sạch - đẹp vào hàng đầu các trường đại học trong nước; môi trường văn hóa học đường luôn được giữ gìn với bầu không khí thân thiện, cởi mở, tôn trọng; an ninh trật tự địa phương và Nhà trường luôn được đảm bảo, tạo sự thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH của Trường, của Khoa và sự phấn khởi, thoải mái trong học tập và rèn luyện, sinh hoạt cho người học.

### ***1.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị***

Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, nhà luyện tập thể dục thể thao... được trang bị, lắp đặt các phương tiện, thiết bị phù hợp, hiện đại hỗ trợ có hiệu quả cho các hoạt động đào tạo, NCKH và luyện tập, vui chơi, giải trí. Thư viện của Nhà trường có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú và được cập nhật; đặc biệt hệ thống phòng thí nghiệm - thực hành phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu ngành Kỹ thuật điện được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp và được bổ sung, nâng cấp các trang thiết bị mới, hiện đại, đáp ứng hoạt động thí nghiệm, hỗ trợ đào tạo, NCKH. Hạ tầng CNTT phục vụ giảng dạy, học tập và quản lý đào tạo với hệ thống máy chủ, mạng internet, wifi, máy vi tính và các phần mềm chuyên dụng... đảm bảo hoạt động liên tục, phục vụ hiệu quả các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự và khám sức khỏe định kỳ cho GV, người học được thực hiện đầy đủ theo các tiêu chuẩn quy định; một số giảng đường, khu luyện tập TDTT có lối đi riêng cho người khuyết tật.

### ***1.10. Về nâng cao chất lượng***

Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả với hình thức đa dạng. Thông tin phản hồi được phân loại, xử lý, phân tích với tính khoa học, độ tin cậy cao, làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH. CTDH được đánh giá và cải tiến định kỳ 2 năm/lần theo một quy trình thống nhất trong toàn trường, dựa trên YKPH của các bên liên quan và tham khảo các CTĐT của các trường đại học tiên tiến trong và ngoài nước.

Quá trình dạy và học, quy trình, hình thức kiểm tra đánh giá được thực hiện một cách chặt chẽ, nghiêm túc, đa dạng và linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và luôn được rà soát, đánh giá để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR của CTĐT; đồng thời góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo. Khoa cũng đã xây dựng được phong trào NCKH trong GV và SV, phần lớn các đề tài, kết quả NCKH đều gắn với các nhiệm vụ đào tạo, giúp cải tiến, nâng cao chất lượng dạy và học và có giá trị thực tiễn trong phục vụ cộng đồng.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ các hoạt động dạy và học, NCKH và hỗ trợ các hoạt động khác đã được đánh giá khi kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và hiện đang triển khai cải tiến theo kế hoạch hành động đã đặt ra. Phòng KT&ĐBCL của Trường luôn chú trọng đến việc rà soát, đánh giá và cải tiến phương thức và cơ chế phản hồi của các bên liên quan nhằm tạo được hiệu quả và độ tin cậy cao.

### ***1.11. Về kết quả đầu ra***

Nhà trường và Khoa đã thực hiện tốt việc quản lý và giám sát kế hoạch học tập, kết quả học tập và thời gian tốt nghiệp của SV thông qua các CVHT, duy trì sinh hoạt lớp hàng tháng để nhắc nhở kịp thời tình hình, kế hoạch học tập của SV; thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỉ lệ SV thôi học, bỏ học và tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn. Đa số SV tốt nghiệp ngành Kỹ thuật điện đều có việc làm phù hợp sau khi ra trường, đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực kỹ sư điện cho khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

Khoa có kế hoạch phát triển, triển khai hướng dẫn và theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động NCKH của SV, tập trung các hướng nghiên cứu ứng dụng, có tính thực tiễn cao; sử dụng hiệu quả các thiết bị hiện đại trong nghiên cứu thí nghiệm và thực hành; thường xuyên tổ chức các hoạt động câu lạc bộ học thuật để trao đổi, định hướng nghiên cứu cho SV, nhất là SV năm thứ nhất.

Nhà trường triển khai khảo sát trực tiếp và online YKPH từ các bên liên quan, qua đó thấy được mức độ hài lòng của người học, cựu người học, nhà tuyển dụng để rà soát, cải tiến chất lượng CTĐT ngành Kỹ thuật điện.

## **2. Những điểm tồn tại của CTĐT ngành Kỹ thuật điện**

### ***2.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo***

Mục tiêu của CTĐT chưa được rà soát, điều chỉnh và cập nhật một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay; CDR chưa được rà soát, điều chỉnh

thường xuyên theo từng năm học dựa trên việc lấy YKPH của cựu người học, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng lao động.

### ***2.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo***

Tiến trình đào tạo được mô tả trong CTĐT còn chưa đáp ứng nhu cầu học vượt, học sớm của người học; việc thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp.

Cơ sở dữ liệu, tài liệu tham khảo được cập nhật của CTĐT ngành Kỹ thuật điện còn thiếu; Việc lấy YKPH của cựu người học, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, đối tượng còn hạn hẹp.

### ***2.3. Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học***

Thông tin phản hồi của SV về chất lượng CTDH chưa đầy đủ và liên tục; ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, người học đối với các học phần chưa thực sự rõ ràng. CTDH của một số học phần có tính cập nhật chưa cao trong việc đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực cho xã hội. Một số học phần còn dạy theo cách truyền thống, chưa ứng dụng phương pháp, kỹ thuật hiện đại vào việc giảng dạy dẫn đến bài giảng chưa thực sự sinh động và trực quan.

### ***2.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học***

Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng đối với mục tiêu giáo dục chưa được tiến hành thường xuyên và rộng khắp; SV chưa thật sự thích nghi với phương pháp học tập tích cực như tự học, tự nghiên cứu, nhất là SV năm thứ nhất; CSVC chưa đáp ứng tốt điều kiện tổ chức làm các bài tập nhóm (bàn ghế không linh hoạt cho việc di chuyển); số lượng SV trong một lớp học còn đông nên nhiều học phần chưa phát huy được tính tự giác và tích cực của người học trong quá trình tương tác với GV.

### ***2.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học***

Việc đánh giá kết quả học tập chưa thống kê phân tích định lượng từng đề thi theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó để phân loại và đánh giá kết quả học tập của người học một cách chính xác; việc cập nhật thông tin các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học còn hạn chế. Nhà trường và Khoa chưa xây dựng được ngân hàng đề thi học phần; hình thức thi trắc nghiệm chỉ mới được triển khai ở một số học phần. Việc công bố điểm cuối kỳ cho SV đôi khi còn chậm (do có một số

học phần thỉnh giảng) dẫn đến ít nhiều ảnh hưởng đến SV trong việc phúc tra điểm và đăng ký môn học, đặc biệt đối với SV chuẩn bị tốt nghiệp.

### ***2.6. Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên***

Kế hoạch phát triển đội ngũ GV về kỹ năng giảng dạy chưa được Khoa và Nhà trường quan tâm thường xuyên và đúng mức; trình độ tiếng Anh của các GV chưa đồng đều và còn nhiều hạn chế; tỷ lệ GV được đào tạo tại các cơ sở ngoài nước còn ít. Số công trình NCKH của GV chưa đi sâu vào các vấn đề tồn tại của doanh nghiệp và phục vụ tốt cộng đồng; số lượng đề tài hàng năm được Nhà trường phân bổ về Khoa để GV và SV nghiên cứu còn quá ít so với nhu cầu. Kinh phí dành cho các đề tài nghiên cứu còn hạn chế.

### ***2.7. Về đội ngũ nhân viên***

Công tác quy hoạch, phát triển về chất lượng đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ; các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chưa phong phú và thường xuyên. Nhà trường chưa phân tích đề án việc làm thường xuyên để xác định các chỉ tiêu tuyển dụng, sử dụng đội ngũ nhân viên hợp lý; chưa có hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên.

### ***2.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học***

Chính sách tuyển sinh của Khoa vẫn còn một số tồn tại: hình ảnh và thông tin về ngành học, về đơn vị đào tạo chưa được hấp dẫn và chi tiết; chưa có các hình thức quảng bá để thu hút được những thí sinh giỏi, có năng lực và sự đam mê về ngành Kỹ thuật điện vào học; tỷ lệ thí sinh đăng ký nhập học thấp. Chất lượng đầu vào của người học thấp, nội dung một số học phần của CTĐT còn nặng tính lý thuyết, tính hàn lâm dẫn đến kết quả học tập chưa cao, số SV có học lực trung bình khó hoàn thành khóa học đúng thời hạn. Số lượng SV tham gia NCKH chưa nhiều. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến người học về các hoạt động học tập, ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực hiện đồng bộ. Không gian làm việc của Khoa còn chật hẹp dẫn đến những khó khăn và bất tiện trong việc gặp gỡ SV, học viên sau đại học.

### ***2.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị***

Việc lấy YKPH từ người học về CSVC và trang thiết bị chưa được tiến hành thường xuyên. Công tác liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với Thư viện tỉnh Bình

Định, các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản chưa được phát triển mạnh. Nguồn tài liệu phục vụ chuyên ngành Kỹ thuật điện chưa nhiều. Một số phòng thí nghiệm chưa được nâng cấp kịp thời, vẫn còn có các thiết bị cũ và lạc hậu. Chưa có một chính sách riêng quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

### ***2.10. Về nâng cao chất lượng***

Số lượng doanh nghiệp tham gia đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật điện chưa nhiều, phạm vi khảo sát mới chỉ giới hạn ở các doanh nghiệp trong khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên. Thiếu các văn bản ký kết với đơn vị tuyển dụng hoặc có tiềm năng tuyển dụng. Thời lượng thực hành trong CTĐT còn ít; số lượng các học phần để phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên lựa chọn chưa nhiều. Việc lấy YKPH của các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học chưa được đồng bộ, chưa có nhiều YKPH từ các nhà tuyển dụng, các chuyên gia giáo dục, các cán bộ quản lý. Các đề tài NCKH của Khoa chủ yếu là đề tài cấp trường với nguồn kinh phí hạn chế, chất lượng các đề tài còn nhiều mặt hạn chế, chưa có nhiều công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế.

Các dịch vụ hỗ trợ người học còn hạn chế, chưa thực hiện cải tiến chất lượng. Nguồn học liệu phục vụ học tập và giảng dạy ngành Kỹ thuật điện còn thiếu. Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

### ***2.11. Về kết quả đầu ra***

Công tác CVHT còn bị động, chưa phát huy hiệu quả trong việc tư vấn cho SV lập kế hoạch học tập theo tín chỉ. SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, còn chủ quan trong việc hoàn thành các điều kiện CĐR về ngoại ngữ và tin học theo quy định, dẫn đến tình trạng một số SV đã hoàn thành các môn học trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện CĐR. CTĐT ít nhiều chưa bám sát với nhu cầu tuyển dụng và xu hướng thị trường lao động. Có một tỷ lệ nhất định SV ngành Kỹ thuật điện làm trái ngành nghề sau khi tốt nghiệp. Một số SV chưa quan tâm, hứng thú với hoạt động NCKH. Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan để rà soát, cải tiến chất lượng CTĐT ngành Kỹ thuật điện chưa được thực hiện thường xuyên.

## **3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT**

Để khắc phục những tồn tại trên, Khoa KT&CN và Nhà trường đã có kế hoạch từ năm học 2019 - 2020 trở đi như sau:

### ***3.1. Về mục tiêu, chuẩn đầu ra và bản mô tả chương trình đào tạo***

Tiếp tục lấy ý kiến của các bên liên quan đến mục tiêu và CDR của CTĐT; tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật mục tiêu, CDR từng học phần và toàn bộ CTĐT theo hướng hiện đại hóa, tiếp cận quốc tế và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Tiếp tục rà soát, đánh giá và điều chỉnh lại tiến trình đào tạo thuộc các khối kiến thức theo lĩnh vực, khối ngành, nhóm ngành và chuyên ngành cho phù hợp hơn, theo hướng hỗ trợ thời gian nhiều hơn cho các nhóm học phần ngành và chuyên ngành; đề xuất Nhà trường tiếp tục bổ sung, cập nhật và nâng cấp hệ thống học liệu, đặc biệt là hệ thống bài giảng, giáo trình phục vụ các học phần thuộc chuyên ngành Kỹ thuật điện. Mở rộng hơn phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá; thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan theo hướng chuyên nghiệp.

### ***3.2. Về cấu trúc và nội dung CTDH và phương pháp tiếp cận trong dạy và học***

Xây dựng kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan như: nhà tuyển dụng, người học và cựu người học trong việc rà soát và điều chỉnh CTDH để hoàn thiện CTDH của ngành Kỹ thuật điện, đảm bảo tính cập nhật và thích ứng nhu cầu thực tế của xã hội về nhân lực. Tổ chức tập huấn về phương pháp giảng dạy với sự hỗ trợ của CNTT nhằm thay đổi hình thức và phương pháp giảng dạy cũ, kích thích tính chủ động của người học trong việc chiếm lĩnh kiến thức chuyên sâu. Đề xuất Nhà trường cho phép thay đổi cấu trúc các học phần ở năm thứ nhất và thứ hai theo hướng tăng cường thời lượng cho các học phần chuyên ngành.

Đẩy mạnh việc quảng bá thông tin, tổ chức bài bản việc lấy YKPH từ phía các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng. Tổ chức các hội nghị thảo luận về phương pháp dạy và học mới cho SV, đặc biệt là SV năm thứ nhất để người học nắm bắt và thay đổi tư duy theo cách thức học tập trong môi trường đại học. Thực hiện cập nhật, chỉnh sửa CTĐT theo định kỳ hàng năm và bổ sung thêm các tiêu chí “khả năng tự học, khả năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và phân tích tài liệu, khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch” vào tiêu chí đánh giá kết quả học tập từng học phần của người học.

### ***3.3. Về đánh giá kết quả học tập của người học***

Đề xuất Nhà trường tiếp tục xây dựng và ban hành các quy định về việc thiết kế đề thi tự luận, trắc nghiệm,... nhằm đáp ứng CDR; Khoa sẽ tổ chức thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi, đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi theo CDR,

đảm bảo tính chính xác và công bằng trong đánh giá kết quả người học. Đề xuất Nhà trường về việc công khai đáp án chấm thi cuối kỳ để SV tự đối chiếu với bài thi và có kế hoạch điều chỉnh việc học tập, thúc đẩy việc chấm thi và công bố điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng thời hạn. Đề nghị Nhà trường ban hành và công bố công khai quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập trên website của Trường, của Khoa, trong sổ tay người học giúp người học tiếp cận dễ dàng và nắm bắt rõ hơn quy trình này.

#### **3.4. Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên**

Đề nghị Trường có chính sách ưu đãi để thu hút người trình độ chuyên môn cao từ các trường đại học uy tín trên thế giới đến trao đổi, giao lưu học tập, giảng dạy tại Khoa. Khoa thành lập các nhóm nghiên cứu để tiếp cận, đăng ký thực hiện các đề tài NCKH nhiều hơn nhằm phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh trong khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Xây dựng và ban hành kế hoạch phát triển chuyên môn, nghiệp vụ và đội ngũ kế thừa. Đề nghị Trường thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng tiếng Anh giao tiếp cho các GV để nâng cao khả năng trao đổi học thuật, nghiên cứu và hội nhập quốc tế; khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện để ít nhất mỗi năm có 01 GV đi đào tạo, bồi dưỡng ở ngoài nước; tăng cường kinh phí cho việc thực hiện đề tài NCKH của GV và SV.

Tiến hành xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể từng vị trí việc làm để từ đó có chính sách, tuyển dụng, bổ nhiệm, xét thi đua khen thưởng hợp lý hơn, đồng thời có cơ sở để theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ, phục vụ tốt hơn cho đào tạo và NCKH.

#### **3.5. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học**

Khoa sẽ tăng cường công tác quảng bá tuyển sinh bằng nhiều hình thức, nhiều kênh thông tin, qua các bài viết, các hình ảnh, hoạt động của Khoa, của các tổ chức đoàn thể, các câu lạc bộ học thuật trên trang web, trang mạng xã hội của Khoa; đồng thời sẽ thực hiện một video clip giới thiệu về các ngành đào tạo, các kết quả NCKH của SV, cơ hội việc làm của SV sau khi tốt nghiệp,... để quảng bá rộng rãi đến các em học sinh THPT trên địa bàn tỉnh Bình Định và các tỉnh lân cận. Tiến hành rà soát lại đề cương các học phần, điều chỉnh việc phân bổ các môn học, điều tra và đánh giá nguyên nhân khiến cho SV hoàn thành khóa học chưa đúng hạn. Đội ngũ CVHT tiếp tục duy trì, tăng cường các hoạt động tư vấn học tập, khuyến khích hoạt động NCKH



trong SV, hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm. Đề nghị Nhà trường đầu tư xây dựng thêm các khu nhà làm việc, khu tự học để tạo môi trường làm việc, học tập thuận lợi hơn nữa cho GV và người học.

### ***3.6. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị***

Khoa kết hợp với các phòng chức năng trong Nhà trường, sẽ tiếp tục lấy YKPH từ người học về CSVC và trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH; liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với Thư viện tỉnh Bình Định, các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản. Đề xuất Nhà trường đầu tư kinh phí để bổ sung, cập nhật nguồn tài liệu phục vụ đào tạo ngành Kỹ thuật điện. Tiếp tục xây dựng các đề án nâng cấp các phòng thí nghiệm - thực hành theo hướng hiện đại. Tăng cường công tác quản lý SV, tránh hiện tượng vi phạm nội quy của Nhà trường, đồng thời thực hiện chính sách riêng, quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

### ***3.7. Về nâng cao chất lượng và kết quả đầu ra***

Nhà trường tiếp tục duy trì và mở rộng đối tượng lấy thông tin phản hồi của các bên liên quan để cập nhật CTĐT. Tăng cường hợp tác, ký kết biên bản ghi nhớ với các doanh nghiệp; tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về kỹ năng mềm, các hội thảo để SV có cơ hội tiếp xúc với các doanh nghiệp và rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp. Tiến hành rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định liên quan cũng như tăng cường việc lấy YKPH các bên liên quan về các hoạt động dạy và học, đánh giá kết quả học tập để đảm bảo tính hệ thống, thống nhất, cập nhật và phù hợp với CDR của CTĐT. Thành lập các nhóm nghiên cứu, liên kết và tìm kiếm các nguồn tài trợ từ Quỹ Khoa học và Công nghệ Quốc gia - Nafosted, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đối tác... để có thể thực hiện các đề tài nghiên cứu với quy mô lớn, nâng cao chất lượng đề tài. Thực hiện rà soát hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ người học; thúc đẩy các dịch vụ hỗ trợ người học tại các phòng thí nghiệm - thực hành, phòng thực hành máy tính. Đề xuất Nhà trường mua bổ sung học liệu cho chuyên ngành Kỹ thuật điện; tăng cường cơ sở hạ tầng CNTT tại các giảng đường.

Tăng cường tính chủ động của các CVHT trong việc tư vấn kế hoạch học tập cho SV và thực hiện báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở SV hoàn thành các điều kiện CDR, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn. Nhà trường tiếp tục duy trì việc lấy YKPH của các bên liên quan và khảo sát về tình trạng việc làm

của SV sau khi tốt nghiệp ra trường nhằm cải tiến chất lượng và cập nhật CTĐT, đáp ứng CDR và nhu cầu xã hội.

Khoa sẽ đẩy mạnh việc NCKH trong SV, lồng ghép các cuộc thi phát triển kỹ năng, chuyên môn trong các hoạt động của các CLB trong Khoa; đưa học phần Kỹ năng mềm vào CTĐT ngành Kỹ thuật điện; tổ chức các hoạt động nâng cao kỹ năng mềm cho SV thông qua các hoạt động ngoại khóa.

#### **4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT**

Căn cứ vào bộ Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường đại học của Bộ GD&ĐT, tổng hợp kết quả đánh giá của 11 tiêu chuẩn gồm 50 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá nhận thấy có 49 tiêu chí đạt, 1 tiêu chí không đạt. Kết quả cụ thể của từng tiêu chuẩn và tiêu chí như sau:

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Quy Nhơn**

Tên CTĐT: **Kỹ thuật điện**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b>								4.67	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b>								5.00	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b>								5.00	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b>										
Tiêu chí 4.1					5					

Tiêu chí 4.2				4				4.33	3	100
Tiêu chí 4.3				4						
<b>Tiêu chuẩn 5</b>								4.80	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5				4						
<b>Tiêu chuẩn 6</b>										
Tiêu chí 6.1						6				
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7					5					
<b>Tiêu chuẩn 7</b>										
Tiêu chí 7.1				4						
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3					5					

Tiêu chí 7.4					5			4.20	4	80
Tiêu chí 7.5			3							
<b>Tiêu chuẩn 8</b>										
Tiêu chí 8.1					5			4.80	5	100
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
<b>Tiêu chuẩn 9</b>										
Tiêu chí 9.1					5			5.00	5	100
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4						6				
Tiêu chí 9.5					5					
<b>Tiêu chuẩn 10</b>										
Tiêu chí 10.1				4				4.17	6	100
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				4						
<b>Tiêu chuẩn 11</b>										
Tiêu chí 11.1					5					

Tiêu chí 11.2				5			5.00	5	100
Tiêu chí 11.3				5					
Tiêu chí 11.4				5					
Tiêu chí 11.5				5					
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>							<b>4.71</b>	<b>49</b>	<b>98</b>

Bình Định, ngày 01 tháng 3 năm 2019

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ**

## Phần IV: PHỤ LỤC

### PHỤ LỤC 1

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 792/QĐ-ĐHQN

Bình Định, ngày 22 tháng 5 năm 2018

#### QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá  
Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 1842/QĐ ngày 21 tháng 12 năm 1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về thành lập cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn; Quyết định số 02/HĐBT ngày 13 tháng 7 năm 1981 về thành lập Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn; Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ quy định về trách nhiệm, quyền hạn của Hiệu trưởng trường đại học tại Điều 11 "Điều lệ trường đại học" ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và Trưởng khoa Kỹ thuật và Công nghệ,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành *Kỹ thuật điện* gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá có Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành *Kỹ thuật điện* theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Công văn hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trưởng khoa Kỹ thuật và Công nghệ, các Trưởng đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công bố website Trường;
- Lưu: VT, K, KTCN, KTĐBCL.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ





**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN**

(Kèm theo Quyết định số 792/QĐ-ĐHQN ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Ông Đỗ Ngọc Mỹ	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Ông Nguyễn Đình Hiền	PGS. TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3.	Ông Đoàn Đức Tùng	TS, Trưởng khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Phó Chủ tịch
4.	Ông Trương Minh Tấn	TS, Phó Trưởng khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thư ký
5.	Ông Nguyễn Hữu Tiến	ThS, Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
6.	Ông Lê Xuân Vinh	TS, Trưởng Phòng Đào tạo đại học	Thành viên
7.	Ông Lê Tuấn Hộ	TS, Trưởng Bộ môn Kỹ thuật điện, khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
8.	Ông Nguyễn Hồng Anh	GS.TS, Giảng viên khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
9.	Ông Huỳnh Đức Hoàn	PGS.TS, Trưởng phòng Cơ sở vật chất	Thành viên
10.	Ông Huỳnh Nguyễn Bảo Phương	TS, Phó Trưởng khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
11.	Ông Hồ Văn Phi	TS, Trưởng phòng Công tác sinh viên	Thành viên
12.	Ông Huỳnh Công Tú	TS, Phó Trưởng phòng Đào tạo đại học	Thành viên
13.	Ông Mai Xuân Miên	TS, Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp	Thành viên
14.	Ông Nguyễn Khắc Khanh	ThS. Giám đốc TT. Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ DN	Thành viên
15.	Ông Nguyễn Văn Lâm	Sinh viên KTĐ, ĐT K38, Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên

(Danh sách gồm có 15 người). 



## DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 792/QĐ-ĐHQN ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Ông Trương Minh Tấn	TS, Phó Trưởng khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Trưởng Ban Thư ký
2.	Ông Đoàn Thanh Bảo	TS, Giảng viên Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
3.	Ông Ngô Minh Khoa	TS, Giảng viên Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
4.	Ông Bùi Văn Vũ	ThS, Giảng viên Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
5.	Ông Lê Thái Hiệp	TS, Giảng viên Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
6.	Ông Lương Ngọc Toàn	ThS, Giảng viên Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
7.	Bà Nguyễn Thị Khánh Linh	ThS, Chuyên viên Phòng KT&ĐBCL	Thành viên hỗ trợ

(Danh sách gồm có 07 người). *16/2*



## DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 792/QĐ-ĐHQN ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Stt	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
<b>Nhóm 1</b>			
1.	Ông Lê Tuấn Hộ	TS, Trưởng Bộ môn Kỹ thuật điện, khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Trưởng nhóm
2.	Ông Bùi Văn Vũ	ThS, Giảng viên khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thư ký
3.	Ông Nguyễn Ngọc Mỹ	TS, Giảng viên khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
4.	Ông Đỗ Văn Cần	ThS, Giảng viên khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
5.	Ông Nguyễn Mai Vũ	Trợ lý khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
<b>Nhóm 2</b>			
1.	Ông Trương Minh Tấn	TS, Phó Trưởng khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Trưởng nhóm
2.	Ông Ngô Minh Khoa	TS, Giảng viên khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thư ký
3.	Ông Nguyễn Thái Bảo	ThS, Giảng viên khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
4.	Bà Nguyễn Thị Hoài Giang	Thư ký khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
<b>Nhóm 3</b>			
1.	Ông Đoàn Đức Tùng	TS, Trưởng khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Trưởng nhóm
2.	Ông Đoàn Thanh Bảo	TS, Giảng viên khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thư ký
3.	Ông Nguyễn Duy Khiêm	TS, Giảng viên khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
4.	Ông Nguyễn Xuân Thâm	ThS, Kỹ sư khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
<b>Nhóm 4</b>			
1.	Ông Huỳnh Nguyễn Bảo Phương	TS, Phó Trưởng khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Trưởng nhóm

2.	Ông Lê Thái Hiệp	TS, Giảng viên khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thư ký
3.	Ông Thân Văn Thông	ThS, Giảng viên khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
4.	Ông Trần Xuân Khoa	ThS, Kỹ sư khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
<b>Nhóm 5</b>			
1.	Ông Huỳnh Công Tú	TS, Phó Trường phòng Đào tạo đại học	Trưởng nhóm
2.	Ông Lương Ngọc Toàn	ThS, Giảng viên khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thư ký
3.	Ông Nguyễn Mai Chí Trung	TS, Trưởng Bộ môn Kỹ thuật xây dựng, khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
4.	Ông Nguyễn An Toàn	ThS, Giảng viên khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên

(Danh sách gồm có 21 người). *WQ*





## PHỤ LỤC 2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Số: 3016/QĐ-ĐHQN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 31 tháng 10 năm 2019

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá  
Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 1842/QĐ ngày 21 tháng 12 năm 1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về thành lập cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn; Quyết định số 02/HĐBT ngày 13 tháng 7 năm 1981 về thành lập Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn; Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ quy định về trách nhiệm, quyền hạn của Hiệu trưởng trường đại học tại Điều 11 "Điều lệ trường đại học" ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 792/QĐ-ĐHQN ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện:

- PGS.TS. Huỳnh Đức Hoàn, Trưởng khoa Kỹ thuật và Công nghệ làm Phó Chủ tịch Hội đồng (thay cho TS. Đoàn Đức Tùng);
- TS. Nguyễn Mai Chí Trung, Phó TK. Kỹ thuật và Công nghệ làm Thư ký Hội đồng;
- TS. Đoàn Đức Tùng, Trưởng phòng Cơ sở vật chất và TS. Trương Minh Tấn, Phó TP. Đào tạo đại học làm thành viên Hội đồng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

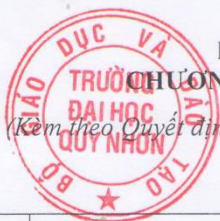
**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trưởng khoa Kỹ thuật và Công nghệ, các Trưởng đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KTĐBCL



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ



**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN**

(Kèm theo Quyết định số 5016/QĐ-ĐHQN ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Ông Đỗ Ngọc Mỹ	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Ông Nguyễn Đình Hiền	PGS. TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3.	Ông Huỳnh Đức Hoàn	PGS.TS, Trưởng khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Phó Chủ tịch
4.	Ông Nguyễn Mai Chí Trung	TS, Phó Trưởng khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thư ký
5.	Ông Nguyễn Hữu Tiến	ThS, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
6.	Ông Lê Xuân Vinh	TS, Trưởng phòng Đào tạo đại học	Thành viên
7.	Ông Đoàn Đức Tùng	TS, Trưởng phòng Cơ sở vật chất	Thành viên
8.	Ông Trương Minh Tấn	TS, Phó Trưởng phòng Đào tạo đại học	Thành viên
9.	Ông Lê Tuấn Hộ	TS, Trưởng Bộ môn Kỹ thuật điện, khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
10.	Ông Nguyễn Hồng Anh	GS.TS, Giảng viên khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
11.	Ông Huỳnh Nguyễn Bảo Phương	TS, Phó Trưởng khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
12.	Ông Hồ Văn Phi	TS, Trưởng phòng Công tác sinh viên	Thành viên
13.	Ông Huỳnh Công Tú	TS, Phó Trưởng phòng Đào tạo đại học	Thành viên
14.	Ông Mai Xuân Miên	TS, Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp	Thành viên
15.	Ông Nguyễn Khắc Khanh	ThS. Giám đốc TT. Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ DN	Thành viên
16.	Ông Nguyễn Văn Lâm	Sinh viên KTĐ, ĐT K38, Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên

(Danh sách gồm có 16 người). *008*





**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ**

(Kèm theo Quyết định số 3016/QĐ-ĐHQN ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Ông Nguyễn Mai Chí Trung	TS, Phó Trưởng khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Trưởng Ban Thư ký
2.	Ông Đoàn Thanh Bảo	TS, Giảng viên Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
3.	Ông Ngô Minh Khoa	TS, Giảng viên Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
4.	Ông Bùi Văn Vũ	ThS, Giảng viên Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
5.	Ông Lê Thái Hiệp	TS, Giảng viên Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
6.	Ông Lương Ngọc Toàn	ThS, Giảng viên Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
7.	Bà Nguyễn Thị Khánh Linh	ThS, Chuyên viên Phòng KT&ĐBCL	Thành viên hỗ trợ

(Danh sách gồm có 07 người). *NC*





## PHỤ LỤC 3

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1401/KH-ĐHQN

Bình Định, ngày 15 tháng 6 năm 2018

### KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN

#### 1. Mục đích tự đánh giá

Hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Kỹ thuật điện nhằm mục đích:

- Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo kỹ sư ngành Kỹ thuật điện với Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, Khoa và Nhà trường xây dựng kế hoạch đảm bảo, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo kỹ sư ngành Kỹ thuật điện.

- Làm cơ sở để tiến tới kiểm định chất lượng CTĐT ngành Kỹ thuật điện theo Bộ Tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng của mạng lưới các trường đại học ASEAN(AUN-QA).

#### 2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá tất cả các hoạt động thực hiện CTĐT ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học của Khoa Kỹ thuật & Công nghệ theo Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2014-2018.

#### 3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn: văn bản số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH, 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục và công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GD ĐH của Cục Quản lý chất lượng.

#### 4. Hội đồng tự đánh giá

##### 4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật điện được thành lập theo Quyết định

số 792/QĐ-ĐHQN ngày 22 tháng 05 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Quy Nhơn, Hội đồng gồm có 15 thành viên (danh sách kèm theo).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện:

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	Nhóm 1	Tháng 5-11/2018	
2	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	Nhóm 2	Tháng 5-11/2018	
3	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	Nhóm 3	Tháng 5-11/2018	
4	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Nhóm 4	Tháng 5-11/2018	
5	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Nhóm 5	Tháng 5-11/2018	

### 5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Để chuẩn bị cho hoạt động tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá cần huy động và sử dụng các nguồn lực sau:



TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1 Tiêu chuẩn 2 Tiêu chuẩn 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát, thu thập và hoàn chỉnh các minh chứng theo Công-văn số: 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn 1, 2 và 3</li> <li>- Nhóm công tác chuyên trách (nhóm 1) viết các báo cáo của từng tiêu chí(thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</li> <li>- Trưởng nhóm chuyên trách (nhóm 1) tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn 1, 2 và 3</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng Đào tạo đại học, Phòng Khảo thí &amp; ĐBCL, Phòng Công tác sinh viên, TT CNTT &amp; Truyền thông, Giảng viên, Đơn vị tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên....</li> <li>-Thành viên quản lý Website của Khoa, của Trường</li> </ul>	Tháng 5-9/2018	
2	Tiêu chuẩn 4 Tiêu chuẩn 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát, thu thập và hoàn chỉnh các minh chứng theo Công văn số: 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn 4 và 5</li> <li>- Nhóm công tác chuyên trách(nhóm 2) viết các báo cáo của từng tiêu chí(thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</li> <li>- Trưởng nhóm chuyên trách (nhóm 2) tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn 4 và 5</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng Đào tạo đại học, Phòng Khảo thí &amp; ĐBCL, Phòng Công tác sinh viên, TT CNTT &amp; Truyền thông, Giảng viên, Đơn vị tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên....</li> </ul>	Tháng 5-9/2018	

C  
RƯỜNG ĐẠI HỌC  
TUYỂN  
B

3	Tiêu chuẩn 6 Tiêu chuẩn 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát, thu thập và hoàn chỉnh các minh chứng theo Công văn số: 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn 6 và 7.</li> <li>- Nhóm công tác chuyên trách (nhóm 3) viết các báo cáo của từng tiêu chí(thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</li> <li>- Trưởng nhóm chuyên trách (nhóm 3) tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn 6, 7</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng Tổ chức – Cán bộ, Phòng QLKH &amp; HTQT, Giảng viên, ...</li> </ul>	Tháng 5-9/2018	
4	Tiêu chuẩn 8 Tiêu chuẩn 9	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát, thu thập và hoàn chỉnh các minh chứng theo Công văn số: 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn 8 và 9</li> <li>- Nhóm công tác chuyên trách (nhóm 4) viết các báo cáo của từng tiêu chí(thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</li> <li>- Trưởng nhóm chuyên trách (nhóm 4) tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn 8 và 9</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: TT HTSV &amp;QHDN, Phòng Đào tạo đại học, Phòng Khảo thí &amp; ĐBCL, Phòng Cơ sở vật chất, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, Giảng viên, Đơn vị tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên....</li> </ul>	Tháng 5-9/2018	
5	Tiêu chuẩn 10 Tiêu chuẩn 11	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát, thu thập và hoàn chỉnh các minh chứng theo Công văn số: 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng Đào tạo đại học, Phòng Khảo thí &amp;</li> </ul>	Tháng 5-9/2018	

		<p>lượng đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn 10 và 11</p> <p>- Nhóm công tác chuyên trách (nhóm 5) viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</p> <p>- Trưởng nhóm chuyên trách (nhóm 5) tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn 10 và 11</p>	<p>ĐBCL, Phòng Công tác sinh viên, TT HTSV &amp; QHDN, Giảng viên, Đơn vị tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên....</p>		
--	--	---	--	--	--

### 6. Các loại thông tin cần thu thập

Để viết báo cáo tự đánh giá, Khoa cần thu thập các thông tin sau:

TT	Nội dung thông tin	Hình thức	Sản phẩm
1	Đánh giá của SV năm cuối về CTĐT	- Bảng hỏi - Phỏng vấn	- Kết quả xử lý số liệu - Biên bản phỏng vấn
2	Đánh giá của cựu SV về CTĐT trong vòng 3 năm gần nhất	- Bảng hỏi - Phỏng vấn	- Kết quả xử lý số liệu - Biên bản phỏng vấn
3	Đánh giá của giảng viên tham gia giảng dạy về CTĐT	- Bảng hỏi - Phỏng vấn	- Kết quả xử lý số liệu - Biên bản phỏng vấn
4	Đánh giá của nhà tuyển dụng về chất lượng người tốt nghiệp	- Bảng hỏi - Phỏng vấn	- Kết quả xử lý số liệu - Biên bản phỏng vấn
5	Đánh giá của SV về các hoạt động hỗ trợ người học	- Bảng hỏi - Phỏng vấn	- Kết quả xử lý số liệu - Biên bản phỏng vấn





## 7. Thời gian biểu:

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT (7 tháng) theo lịch trình sau:

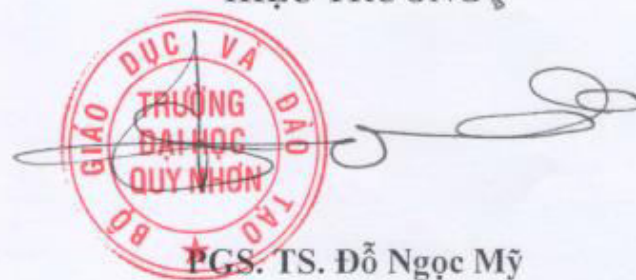
Thời gian	Các hoạt động
14/5 - 27/5/2018	Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: <ul style="list-style-type: none"><li>• Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;</li><li>• Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;</li><li>• Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;</li><li>• Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT</li></ul>
28/5 - 10/6/2018	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT.</li><li>2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan.</li><li>3. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua:<ul style="list-style-type: none"><li>• Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT;</li><li>• Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT);</li><li>• Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.</li></ul></li></ol>
11/6 - 22/7/2018	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.</li><li>2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.</li><li>3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được.</li><li>4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được.</li><li>5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT</li></ol>
23/7 - 16/9/2018	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</li><li>2. Trường các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết)</li></ol>
17/9 - 23/9/2018	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: <ul style="list-style-type: none"><li>• Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo;</li></ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá;</li> <li>• Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được;</li> <li>• Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung;</li> <li>• Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT</li> </ul>
24/9 - 21/10/2018	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần).</li> <li>2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý</li> </ol>
22/10 - 11/11/2018	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban) trong nội bộ Trường và Khoa KT&amp;CN.</li> <li>2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá</li> </ol>
12/11 - 18/11/2018	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện;</li> <li>2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét</li> </ol>
19/11 - 25/11/2018	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo.</li> <li>2. Trường/Khoa bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để họp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.</li> </ol>

**Nơi nhận:**

- Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật điện;
- Phòng Khảo thí & ĐBCL;
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu: VT, VP Khoa KTCN.

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ